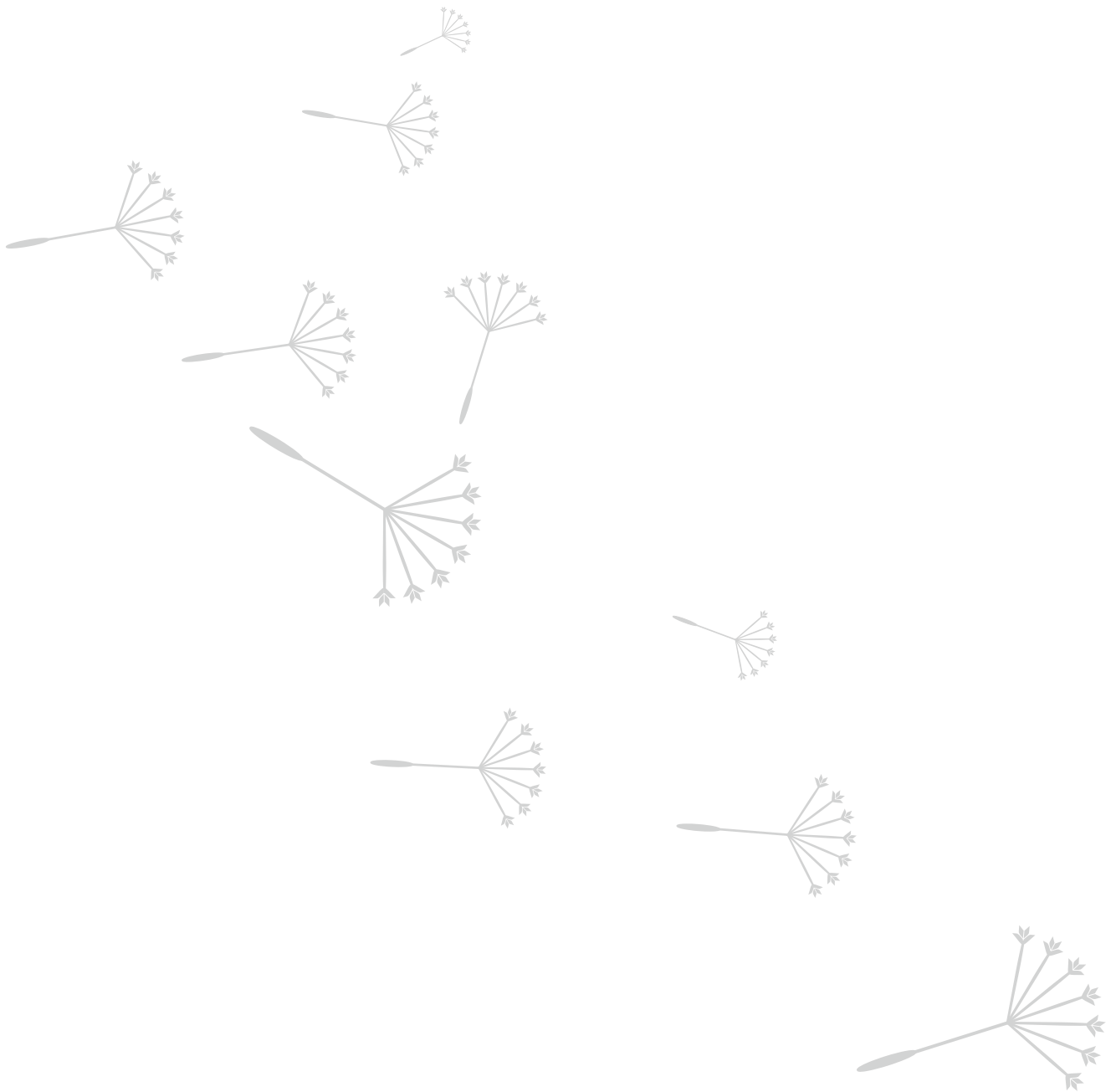




 **VPBank**

2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



HOA BỒ CÔNG ANH, với các nhụy hoa được cách điệu từ logo Hoa Thịnh Vượng tung bay theo gió đi gieo mầm sung túc và thịnh vượng cho muôn nhà, thể hiện sự phát triển vững chắc và đầy tiềm năng của Ngân hàng



MỤC LỤC

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT	05
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	06
TỔNG QUAN VỀ VPBANK	08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014	13
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NỔI BẬT	22
CÁC THÀNH TỰU VỀ XÂY DỰNG NỀN TẢNG	30
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	38
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	58
KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015	133
MẠNG LƯỚI VPBANK	134

Tầm nhìn đến năm **2017**

VPBank trở thành **1**

trong 5 Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam
trong 3 Ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

HIỆU QUẢ

THAM VỌNG

PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

TIN CẬY

TẠO SỰ KHÁC BIỆT

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tỷ đồng)	2012	2013	2014	% 2014 vs. 2013
Tổng tài sản	102.673	121.264	163.241	34,6%
Vốn chủ sở hữu	6.709	7.727	8.980	16,2%
Huy động khách hàng	59.514	83.844	108.354	29,2%
Dư nợ cấp tín dụng	44.965	65.625	91.535	39,5%
<i>Trong đó: Cho vay khách hàng</i>	36.903	52.474	78.379	49,4%
Thu nhập hoạt động thuần	3.114	4.969	6.269	26,2%
Lợi nhuận trước thuế	949	1.355	1.609	18,7%
MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ	2012	2013	2014	2014 vs. 2013
ROE	11%	14%	15%	1%
Hệ số an toàn CAR	12,5%	12,5%	11,4%	(0,9%)
Số lượng nhân viên	4.326	6.795	9.501	2.706
Số lượng điểm giao dịch	204	207	209	2
Số lượng Khách hàng hoạt động (nghìn KH)	251	399	725	326

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (tỷ đồng)



TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



HUY ĐỘNG KHÁCH HÀNG (tỷ đồng)



CHO VAY KHÁCH HÀNG (tỷ đồng)



Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC



Thân gửi Quý vị cổ đông và Quý khách hàng,

Năm 2014 là năm thứ 3 trong lộ trình triển khai chiến lược 5 năm của VPBank với tầm nhìn trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam vào năm 2017. Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, chúng tôi bày tỏ sự vui mừng, tự hào đối với những thành tựu mà VPBank đạt được trong năm 2014 trên cả góc độ xây dựng nền tảng và kết quả kinh doanh. Những thành tựu này khẳng định chiến lược mà VPBank đang triển khai là đúng đắn và củng cố niềm tin về cơ hội đạt được tầm nhìn của Ngân hàng.

Chúng tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các Quý vị cổ đông và Quý khách hàng đã đồng hành và ủng hộ VPBank trong năm vừa qua. Chúng tôi cũng đặc biệt cảm ơn sự đóng góp của Ban Điều hành, các cán bộ quản lý, cùng toàn thể cán bộ nhân viên VPBank vì sự nỗ lực không mệt mỏi cho sự phát triển của Ngân hàng.

Tính đến 31/12/2014, dư nợ của VPBank tăng hơn 39%, huy động tăng hơn 29%, lợi nhuận trước thuế đạt 1.609 tỷ đồng, chi phí trích lập dự phòng rủi ro ở mức 979 tỷ đồng, tương đương năm 2013. Kết quả lợi nhuận đạt được năm 2014 giúp VPBank tiếp tục củng cố vị trí nằm trong nhóm các ngân hàng có lợi nhuận cao hàng đầu tại thị trường Việt Nam hiện nay.

Về chiến lược kinh doanh, VPBank tiếp tục phát triển hai phân khúc trọng tâm là phân khúc Khách hàng cá nhân và phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mặc dù hiệu quả sinh lời từ hai phân khúc này trong năm 2014 chưa thể hiện hết vai trò là mũi nhọn kinh doanh nhưng kết quả tăng trưởng ấn tượng về quy mô huy động và cho vay của hai phân khúc này trong năm vừa qua là một thành tích rất đáng tự hào. Cùng với sự tăng trưởng mạnh về quy mô của hai phân khúc khách hàng trọng tâm, năm 2014 cũng là một năm hết sức thành công, đặc biệt là xét về mặt hiệu quả của các mảng kinh doanh khác như các Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Khối Thị trường Tài chính, Khối Quản lý Đầu tư và Dự án, Khối Tín dụng Tiêu dùng... Các đơn vị kinh doanh này đã khai thác các sản phẩm dịch vụ đặc thù, các chương trình bán chéo sản phẩm và các chiến lược thành phần phù hợp với từng mảng kinh doanh,... để phát huy mạnh mẽ hiệu quả hoạt động, đóng góp lớn vào kết quả doanh thu, lợi nhuận chung của toàn Ngân hàng năm 2014.

Sự thành công của VPBank trong năm qua không chỉ đơn thuần dừng lại ở các kết quả kinh doanh. Năm 2014 còn là năm khẳng định sự thành công của VPBank trong việc xây dựng, chuyển đổi thành công hàng loạt các hệ thống nền tảng mà Ngân hàng đã khởi động từ cuối năm 2012 như: Hệ thống phê duyệt tín dụng tập trung (CPC); hệ thống thu hồi nợ tập trung đồng bộ; hệ thống kênh bán hàng chuyên môn hóa cho từng phân khúc khách hàng và nhóm sản phẩm; hệ thống vận hành tập trung, hệ thống quản trị rủi ro, quản trị tài chính, công nghệ thông tin... Sự thành công trong công tác xây dựng và chuyển đổi các hệ thống nền tảng theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa đã tạo tiền đề vững chắc để VPBank bước sang giai đoạn Tăng trưởng quyết liệt từ đầu năm 2015 trong khuôn khổ chiến lược giai đoạn 2012 - 2017.

Môi trường kinh tế vĩ mô năm 2015 dự kiến còn nhiều biến động phức tạp do tác động từ các bất ổn chính trị - kinh tế toàn cầu cũng như các yếu tố nội tại của kinh tế vĩ mô Việt Nam, đặc biệt là yêu cầu ngày càng cao hơn từ phía các cơ quan quản lý đối với các chuẩn mực quản trị trong lĩnh vực ngân hàng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự báo tiếp tục ở mức thấp, áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng đang ở mức cao và sẽ tiếp tục gia tăng hơn nữa trong tương lai. Vì vậy, VPBank bước vào giai đoạn Tăng trưởng quyết liệt trong điều kiện môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với hệ thống nền tảng được củng cố vững chắc, hệ thống kênh bán hàng được tổ chức chuyên nghiệp cho từng phân khúc khách hàng, đội ngũ cán bộ được tuyển dụng và đào tạo bài bản trong năm 2014, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào sự thành công của VPBank trong năm 2015 cũng như trong hành trình trở thành một trong các ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam trong tương lai không xa.

Xin trân trọng cảm ơn!



Ngô Chí Dũng
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc



TỔNG QUAN VỀ VPBANK



VPBank với 21 năm phát triển và gieo mầm Thịnh Vượng

CÁC MỐC PHÁT TRIỂN

1993

- Được thành lập với tên gọi Ngân hàng TMCP Các Doanh Nghiệp Ngoài Quốc Doanh, vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

2006

- OCBC Singapore trở thành cổ đông chiến lược;
- Thành lập 2 công ty con là Công ty Quản lý Tài sản VPBank AMC và Công ty TNHH Chứng khoán VPBS.

2007

- Là ngân hàng đầu tiên phát hành thẻ chip ở Việt Nam.

2009

- Ra mắt dịch vụ ngân hàng điện tử.

2010

- Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới;
- Thí điểm triển khai mô hình chi nhánh ngân hàng bán lẻ hiện đại với sự hỗ trợ của công ty tư vấn quốc tế McKinsey & Company;
- Thành lập bộ phận Tín dụng tiêu dùng dưới thương hiệu FE Credit.

2011

- Triển khai 6 sáng kiến chiến lược với sự hỗ trợ của McKinsey & Company để chuyển sang mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại;
- Ra mắt các điểm giao dịch chuẩn đầu tiên theo mô hình này;
- Lần đầu tiên lợi nhuận trước thuế vượt 1.000 tỷ đồng.

2012

- Xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2012-2017 với sự hỗ trợ của McKinsey & Company;
- Ra mắt không gian giao dịch mới;
- Lần đầu tiên tổng tài sản vượt 100 nghìn tỷ đồng;
- Được công nhận là Thương hiệu Quốc gia.

2013

- Xây dựng và triển khai giai đoạn 1 của Chương trình Chuyển đổi;
- Xây dựng lộ trình tổng thể cho lĩnh vực quản trị rủi ro và công nghệ thông tin;
- Tổ chức lại các đơn vị kinh doanh, hỗ trợ và mạng lưới phân phối;
- Lần đầu tiên được Moody's xếp hạng tín nhiệm ở mức B3 với triển vọng "Ổn định";
- Lần đầu tiên lợi nhuận sau thuế vượt 1.000 tỷ đồng.

2014

- Hoàn thành cơ bản giai đoạn 1 của Chương trình Chuyển đổi;
- Là 1 trong 10 ngân hàng hàng đầu Việt Nam được lựa chọn thực hiện phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II vào năm 2015;
- Được Moody's nâng mức triển vọng từ "Ổn định" lên "Tích cực";
- Lần đầu tiên tổng tài sản vượt 160 nghìn tỷ đồng;
- Mua lại thành công Công ty Tài chính Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và đổi tên thành Công ty Tài chính VPBank (VPB FC);
- Được công nhận là Thương hiệu Quốc gia lần thứ 2.

VPBANK

10

ĐIỂM SÁNG TIÊU BIỂU 2014



1. Tăng cường gắn kết với khách hàng

Trong suốt năm 2014, VPBank liên tục ra mắt các sản phẩm, dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu đặc thù của từng khách hàng như thẻ VP Lady cho khách hàng phụ nữ, sản phẩm VPBiz Card cho khách hàng doanh nghiệp, đồng thời triển khai các chương trình ưu đãi lãi suất hết sức cạnh tranh và được khách hàng đón nhận nồng nhiệt. Với mục tiêu đem đến sự thịnh vượng cả về vật chất lẫn tinh thần cho khách hàng, VPBank đã tổ chức những khóa đào tạo, hội thảo, tọa đàm về kinh tế vĩ mô, nâng cao kỹ năng quản lý tài chính, kiến thức phong thủy, các buổi bán hàng của những thương hiệu nổi tiếng dành riêng cho khách hàng của VPBank, những chương trình chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp dành cho phụ nữ, v.v. Giá trị tinh thần mà VPBank đem đến cho khách hàng còn được thể hiện ở những đêm nhạc đỉnh cao, hướng tới đối tượng khách hàng cụ thể, đa dạng về quy mô và cách thức tổ chức, với sự góp mặt của những ca sỹ nổi tiếng trong nước và thế giới. Đặc biệt, VPBank đã biến ước mơ của hàng nghìn người hâm mộ huyền thoại piano thế giới Richard Clayderman trở thành sự thực khi mời ông về biểu diễn tại Hà Nội tháng 8/2014.

2. Hoàn thành cơ bản giai đoạn 1 của Chương trình Chuyển đổi Toàn hàng

VPBank đã cơ bản hoàn thành giai đoạn 1 - Xây dựng Nền tảng, tạo dựng cơ sở vững chắc cho giai đoạn 2 – Tăng trưởng quyết liệt, từ đầu năm 2015. Cụ thể, VPBank đã chuyển đổi

thành công mô hình bán hàng và dịch vụ trên toàn hệ thống chi nhánh và trung tâm SME chi trong vòng 6 tháng đầu năm 2014 và tiếp tục nâng cao hiệu quả bán hàng và phục vụ khách hàng tại các đơn vị này trong các tháng cuối năm. Mô hình bán hàng và dịch vụ được chuyển đổi theo hướng chuyên môn hóa sâu theo nhiều chức năng và sản phẩm và được chia thành nhiều giai đoạn. Song song với chuyển đổi mô hình bán hàng và dịch vụ, VPBank đã chuyển đổi mô hình vận hành, tập trung các hoạt động back office về Hội sở để giải phóng thời gian bán hàng cho các đơn vị kinh doanh, thành lập thí điểm các cụm vận hành tập trung tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh để nâng cao hiệu quả vận hành và tiết kiệm chi phí. Ngân hàng cũng đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng các chương trình sản phẩm chuẩn cho phân khúc khách hàng cá nhân và SME, và đạt được nhiều tiến triển với các dự án xây dựng nền tảng về quản trị rủi ro và công nghệ thông tin.

3. Thành lập Công ty Tài chính VPBank

Với tầm nhìn trở thành một trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017, VPBank đã hoàn tất mua lại và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam (CMF) thành Công ty Tài chính VPBank (VPB FC), và chuyển khối Tín dụng Tiêu dùng của Ngân hàng về công ty này. Thành công trên giúp VPBank đáp ứng các quy định của cơ quan quản lý về hoạt động tín dụng tiêu dùng và là bàn đạp để Ngân hàng tiếp tục tăng trưởng và duy trì vị thế số 1 trên thị trường tín dụng tiêu dùng tại Việt Nam.

4. Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Thông qua các hoạt động nội bộ đa dạng và đặc sắc, VPBank tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua các hoạt động đào tạo, truyền thông, các cuộc thi, các sự kiện, chương trình thi đua và giao lưu giữa các đơn vị trên toàn hàng. Kiến thức chuyên môn, vẻ đẹp trí tuệ và hình thể, ý chí và sự dẻo dai, sức trẻ và tài năng của các thế hệ cán bộ nhân viên VPBank đã đồng loạt tỏa sáng qua các sự kiện như thi Trang Nguyễn, thi Miss & Mr VPBank 2014, chinh phục đỉnh Fansipan, đêm DJ Fly Night kỷ niệm sinh nhật Ngân hàng, cuộc thi Sing & Dance, v.v. Thông qua những hoạt động đa dạng và đặc sắc này, VPBank đang tạo dựng văn hóa doanh nghiệp với bản sắc riêng, độc đáo, hiện đại và gắn kết với các giá trị cốt lõi của Ngân hàng.

5. Hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu tài chính

Năm 2014, lần đầu tiên tổng tài sản của VPBank vượt mốc 160 nghìn tỷ đồng, đưa VPBank tiệm cận nhóm các ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam. Các chỉ tiêu huy động, cho vay, lợi nhuận, số lượng khách hàng của VPBank đều cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra. Vốn điều lệ của Ngân hàng đã tăng từ 5.770 tỷ đồng năm 2013 lên gần 6.400 tỷ đồng vào đầu năm 2014, và tổng vốn chủ sở hữu của VPBank đã đạt gần 9.000 tỷ đồng vào cuối năm 2014, góp phần củng cố nguồn lực cho giai đoạn Tăng trưởng quyết liệt từ đầu năm 2015.

6. Chung tay “Hành động vì những ước mơ”

Đúng với tôn chỉ hoạt động và một trong 6 giá trị cốt lõi của Ngân hàng, VPBank đã tích cực tham gia và dành sự quan tâm đặc biệt cho các hoạt động vì cộng đồng. Chương trình an sinh xã hội năm 2014 đã được thực hiện với ngân sách lên tới 5 tỷ đồng. Tổng cộng 17.000 chiếc cặp sách, 1 tỷ đồng học bổng bằng tiền mặt đã được trao tận tay các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại các tỉnh miền núi; 10 căn nhà tình nghĩa đã được bàn giao tại hai tỉnh Gia Lai và Thanh Hoá; 300 triệu đồng cùng rất nhiều phần quà là những nhu yếu phẩm đã được đoàn cán bộ VPBank trực tiếp trao tặng quân và dân tại biển đảo Trường Sa; hàng trăm chiếc ô đã được ủng hộ cho lực lượng Cảnh sát Giao thông Thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ trên các tuyến phố. Ngoài ra, các hoạt động thường niên như chăm sóc mẹ Việt Nam anh hùng, trao tặng quà nhân dịp tết nguyên đán cho các hộ nghèo tại các tỉnh miền núi... vẫn được ban lãnh đạo và tập thể CBNV VPBank duy trì đều đặn.

7. Thành lập Ủy ban Dữ liệu

VPBank đã có những bước đi tiên phong trong năm 2014 nhằm quản lý và chuyển đổi dữ liệu thành những thông tin giá trị. Ngân hàng đã thành lập Trung tâm Phân tích Kinh doanh (BICC) với mục đích thúc đẩy và tạo điều kiện cho việc sử dụng

chung dịch vụ Phân tích kinh doanh (BI) một cách hiệu quả, đi đôi với cơ chế quản trị dữ liệu tốt. VPBank cũng là ngân hàng đầu tiên trên thị trường thành lập một Ủy ban Dữ liệu với đầy đủ chức năng quản lý dữ liệu tổng thể và do chính Tổng Giám đốc làm Chủ tịch.

8. Triển khai thay mới hệ thống nhận diện thương hiệu trên toàn quốc

Trong năm 2014, VPBank chính thức ban hành tài liệu nhận diện thương hiệu thống nhất trên toàn quốc. Nhiều chi nhánh đã được thay biển hiệu và thiết kế mới hiện đại, thân thiện và phù hợp với khách hàng. Dự kiến năm 2015 sẽ tiến hành thay mới thêm biển hiệu cho 90 chi nhánh, đạt 170/209 chi nhánh chuyển đổi trên toàn quốc. Tên miền website www.vpbank.com.vn chính thức được tổ chức Verisign và Globalsign chứng thực toàn cầu vào tháng 10/2014.

9. Được các tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận và đánh giá cao

Những thành tựu nói trên của VPBank đã được các tổ chức trong và ngoài nước ghi nhận trong năm 2014. Cụ thể, VPBank lần thứ hai liên tiếp được Bộ Công thương công nhận là Thương hiệu quốc gia và được các tổ chức quốc tế uy tín trao tặng 5 giải thưởng lớn, bao gồm “Ngân hàng Thương mại tốt nhất Việt Nam”, “Ngân hàng có chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc”, “Sản phẩm Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2014”, “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam 2014” và “Ngân hàng thanh toán quốc tế đạt chuẩn”. VPBank cũng nằm trong bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2014. Thành tích của VPBank không chỉ được ghi nhận qua các giải thưởng mà còn qua việc thiết lập thành công quan hệ kinh doanh với các tổ chức tài chính quốc tế. Năm 2014, VPBank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam được Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) chấp thuận cấp hạn mức tín dụng lần đầu tiên lên tới 30 triệu USD.

10. Được Moody's nâng triển vọng lên mức “Tích cực”

Tháng 9/2014, Moody's Investors Service đã nâng mức triển vọng của VPBank từ “Ổn định” lên “Tích cực”. Theo đánh giá của tổ chức này, bên cạnh tốc độ tăng trưởng cao và ổn định thì VPBank đã có sự đầu tư vào năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và tín dụng tốt. Với kết quả này, VPBank được xếp hạng ngang hàng với các ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam trong năm 2014.

2014 LIÊN TIẾP ĐÓN NHẬN CÁC GIẢI THƯỞNG LỚN



Năm 2014, VPBank liên tiếp được các tổ chức uy tín trong và ngoài nước trao tặng các giải thưởng lớn, ghi nhận nỗ lực và những cải tiến trong sản phẩm và dịch vụ của Ngân hàng.

Trong tổng số 6 giải thưởng danh giá mà VPBank nhận được trong năm 2014 có tới 5 giải do các tổ chức quốc tế bình xét dựa trên đánh giá chi tiết về hệ thống quản trị, khả năng cạnh tranh, yếu tố phát triển bền vững, mức độ an toàn và tỷ lệ khách hàng trung thành theo một quy trình hết sức khắt khe, chặt chẽ và đảm bảo tính khách quan.

VPBank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được Tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng uy tín hàng đầu thế giới International Finance Magazine (IFM) của Anh trao tặng Giải thưởng “Ngân hàng Thương mại tốt nhất Việt Nam 2014 - Best Commercial Bank Vietnam 2014”.

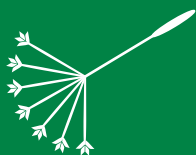
Với tỷ lệ diện chuẩn các giao dịch thanh toán quốc tế đạt 98%, Ngân hàng The Bank of New York Mellon (BNYM) đã trao tặng VPBank giải thưởng “Ngân hàng có chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc” lần thứ 8 liên tiếp. Cũng với tiêu chí này, VPBank đã lần thứ 2 được nhận giải “Ngân hàng thanh toán quốc tế đạt chuẩn” do Citibank trao tặng.

Tổ chức Global Banking & Finance Review (GBAF) của Anh đã đồng thời trao hai giải “Sản phẩm Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2014 – Best Banking Product Vietnam 2014” cho sản phẩm Thẻ VPLady, gói sản phẩm được thiết kế riêng cho phụ nữ và “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất – Best Trade Finance Bank Vietnam 2014” cho VPBank.

Đặc biệt, VPBank là 1 trong số 14 doanh nghiệp trên toàn quốc lần thứ hai liên tiếp được Bộ Công thương công nhận là Thương hiệu Quốc gia (Năm 2014 chỉ có 6 trong số hơn 40 ngân hàng tại Việt Nam được trao danh hiệu này). Kết quả này cho thấy VPBank được đánh giá cao về kết quả kinh doanh, mức độ nhận biết thương hiệu, các hoạt động cộng đồng và đặc biệt là phát triển bền vững và tích cực cải tiến chất lượng, sản phẩm, dịch vụ. VPBank cũng có thứ hạng cao trong bảng xếp hạng VNR500 - TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2014 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công bố.

Những giải thưởng giá trị nêu trên chứng tỏ chương trình chuyển đổi toàn diện được VPBank triển khai từ năm 2010 đến nay đã mang lại kết quả đáng khích lệ và cho thấy VPBank đã tìm ra được hướng đi đúng đắn cho mình. Kết quả kinh doanh của VPBank trong những năm gần đây luôn đạt và vượt kế hoạch đề ra và tăng trưởng so với năm trước. Tính đến 31/12/2014, tổng tài sản của VPBank vượt 160 nghìn tỷ đồng và tiếp tục nằm trong top 10 ngân hàng thương mại cổ phần có tổng tài sản lớn nhất tại Việt Nam. Thương hiệu VPBank đã giành được sự tin cậy của khách hàng và các tổ chức uy tín, tạo ra chỗ đứng vững chắc và tầm ảnh hưởng ngày càng mở rộng trên thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH 2014



Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

- GDP năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013. Mức tăng của năm 2014 cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tiếp tục phục hồi của nền kinh tế.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với năm 2013 và cuối năm 2014 tăng 1,84% so với cùng kỳ năm 2013. Mức tăng CPI năm 2014 là một trong những mức tăng thấp nhất trong 10 năm gần đây. Chỉ số CPI được kiểm soát ở mức thấp, thậm chí tăng trưởng âm trong tháng 12 do nguồn cung một số mặt hàng thiết yếu được đảm bảo. Đặc biệt giá dầu thô trên thế giới liên tục giảm trong nửa cuối 2014 đã tạo điều kiện cho giá xăng trong nước liên tục điều chỉnh giảm đến gần 30%.
- Sản xuất công nghiệp tiếp tục đà phục hồi, tăng 7,6% so với năm 2013 (cao hơn so với mức 5,9% của năm 2013). Xuất khẩu tăng 13,6% so với năm 2013 trong khi nhập khẩu tăng 12,1%. Xuất siêu ước đạt 2 tỷ USD và giúp cho cán cân thương mại có thặng dư.

Nhìn chung trong năm 2014 có nhiều yếu tố tích cực đối với nền kinh tế Việt Nam thể hiện ở các chỉ số vĩ mô có sự tăng trưởng. Do đó một số tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đã nâng bậc đánh giá đối với nền kinh tế Việt Nam lên mức ổn định hoặc tương đương.

Hoạt động ngành ngân hàng

Ngành ngân hàng trong năm 2014 có tốc độ tăng trưởng tín dụng và huy động cả năm tương đương với năm 2013. Thanh khoản của toàn hệ thống được duy trì ở mức ổn định. Mặt bằng lãi suất giảm giúp giảm bớt gánh nặng cho khu vực sản xuất kinh doanh; dự trữ ngoại hối tăng cao lên mức kỷ lục; tỷ giá ngoại tệ được kiểm soát trong biên độ đề ra. Các giải pháp xử lý nợ xấu đã được ngành ngân hàng triển khai quyết liệt, nợ xấu tiếp tục được xử lý. Cụ thể:

- Tín dụng toàn ngành tăng 12,6%. Huy động khách hàng toàn ngành tăng xấp xỉ 16%.
- Mặt bằng lãi suất giảm, lãi suất cho vay giảm 1,5-2% về mức 8,5-11,5%, lãi suất huy động giảm 1-1,5% về mức 5-7%.
- Tỷ giá VND/USD được giữ ở mức ổn định (điều chỉnh tăng 1% từ 19/6 và 1% tiếp theo vào ngày 7/1/2015). Bên cạnh đó, giá vàng ít biến động trong 6 tháng cuối năm, dự trữ ngoại hối tăng cao và tỷ giá ngoại tệ được kiểm soát trong biên độ đề ra.
- Tháng 3/2014, thị trường ngân hàng đón nhận văn bản quan trọng nhất liên quan đến việc bắt đầu thực thi chính

sách quản lý nợ xấu đã được tri hoãn từ đầu năm 2013, đó là thông tư 09 của NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro. Theo quy định này, từ tháng 6/2014, một phần của chính sách quản lý nợ xấu và trích lập dự phòng mới đã bắt đầu áp dụng, và tiến tới thực hiện một cách đầy đủ hơn trong năm 2015. Chính sách cho cơ cấu lại nợ mà không phải chuyển nhóm (Quyết định 780/QĐ-NHNN) kết thúc, nhưng được chuyển tiếp vào Thông tư 09/2014/TT-NHNN và sẽ ngừng hẳn vào ngày 1/4/2015.

- Hoạt động của hệ thống ngân hàng còn có thêm một điều chỉnh lớn với Thông tư 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014 và có hiệu lực chính thức từ ngày 01/02/2015, quy định các giới hạn và tỷ lệ an toàn mới cũng như các quy định rộng hơn và ảnh hưởng tới nhiều khía cạnh hoạt động của các tổ chức tín dụng.

Nhờ các giải pháp được triển khai đồng bộ và quyết liệt, mục tiêu tái cơ cấu TCTD đã và đang gặt hái được những thành công nổi bật và rõ nét. Những vấn đề “nóng” của ngành đều đã được triển khai và đạt được kết quả đáng ghi nhận như: xử lý NHTMCP yếu kém, quyết liệt xử lý nợ xấu, ngành ngân hàng đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, thị trường tài chính đi vào ổn định, tăng niềm tin cho nhà đầu tư.

Trong bối cảnh đó, VPBank đã chủ động xây dựng và thực hiện đề án tái cơ cấu theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả cũng như triển khai mạnh mẽ các chiến lược kinh doanh, chuyển đổi mô hình, củng cố đội ngũ lãnh đạo các cấp. VPBank cũng chính thức được lựa chọn là 1 trong 10 ngân hàng thực hiện Basel II theo lộ trình của NHNN.

Quản trị doanh nghiệp và chuyển đổi báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế (IFRS)

VPBank luôn tin tưởng rằng Mô hình Quản trị doanh nghiệp tốt sẽ là một trong những yếu tố then chốt tăng cường hiệu quả hoạt động cũng như cho phép Ngân hàng có thể đạt được tối đa mục tiêu đã đề ra và nâng cao vị thế cạnh tranh, tạo dựng và củng cố niềm tin của cổ đông và đối tác. Sáng kiến thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, bắt đầu thực hiện từ năm 2011, là một phần trong tổng thể xây dựng mô hình Quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp, góp phần tạo nên sự minh bạch thông tin của Ngân hàng. Bên cạnh các báo cáo tài chính theo IFRS nhận được ý kiến chấp nhận toàn phần từ kiểm toán độc lập, hàng năm VPBank liên tục cập nhật và chủ động chuẩn bị cho các chuẩn mực mới, điều chỉnh và các diễn giải chưa được áp dụng; từ đó thu hẹp được khoảng cách giữa kết quả ghi nhận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS).

Đánh giá kết quả kinh doanh 2014

Nhận định năm 2014 điều kiện thị trường còn nhiều khó khăn, VPBank vẫn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh doanh tham vọng theo đúng định hướng chiến lược và tuân thủ các chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Kết quả kinh doanh đạt được rất khả quan, thể hiện ở việc hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh đề ra và tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng cao so với năm trước.

1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản (TTS) tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 163.241 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2014, tăng 41.977 tỷ đồng (tương đương tăng 34,6%) so với cùng kỳ năm 2013 và vượt 5% so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm. Cấu trúc tài sản tiếp tục có sự chuyển dịch đáng kể vào cho vay khách hàng (đóng góp 48% tổng tài sản) và danh mục chứng khoán (đóng góp 32% tổng tài sản), là nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững của các năm tiếp theo.

Tiền gửi tại NHNN: Đến cuối năm 2014 tiền gửi tại NHNN là 3.701 tỷ đồng, tăng mạnh 2.178 tỷ đồng so với cùng kỳ 2013, để đảm bảo quy chế dự trữ bắt buộc do huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế tăng cao.

Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác: Tiếp tục thực hiện tối ưu hóa bảng cân đối từ đó tăng hiệu quả kinh doanh cho Ngân hàng, do vậy số dư tăng nhẹ so với năm trước, duy trì ở mức 13.925 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9% trong tổng tài sản (tỷ lệ này trong năm 2013 là 10%, năm 2012 là 26%).

Dư nợ cấp tín dụng (bao gồm cho vay khách hàng, trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác đầu tư): Dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm cuối năm 2014 đạt 91.535 tỷ đồng, tăng 39% so với cuối năm 2013 và nằm trong giới hạn được NHNN cấp phép. Trong đó, riêng cho vay khách hàng tiếp tục có sự tăng trưởng vượt bậc, đạt 78.379 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 48% tổng tài sản. Danh mục trái phiếu doanh nghiệp duy trì tương đương năm trước, ở mức 13.156 tỷ đồng. VPBank đã và đang tập trung tái cấu trúc và tối ưu hóa danh mục đầu tư này.

Chứng khoán đầu tư và kinh doanh: Tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư của VPBank là gắn liền mục tiêu lợi nhuận, chính sách thanh khoản và khẩu vị rủi ro được HĐQT phê duyệt. Theo đó, tổng danh mục chứng khoán đạt 52.205 tỷ

đồng, tăng 14.529 tỷ đồng (tương ứng tăng 39% so với năm 2013), trong đó đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ tăng mạnh 12.926 tỷ đồng, từ 5.944 tỷ đồng năm 2013 lên 18.870 tỷ đồng năm 2014. Với chiến lược đầu tư này, VPBank tiếp tục duy trì và tăng trưởng các trái phiếu có tính an toàn và thanh khoản cao. Do vậy, cuối năm 2014, tỷ trọng danh mục Trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc và NHNN và trái phiếu do TCTD phát hành được Chính phủ bảo lãnh duy trì ở mức 31.767 tỷ đồng, chiếm 61% tổng danh mục chứng khoán.

2. Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu

Tổng nợ phải trả đến cuối năm 2014 tăng gần 41.000 tỷ đồng, tương đương tăng 36% so với cuối năm 2013, trong đó chủ yếu tăng từ tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá (tăng 29 nghìn tỷ đồng).

Tiền gửi của khách hàng: đây là chỉ tiêu chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu nợ phải trả của ngân hàng. Tiền gửi của khách hàng đạt 108.354 tỷ đồng, tăng ròng hơn 24.500 tỷ đồng (tương đương tăng 29%) so với 2013, cao hơn nhiều mức tăng trưởng bình quân của toàn ngành ngân hàng và thuộc nhóm các ngân hàng TMCP có tăng trưởng cao về huy động.

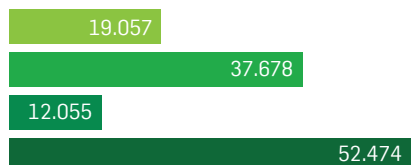
Phát hành giấy tờ có giá: Tổng giá trị phát hành giấy tờ có giá tại thời điểm 31/12/2014 là 12.410 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2013. Trong năm 2014, Ngân hàng phát hành thêm hơn 4.800 tỷ các giấy tờ có giá có kỳ hạn từ 1-5 năm. Đây là nguồn vốn ổn định, dài hạn để tài trợ cho tăng trưởng tài sản trung dài hạn, đảm bảo an toàn trong cấu trúc tài sản.

Nhờ vậy, tổng nguồn vốn huy động bao gồm cả phát hành giấy tờ có giá của VPBank khá dồi dào, đạt 120.763 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2014, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng mạnh huy động khách hàng cho thấy định hướng đúng đắn của Ngân hàng về chiến lược huy động vốn cũng như khả năng của VPBank trong việc nâng cao uy tín và mức độ nhận diện thương hiệu trong thời gian qua.

Tiền gửi và vay tổ chức tín dụng khác: Trên cơ sở nhận định biến động lãi suất thị trường, VPBank tăng nhận gửi và vay các TCTD khác để kinh doanh chênh lệch lãi suất và đảm bảo thanh khoản trong ngắn hạn. Do vậy, quy mô huy động và vay TCTD khác đạt 26.228 tỷ đồng, tăng hơn 13.000 tỷ đồng so với năm 2013, chiếm tỉ trọng 17% trong cơ cấu tổng nợ phải trả.

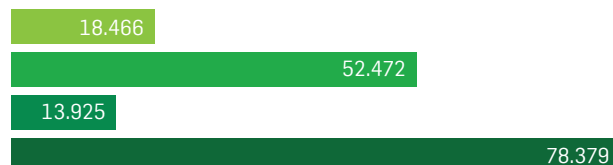
Biểu đồ 1: Tình hình tài sản

Năm 2013



Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán
Đơn vị: Tỷ đồng

Năm 2014



— Tài sản khác — Chứng khoán
— Tiền gửi và cho vay TCTD khác — Cho vay khách hàng

Nợ NHNN và Các khoản nợ khác không có biến động nhiều so với năm 2013.

Vốn chủ sở hữu: Ngày 17/02/2014, VPBank đã được NHNN chấp thuận việc tăng vốn điều lệ lên 6.347 tỷ đồng theo hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu và chia cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận để lại và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ. Trong tháng 3/2014, VPBank đã hoàn tất phương án tăng vốn điều lệ này. Tiếp đó, trong Đại hội đồng Cổ đông (ĐHCD) được tổ chức vào tháng 4/2014, VPBank tiếp tục đặt ra mục tiêu tăng vốn điều lệ lên 7.323 tỷ đồng. Hiện tại, VPBank đang chờ sự phê duyệt của NHNN cho đợt tăng vốn này.

Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng vốn chủ sở hữu hợp nhất của VPBank đạt 8.980 tỷ đồng, tăng 1.254 tỷ đồng so với cuối năm 2013 (tăng 16%).

3. Đánh giá một số lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính

Huy động vốn tăng trưởng mạnh, ổn định và bền vững

Tiếp tục theo đuổi chiến lược huy động vốn hướng tới mở rộng cơ sở "tiền gửi lõi" bao gồm những đối tượng tương đối ổn định theo đánh giá của VPBank trong từng thời kỳ khác nhau, tổng huy động vốn (tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và vay các tổ

chức tín dụng khác và phát hành giấy tờ có giá) tại thời điểm 31/12/2014 đạt 146.991 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ 2013, trong đó tiền gửi của khách hàng lần đầu tiên vượt trên 100 nghìn tỷ đồng, đạt 108.354 tỷ đồng, vượt 2% kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Tính chung trong giai đoạn 2010-2014, mức tăng trưởng kép (CAGR) của tiền gửi của khách hàng đạt xấp xỉ 46%.

Năm 2014, VPBank luôn theo sát biến động của nguồn vốn và sử dụng vốn để có những giải pháp điều chỉnh huy động vốn kịp thời nhằm đảm bảo an toàn thanh khoản tại mọi thời điểm. Kế hoạch dự phòng thanh khoản đã được áp dụng và luôn sẵn sàng ứng phó trong tình huống có khủng hoảng về khả năng thanh toán, đồng thời bao gồm cả các hành động bù đắp luồng tiền trong trường hợp khẩn cấp.

Về tiền gửi của khách hàng: nguồn vốn huy động từ cá nhân tăng 8.926 tỷ đồng và từ tổ chức kinh tế tăng gần 15.000 tỷ so với 2013. Như vậy, nguồn vốn huy động đã được cơ cấu theo hướng tích cực, bám sát chiến lược 2012-2017 mà Ngân hàng đã đặt ra: bên cạnh việc đẩy mạnh tăng trưởng trong phân khúc khách hàng cá nhân truyền thống, VPBank đã mở rộng khai thác triệt để ở các phân khúc khách hàng doanh nghiệp nhằm đa dạng hóa nguồn lực, đồng thời gia tăng tính ổn định của nguồn vốn và đóng góp hiệu quả cho mục tiêu giảm chi phí vốn.

Biểu đồ 2: Nợ phải trả

Năm 2013



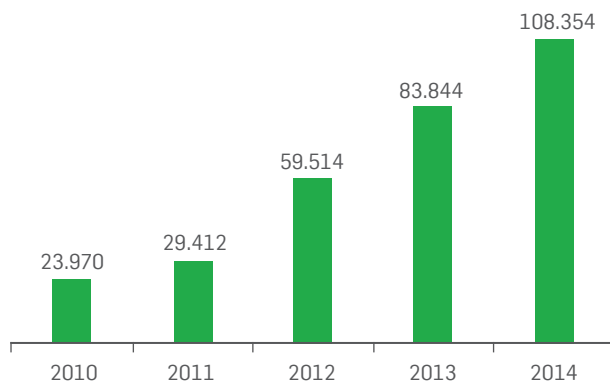
Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán
Đơn vị: Tỷ đồng

Năm 2014



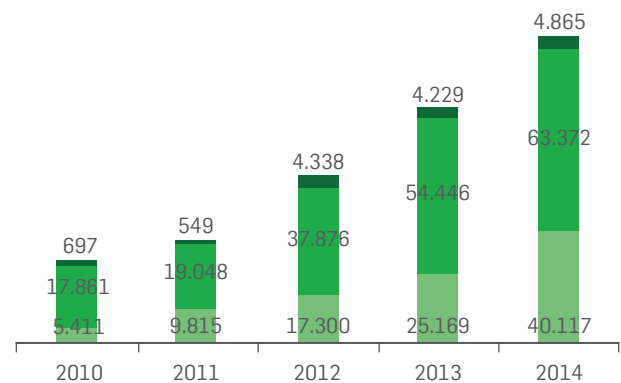
— Các khoản nợ khác — Phát hành giấy tờ có giá
— Tiền gửi của khách hàng — Tiền gửi và vay TCTD khác
— Nợ ngân hàng NN

Biểu đồ 3: Huy động khách hàng



Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán
Đơn vị: Tỷ đồng

Biểu đồ 4: Cơ cấu huy động khách hàng



— Đối tượng khác — Cá nhân — Tổ chức kinh tế

Ngoài các sản phẩm huy động thông thường, VPBank đã tích cực triển khai các sản phẩm mới, sản phẩm chuyên biệt, gia tăng tiện ích cho khách hàng như “tiết kiệm bảo toàn thịnh vượng”, “chứng chi tiền gửi ghi danh dài hạn”, “VPBank Kids”... Bên cạnh đó, VPBank đã chủ động điều tiết các nguồn vốn theo diễn biến thị trường và theo định hướng của Ủy ban ALCO ở từng thời kỳ để đảm bảo an toàn hoạt động và hiệu quả kinh doanh.

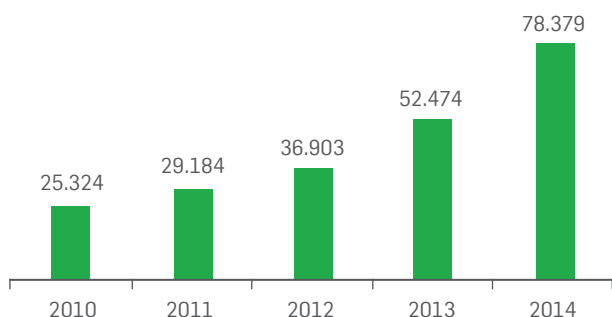
Hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả, kiểm soát tốt chất lượng tín dụng

Tổng dư nợ cấp tín dụng (bao gồm cho vay khách hàng và trái phiếu doanh nghiệp) đạt 91.535 tỷ đồng, tăng trưởng 39% so với năm 2013, trong đó riêng cho vay khách hàng đạt 78.379 tỷ đồng vượt 8% kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Năm 2014 VPBank đã triển khai được nhiều gói tín dụng gói đầu làm nền tảng cho sự tăng trưởng vững chắc cho các năm tiếp theo.

Để tăng trưởng tín dụng tốt trong điều kiện kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp thấp, VPBank đã liên tục áp dụng nhiều chương trình và các gói tín dụng với lãi suất ưu đãi phù hợp với tình hình thị trường và với nhiều đối tượng khách hàng. Ngoài ra, thay vì cho vay theo cấu trúc danh mục sản phẩm, Ngân hàng chuyển dịch sang cho vay theo các chương trình sản phẩm chuẩn để giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng, bao gồm các chương trình tín dụng, cho vay mua nhà, mua ô tô, cho vay tiêu dùng, tài trợ đảm bảo 100% bằng bất động sản, các chương trình tài trợ theo ngành...

Cơ cấu cho vay thay đổi theo hướng tích cực và phù hợp với định hướng và chiến lược của VPBank. Mức tăng tuyệt đối với cho vay khách hàng cá nhân tăng 13.689 tỷ đồng, cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng 12.216 tỷ đồng. Bên cạnh đó, VPBank cũng đã dành khối lượng vốn lớn để cho vay với lãi suất ưu đãi cho các khu vực kinh tế mà Chính phủ khuyến khích như nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ và công nghệ cao. Cụ thể là so với năm 2013, cho vay nông nghiệp và lâm nghiệp tăng 48%, thương mại sản xuất và chế biến tăng 156%, trong khi cho vay xây dựng (bất động sản) chỉ tăng nhẹ 10%.

Biểu đồ 5: Cho vay khách hàng



Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán
Đơn vị: Tỷ đồng

Đi đôi với tăng trưởng tín dụng, VPBank luôn chú trọng kiểm soát và quản lý chất lượng nợ chặt chẽ, với tiêu chí lấy chất lượng tín dụng quyết định tăng trưởng. VPBank đã đưa vào triển khai thành công hệ thống phê duyệt tín dụng tập trung, liên tục cải tiến hệ thống thẻ chấm điểm (scorecard) tiên tiến; xây dựng hệ thống quản trị rủi ro đồng bộ, áp dụng hệ thống cảnh báo sớm, bộ máy thu hồi nợ bao gồm cả thu hồi sớm và thu hồi muộn ... hướng tới việc triển khai thành công khung quản trị rủi ro theo chuẩn Basel II. Chính vì vậy, tỷ lệ nợ xấu luôn được duy trì ở mức an toàn, chiếm 2,54% trên tổng dư nợ vào cuối năm 2014 (và luôn <3% tại mọi thời điểm), hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra.

Hoạt động đầu tư thận trọng, an toàn đem lại hiệu quả cao

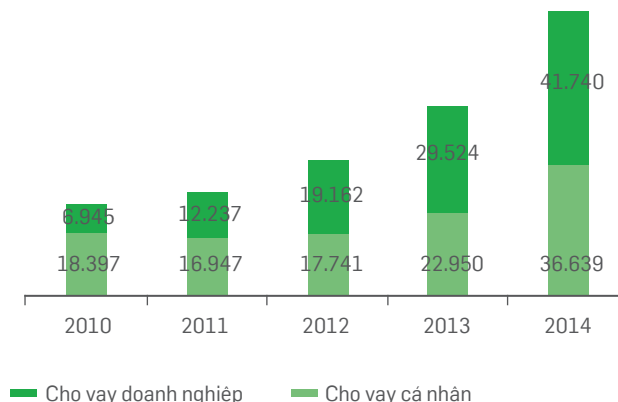
Tính đến cuối năm 2014, danh mục đầu tư chứng khoán đạt giá trị trên 52 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 39% so với năm trước. 2014 tiếp tục là năm kinh doanh chứng khoán đạt kết quả tốt của VPBank khi ghi nhận lãi thuần từ hoạt động này đạt 461 tỷ đồng, tăng 157 tỷ đồng so với năm 2013, tương ứng tăng 52%.

Tùy thuộc vào từng thời kỳ kinh doanh, chiến lược đầu tư của VPBank luôn gắn liền mục tiêu lợi nhuận với đảm bảo trạng thái thanh khoản và khẩu vị rủi ro được HĐQT phê duyệt. Để đảm bảo hoạt động kinh doanh được bền vững, Ngân hàng có thể chấp nhận mức lợi tức vừa phải nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản. Mặt khác, từng danh mục đầu tư được xây dựng các hạn mức rõ ràng đồng thời thực hiện đa dạng hóa các công cụ đầu tư để giảm thiểu rủi ro.

Hoạt động dịch vụ đa dạng, nâng cao hiệu quả hoạt động

Cơ cấu nguồn thu dịch vụ được chuyển biến tích cực khi tiếp tục gia tăng các dòng dịch vụ bán lẻ, sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Tổng doanh thu phí dịch vụ của VPBank đến cuối năm 2014 đạt 960 tỷ đồng, trong đó dịch vụ thanh toán chiếm 13%, dịch vụ đại lý bảo hiểm chiếm 45%, dịch vụ tư vấn chiếm 11%.... Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ đạt 607 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2013.

Biểu đồ 6: Cơ cấu cho vay khách hàng



Hoạt động các công ty con đều có kết quả tốt, có sự gắn kết chặt chẽ với Ngân hàng về sản phẩm dịch vụ, nghiệp vụ

Hoạt động của các công ty con đều có những chuyển biến tích cực và kinh doanh đều có lãi với tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 145 tỷ đồng. Sự gắn kết chặt chẽ và tương hỗ lẫn nhau giữa Ngân hàng và các công ty thành viên đã giúp cho VPBank phát triển toàn diện về mọi mặt và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

4. Các chỉ số thanh khoản và an toàn hoạt động

VPBank luôn duy trì danh mục và khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo luôn đáp ứng được đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán trong điều kiện bình thường và hoàn cảnh

căng thẳng mà không phát sinh tổn thất hoặc ảnh hưởng tới hình ảnh của VPBank.

Các chỉ số an toàn khác luôn được duy trì và đảm bảo tuân thủ trong giới hạn theo quy định của NHNN.

Từ ngày 01/02/2015, Thông tư 36/2014/TT-NHNN chính thức có hiệu lực. Đây là văn bản quy định nhiều thay đổi lớn liên quan đến các hạn mức, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Để chuẩn bị cho các yêu cầu của Thông tư 36, ngay trong năm 2014, VPBank đã tiến hành rà soát các chỉ số an toàn, chỉ số cho vay để vừa tuân thủ tinh thần của thông tư, vừa đảm bảo các hoạt động của ngân hàng được duy trì ổn định và bền vững. Theo đó, các chỉ tiêu tính lại theo Thông tư 36 đều ở mức tốt hơn so với yêu cầu của NHNN như tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất 11,36%, LDR – 55,6 % ...

Chi tiêu	Yêu cầu	2011	2012	2013	2014
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất	>=9%*	11,90%	12,50%	12,50%	11,36%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn	<=30%*	8,60%	15,20%	22,40%	26,10%

(Ghi chú: tính theo thông tư 13 và các văn bản sửa đổi bổ sung)

I. Kết quả kinh doanh

Lợi nhuận năm 2014 của VPBank đạt 1.609 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với năm 2013, hoàn thành 85% kế hoạch. Mặt bằng lãi suất thị trường liên tục giảm dẫn tới biên lợi nhuận

(margin) thực tế thấp hơn kế hoạch. Bên cạnh đó, việc chú trọng tăng cường trích lập dự phòng cũng là lý do dẫn tới lợi nhuận thấp hơn kế hoạch.

Chi tiêu	2013 (Tỷ đồng)	2014 (Tỷ đồng)	Thay đổi	
			(Tỷ đồng)	%
I Thu nhập hoạt động thuần	4.969	6.269	1.300	26%
1 Thu nhập lãi thuần	4.152	5.291	1.139	27%
2 Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	535	607	72	14%
3 Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	-21	-90	(69)	(132%)
4 Lãi/lỗ từ mua bán chứng khoán	304	461	157	52%
II Lãi thuần từ hoạt động khác	104	-7	(111)	(107%)

Chi tiêu	2013 (Tỷ đồng)	2014 (Tỷ đồng)	Thay đổi	
			(Tỷ đồng)	%
III Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	12	9	(3)	(25%)
IV Chi phí hoạt động	2.704	3.683	979	36%
V Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro	2.381	2.588	207	9%
Chi phí dự phòng rủi ro	1.026	979	(47)	(5%)
VI Lợi nhuận trước thuế	1.355	1.609	254	19%
VII Chi phí thuế TNDN	337	355	18	5%
VIII Lợi nhuận sau thuế	1.018	1.254	236	23%

Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán

Tổng thu nhập hoạt động thuần

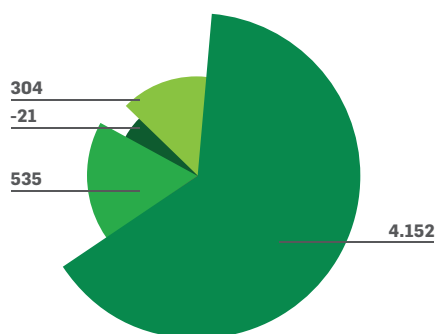
Nhờ sự tăng trưởng mạnh trong các hoạt động cốt lõi của ngân hàng, thu lãi kinh doanh chứng khoán thành công, đồng thời duy trì được bảng cân đối hiệu quả nên tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2014 là khá cao, đạt 6.269 tỷ đồng, tăng 26% so với năm trước. Đóng góp lớn nhất vào sự tăng trưởng này

đến từ thu nhập lãi thuần (tăng 1.139 tỷ đồng – chủ yếu nhờ tăng trưởng cho vay, huy động vượt bậc, cải thiện cơ cấu nguồn và sử dụng nguồn hiệu quả), tiếp đến là hoạt động mua bán kinh doanh chứng khoán (tăng 157 tỷ đồng - tương ứng 52%).

Cơ cấu nguồn thu tiếp tục được cải thiện theo hướng tăng các nguồn thu ngoài lãi:

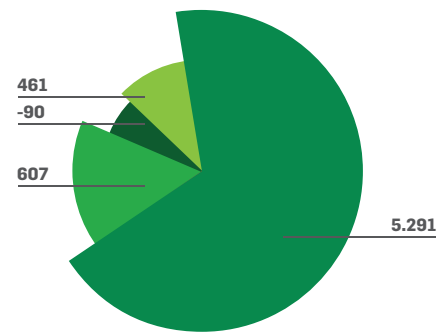
Biểu đồ 7: Cơ cấu nguồn thu

Năm 2013



Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán
Đơn vị: Tỷ đồng

Năm 2014



■ Thu nhập lãi thuần ■ Thu thuần từ KD ngoại hối & vàng
■ Thu phí thuần ■ Thu thuần từ Kinh doanh chứng khoán

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động năm 2014 có biến động tăng so với năm 2013 (tăng 36%), chủ yếu tăng cho chi phí nhân sự, chi phí quản lý nhằm đáp ứng cho các hoạt động tăng trưởng kinh doanh, các chương trình kinh doanh trọng điểm và hoàn thiện các hệ thống nền tảng, mô hình tổ chức trong quá trình chuyển đổi của Ngân hàng. Tăng trưởng chi phí luôn được kiểm soát ở mức hợp lý và phù hợp với mức tăng trưởng của quy mô và thu nhập.

Chi phí dự phòng rủi ro

VPBank đã áp dụng thông tư 02 của NHNN về việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư 09 về

việc sửa đổi bổ sung Thông tư 02. Việc áp dụng 2 thông tư này có ảnh hưởng lớn tới: phân loại nợ và trích lập dự phòng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết; cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng; dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

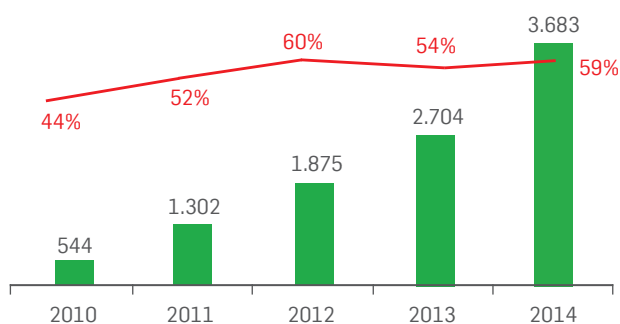
Chi phí dự phòng trích cho năm 2014 là 979 tỷ đồng, giảm nhẹ 5% so với năm trước, trong đó VPBank đã phân loại nợ và trích lập dự phòng đúng và đủ theo các quy định của NHNN.

Tổng dự phòng trích giảm chủ yếu là do được hoàn nhập ở các tài sản có rủi ro khác và các khoản ngoại bảng, còn lại dự phòng cho các khoản nội bảng trích tăng mạnh 707 tỷ đồng so với năm 2013 do tác động của môi trường kinh tế và cách tiếp cận thận trọng trong việc đánh giá nợ xấu của Ngân hàng. Chi tiết trích lập dự phòng như dưới đây:

Đơn vị: Tỷ đồng	2013	2014	Tăng giảm so với 2013
Trích dự phòng chung cho vay khách hàng	130	182	52
Trích dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	347	1.002	655
Trích dự phòng chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	-	118	118
Trích lập dự phòng trái phiếu VAMC	-	127	127
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	(54)	(60)
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	514	(351)	(865)
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng	29	(44)	(73)
Tổng dự phòng trích trong năm	1.026	979	(47)

Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán

Biểu đồ 8: Chi phí hoạt động



Đơn vị: Tỷ đồng, %; Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán

- Tổng chi phí hoạt động
- Chi phí hoạt động/ Thu nhập hoạt động thuần (CIR)

Lợi nhuận trước thuế và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

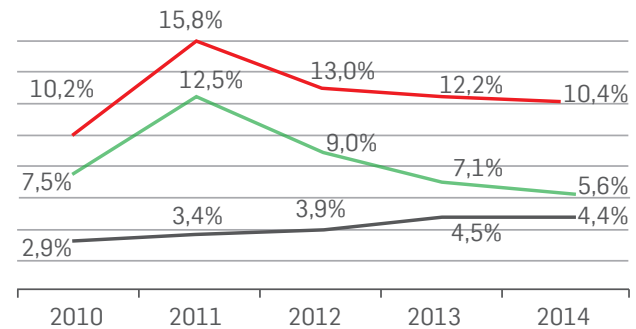
Kết thúc năm tài chính 2014, lợi nhuận trước thuế toàn Ngân hàng là 1.609 tỷ đồng, tăng 19% so với năm trước. Trong đó, lợi nhuận trước thuế riêng Ngân hàng đạt 1.537 tỷ đồng (tăng 21% so với năm 2013). Các công ty thành viên đều kinh doanh tốt, hoạt động hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với Ngân hàng.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cũng đạt cao ở mức 1.254 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2013.

Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) tiếp tục xu hướng tăng trưởng, cụ thể ROAE năm 2014 cao hơn năm trước 1% và đạt 15%. Mặc dù trong năm 2014 Ngân hàng có phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) vẫn tăng 12% so với năm 2013, đạt mức 1.975 đồng/cổ phiếu.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân (ROAA) năm 2014 giảm nhẹ xuống 0,88%, so với tỷ lệ này của 2013 là 0,91%.

Biên thu nhập lãi thuần (NIM) năm 2014 đạt 4,42%, giảm nhẹ 0,05% so với năm trước, trong đó, tỷ suất lợi tức trên tài sản sinh lời (YEA) giảm 1,89% và tỷ lệ chi phí lãi trên công nợ giảm 1,53%.



Đơn vị: %; Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank 2014 đã kiểm toán

- Biên thu nhập lãi thuần (NIM)
- Tỷ suất sinh lời/ tài sản sinh lời (YEA)
- Chi phí lãi/ công nợ phải trả (COF)

II. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh năm 2014

Như vậy, năm 2014 khép lại với nhiều ghi nhận tích cực trong kết quả kinh doanh của VPBank, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội Cổ đông đề ra. Một số thành tựu có thể kể đến là việc tiếp tục đạt những bước tăng trưởng ấn tượng về quy mô cho vay (tín dụng tăng trưởng 39%), huy động khách hàng (tăng trưởng 29%), đưa đến bảng cân đối tài

sản và nguồn vốn có cấu trúc vững mạnh. Từ đó, tăng trưởng tốt về lợi nhuận (tăng trưởng 19%), các chỉ tiêu sinh lời và hiệu quả sử dụng tổng tài sản, đồng thời kiểm soát tốt các chi số an toàn hoạt động. Kết quả này khẳng định năng lực quản trị điều hành của VPBank, từng bước tiến tới một định chế tài chính hiện đại, năng động và minh bạch.

Chỉ tiêu (tỷ đồng, %)	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	% so với kế hoạch 2014	% tăng trưởng so với 2013
Tổng tài sản	163.241	155.000	105%	35%
Huy động từ khách hàng	108.354	106.603	102%	29%
Dư nợ cấp tín dụng	91.535	84.545	108%	39%
Trong đó: Cho vay khách hàng	78.379	72.712	108%	49%
Tỷ lệ nợ xấu	2,54%	<3%	Đạt	
LNTT hợp nhất	1.609	1.890	85%	19%
ROE	15%	18%	83%	6%

III. Các chỉ tiêu phi tài chính

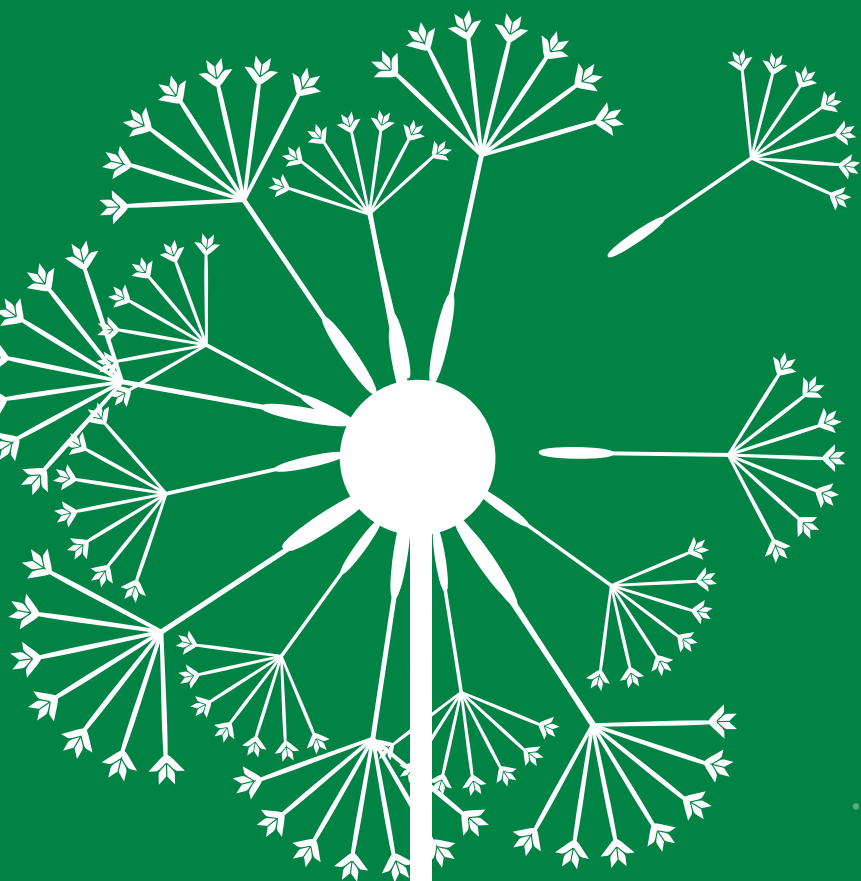
Khách hàng: năm 2014, số lượng khách hàng hoạt động (active) của ngân hàng có sự tăng trưởng mạnh, đạt xấp xỉ 725 nghìn khách hàng, tăng trưởng 82% so với năm 2013 và hoàn thành kế hoạch đề ra.

Mạng lưới chi nhánh: trong năm 2014 VPBank đã hoàn tất việc chuyển đổi toàn diện các chi nhánh trong khuôn khổ dự án Chuyển đổi hệ thống bán hàng và dịch vụ (dự án S&D Cắt cánh). Tính đến cuối năm 2014, VPBank có 209 chi nhánh và phòng giao dịch trên cả nước.

Phát hành thẻ: năm 2014, phát hành thẻ của VPBank tiếp tục tốc độ tăng trưởng cao, đạt hơn 300 nghìn thẻ mới. Mặc dù tỷ trọng thẻ Debit vẫn chiếm phần lớn (88%) nhưng tốc độ tăng trưởng cao của thẻ Credit trong những năm gần đây đã giúp cho tỷ trọng của thẻ Credit vượt mức hai con số.

Số lượng nhân viên: tổng số nhân viên toàn hệ thống tính đến hết năm 2014 là 9.501 người, tăng 2.706 người so với cuối năm 2013.

VPBank 2014 với con đường
phát triển thương hiệu bằng âm nhạc



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NỔI BẬT

Dịch vụ ngân hàng bán lẻ

Trong năm 2014, VPBank tiếp tục triển khai chiến lược 5 năm cho phân khúc khách hàng cá nhân (KHCN) với mục tiêu trở thành một trong ba ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017.

Cải tiến mạnh mẽ về sản phẩm

Không chỉ tiếp tục theo sát các phân khúc để đảm bảo đáp ứng đầy đủ và tốt nhất nhu cầu của khách hàng, trong năm 2014, VPBank đã thực hiện nhiều thay đổi lớn về sản phẩm và kênh phân phối, qua đó mang lại những kết quả tăng trưởng vượt bậc về số lượng khách hàng và tổng số dư huy động, cho vay.

Trọng tâm chính của mảng cho vay khách hàng cá nhân trong năm 2014 là các sản phẩm cho vay có tài sản đảm bảo, qua đó giúp tăng trưởng dư nợ khách hàng cá nhân đạt 40% trong năm 2014. Kết quả này có được là nhờ các sáng kiến sản phẩm hướng tới khách hàng và đa dạng hóa các kênh phân phối. Ngân hàng cũng đã ký thỏa thuận với nhiều dự án bất động sản lớn nhất tại Việt Nam nhằm cung cấp dịch vụ cho vay mua nhà. Việc liên kết với các đại lý bán ô tô lớn đã kích thích tăng trưởng dư nợ cho vay mua ô tô. Trong khi đó, việc thiết lập các kênh bán hàng thay thế đã có tác động không nhỏ tới việc tăng doanh số bán các sản phẩm vay tín chấp, đạt mức 140%. Ngoài ra, Ngân hàng còn tích cực, chủ động tham gia thị trường thẻ tín dụng và tăng số lượng thẻ tín dụng phát hành lên gấp năm lần.

Về phía bên kia của Bảng cân đối, VPBank tập trung vào duy trì mức huy động, tăng dữ liệu khách hàng và tăng thu nhập từ phí. Dù phải đối mặt với mức độ cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường, VPBank vẫn duy trì thành công số dư huy động. Tổng số dư huy động tính đến tháng 12 năm 2014 là 63.377 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2013.

140% 

TĂNG TRƯỞNG VAY TÍN CHẤP
KHCN SO VỚI 2013

Bên cạnh đó, VPBank cũng tập trung vào cải thiện cơ sở dữ liệu khách hàng, làm nền tảng đẩy mạnh các hoạt động bán chéo và bán thêm. Theo đó, Ngân hàng đã triển khai nhiều hoạt động, chiến dịch và chính sách sản phẩm nhằm phát triển tiền gửi thanh toán và không kỳ hạn (CASA) trong năm 2014 cả về chất và lượng. Tổng số tài khoản CASA được mở mới trong năm 2014 là gần 300.000, tăng 79% so với năm 2013, đưa tổng số khách hàng cá nhân lên con số xấp xỉ 900.000. Trong đó, 10% số tài khoản CASA được mở trong kỳ này là tài khoản trả lương, so với chỉ 3-5% trong năm 2013. Thêm vào đó, năm 2014 đánh dấu sự ra đời của một trong những sản phẩm tiên

tiên nhất trên thị trường Việt Nam, đó là thẻ trả trước Visa Virtual VPBank với 250.000 thẻ được mở mới.

Về các hoạt động tăng thu nhập từ phí, VPBank đã xây dựng và đa dạng hóa các nhóm sản phẩm và tăng cường kiểm soát thu phí. Khối KHCN đã cho ra đời 19 loại sản phẩm Hợp tác Bảo hiểm (Bancassurance) mới, đóng góp 70 tỷ doanh thu từ phí trong năm 2014 và mở ra viễn cảnh về lợi nhuận cho năm 2015. Mặt khác, Khối KHCN đã sửa đổi và đưa vào áp dụng các biểu phí mới đơn giản và hệ thống hóa nhằm hỗ trợ kiểm soát công tác thu phí.

Không chỉ cung cấp danh mục sản phẩm cạnh tranh, VPBank còn mang lại cho khách hàng cá nhân nhiều kênh phân phối đa dạng và tiện lợi. Các kênh thay thế như kênh Phát triển đối tác cho vay có Tài sản đảm bảo (Asset Partnership), Cho vay tiêu dùng (Consumer Lending), Ngân hàng công sở (Work-site Banking) và Phát triển đối tác (Partnership Development) đảm bảo khách hàng được phục vụ cho dù họ ở bất kỳ nơi đâu. Trải nghiệm của KHCN còn được mở rộng thông qua tính sẵn sàng và cải tiến của các kênh điện tử, bao gồm dịch vụ internet banking, mobile banking, ATM, v.v. Những kênh này chiếm 50% tổng số giao dịch tài chính của VPBank trong năm 2014.

Các thành tựu đạt được trong năm 2014 là động lực cho VPBank tiếp tục hướng tới những mục tiêu cao hơn nữa trong năm 2015 cũng như các mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch 5 năm của mình đối với mảng khách hàng cá nhân.

Năm 2015 sẽ được đánh dấu với việc hoàn thành các bộ sản phẩm, cải thiện năng suất lao động và tăng khả năng sinh lời. Các gói sản phẩm được hoàn thành nhằm đáp ứng các nhu cầu cụ thể của khách hàng trong từng phân khúc và khu vực khác nhau. Đồng thời, VPBank sẽ tập trung vào việc đơn giản hóa quy trình và hồ sơ chứng từ. Hệ thống Quản lý Quan hệ Khách hàng (CRM) do VPBank tự phát triển được thiết kế đặc biệt phù hợp với VPBank với mục tiêu thúc đẩy năng suất lao động. VPBank cũng thực hiện các phân tích nhằm hỗ trợ theo dõi và quản lý kết quả hoạt động bán hàng. Khả năng sinh lời được gia tăng thông qua việc quản lý và kiểm soát chi phí có hiệu quả cũng như duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp với sự hỗ trợ của chiến lược thu hồi nợ chuẩn hóa dành cho khách hàng cá nhân.

Năm 2015, kế hoạch đầy tham vọng của VPBank cho hoạt động ngân hàng bán lẻ sẽ được hậu thuẫn bởi hệ thống IT, khả năng phân tích, đội ngũ quản lý vững mạnh cũng như đội ngũ nhân viên đầy nhiệt huyết.

Dịch vụ tín dụng tiêu dùng

2014 là một năm thành công vượt trội của mảng hoạt động tín dụng tiêu dùng của VPBank với kết quả kinh doanh rất tích cực và việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ Khối Tín dụng Tiêu dùng sang một công ty con của Ngân hàng là Công ty

Tài chính VPBank (gọi tắt là VPB FC). Động thái này giúp VPB FC (với thương hiệu FE Credit) có thể tập trung hoàn toàn vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ nổi trội cho thị trường tài chính tiêu dùng đại chúng tại Việt Nam, qua đó vươn lên tầm cao mới và đạt những mục tiêu đầy tham vọng trong những năm tiếp theo.

40.000

SỐ KHOẢN VAY TIỀN MẶT MỚI
MỖI THÁNG

Lĩnh vực kinh doanh trọng điểm năm 2014

Hoạt động kinh doanh của FE Credit bao gồm ba dòng sản phẩm chính: cho vay tiền mặt, cho vay thông qua điểm bán hàng (POS) và thẻ tín dụng. Bên cạnh đó, với cơ sở khách hàng gồm hơn 4 triệu đầu mục thì hoạt động bán chéo cũng như bán thêm trở thành một phần quan trọng trong hoạt động kinh doanh của FE Credit, đem lại hàng ngàn lượt bán hàng mỗi tháng.

Cho vay tiền mặt

Đây là sản phẩm được phát triển mạnh trong năm 2014 với việc có thêm gần 40 nghìn khoản cho vay tiền mặt mỗi tháng thông qua một loạt các kênh, từ ki-ốt bán hàng, đại lý bán xe máy đến các mạng lưới đại lý nội bộ và bên ngoài. Tính đến tháng 12 năm 2014, lượng cho vay tiền mặt chiếm đến 63% tổng dư nợ của FE Credit, góp phần khẳng định vị thế dẫn đầu trên thị trường này của VPBank.

Cho vay tại POS

Kể từ năm 2012, FE Credit đã và đang dẫn đầu thị trường này với hơn 40% thị phần cho vay tại POS đối với sản phẩm xe mô tô. Trong năm 2014, FE Credit đã tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu thị trường này thông qua việc duy trì và đổi mới phương thức cung cấp sản phẩm cũng như củng cố mối quan hệ với các hãng bán xe mô-tô lớn.

FE Credit gia nhập thị trường cho vay mua hàng tiêu dùng vào cuối năm 2013 và tiếp tục củng cố vị thế của mình trong suốt năm 2014. Tới cuối năm 2014, FE Credit có hơn 30% thị phần trên thị trường này và đang lên kế hoạch bứt phá, chiếm lĩnh vị thế dẫn đầu trong năm 2015.

Thẻ tín dụng

Năm 2014 cũng ghi nhận hoạt động triển khai chạy thử thành công thẻ tín dụng cho thị trường đại chúng của FE Credit. Việc triển khai ở quy mô tương đối nhỏ đã thể hiện rõ tiềm năng của sản phẩm và do đó, FE Credit bắt đầu thực hiện mục tiêu xây dựng đầy đủ cơ sở hạ tầng cho thẻ tín dụng và tạo dựng vị thế dẫn đầu trong thị trường này trong 2 năm sắp tới.

Kênh phân phối và phục vụ

Tự hào là mạng lưới phân phối và bán hàng lớn nhất tại Việt Nam, FE Credit đã và đang tiếp tục phát triển và mở mới các kênh bán hàng. Trong năm 2014, các ki-ốt bán hàng mới đã được bổ sung vào mạng lưới kênh phân phối hỗn hợp để phục vụ khách vãng lai ở các khu đô thị đông dân cư. FE Credit cũng đã xây dựng quan hệ hợp tác với các nhà tuyển dụng lớn và các doanh nghiệp đối tác, cũng như trong lĩnh vực chuyên tiền, thanh toán và thu hồi nợ.

Triển vọng cho năm 2015

FE Credit đánh giá cao tiềm năng chưa được khai thác trong thị trường tín dụng tiêu dùng tại Việt Nam và lên kế hoạch tiếp tục tăng cường mở rộng hoạt động trên thị trường này. Sau khi được triển khai toàn diện, thẻ tín dụng sẽ trở thành công cụ chủ chốt cho hoạt động bán chéo vào năm 2015 và sau đó sẽ trở thành sản phẩm cho vay chủ đạo của FE Credit. Tập trung vào phát triển công nghệ, cải tiến sản phẩm, hiệu quả hoạt động và quản trị rủi ro tối ưu sẽ củng cố nền tảng cho thành công trong năm 2015 và những năm sắp tới.

Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ

Năm 2014 đánh dấu năm thứ hai trên chặng đường chuyển đổi của VPBank đối với mảng kinh doanh phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Đây cũng là năm đầy ắp những dự án và sáng kiến được triển khai mạnh mẽ nhằm thực hiện sứ mệnh của VPBank: trở thành một trong năm ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam và là ngân hàng được các doanh nghiệp SME ưu tiên lựa chọn.

Tận dụng nền tảng đã tạo dựng từ năm 2013 dựa trên 3 trụ cột chính trong mô hình kinh doanh: Con người, Sản phẩm và Quy trình, mảng khách hàng SME đã tiếp tục đem lại những kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2014 vừa qua. Cụ thể, mức cho vay tăng 25% và huy động tăng 58% so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi số lượng khách hàng tăng thêm 14%. Các kết quả đạt được cho thấy việc thực hiện chiến lược trong lộ trình 5 năm đã đi đúng hướng, và công tác triển khai mô hình kinh doanh mới của phân khúc này tiếp tục tạo đà tăng trưởng khả quan.

Để đem tới những dịch vụ tốt hơn cho khách hàng SME, từ 8 trung tâm SME thành lập trước đó, VPBank đã mở rộng mạng lưới bán hàng trên toàn quốc lên con số 63 trung tâm SME có năng suất cao và đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên môn hóa về kĩ năng nghiệp vụ. Tốc độ tăng trưởng thông qua số trung tâm SME của VPBank cũng tiếp tục được đẩy mạnh hơn nữa nhờ vào các kênh bán hàng phi truyền thống do Phòng Dịch vụ và Chăm sóc khách hàng qua điện thoại (24/7) đảm nhiệm.

Sử dụng sản phẩm và dịch vụ có sự khác biệt về giá trị

2014 cũng là một năm vô cùng bận rộn đối với hoạt động phát triển sản phẩm cho phân khúc khách hàng SME của VPBank. Song hành với việc triển khai chiến lược để hỗ trợ đà tăng trưởng mạnh mẽ, VPBank tiếp tục đẩy mạnh các chương trình sản phẩm chủ lực đã được triển khai thí điểm vào cuối năm 2013, bao gồm sản phẩm Cho vay có tài sản đảm bảo, Cho vay mua ô tô và Chương trình tín dụng. Các chương trình sản phẩm được cải tiến đã giúp VPBank nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường với các quy trình đơn giản hơn, thời gian xử lý nhanh hơn và quy định đột phá hơn trong khi vẫn đảm bảo kiểm soát chất lượng danh mục sản phẩm. Trong nỗ lực đẩy mạnh cho vay phân khúc SME, các sản phẩm chuẩn hóa đã được đưa vào triển khai; từ chương trình tài trợ nhà phân phối hợp tác với các khách hàng doanh nghiệp lớn cho tới các chương trình đặc thù tài trợ ngành nhằm hỗ trợ cho các ngành kinh tế chủ đạo trong nước. Ngoài ra, để củng cố vị thế trong năm 2014, VPBank đã triển khai dòng sản phẩm cho vay tín chấp với sự ra đời của sản phẩm Cho vay trả góp dành cho doanh nghiệp (BIL) và sản phẩm Thẻ tín dụng dành cho doanh nghiệp. Việc cung cấp các sản phẩm cho vay tín chấp chính là một phần trong các giải pháp chiến lược của VPBank nhằm thúc đẩy hoạt động cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay ngân hàng. Nỗ lực này cũng phù hợp với chính sách của Chính phủ về khuyến khích các tổ chức tài chính nâng cao khả năng tiếp cận vốn ngân hàng cho nhiều doanh nghiệp SME hơn.

Ngoài các sản phẩm vay, VPBank cũng cải tiến các dịch vụ ngân hàng giao dịch hướng đến cộng đồng doanh nghiệp SME. Các sản phẩm quản lý tiền mặt như thẻ ghi nợ POS hay các dịch vụ hỗ trợ khác tiếp tục được cung cấp qua đó giúp giành được giải thưởng của MasterCard. Tương tự như vậy, các sản phẩm tài trợ thương mại, các dịch vụ thanh toán quốc tế và ngoại hối cũng được cải tiến để có thể phục vụ khách hàng SME hiệu quả hơn. Do vậy, trong năm 2014, mảng SME đã có tỷ lệ tăng trưởng đáng khích lệ về thanh toán và giao dịch ngoại hối, mặc dù xuất phát điểm là khá khiêm tốn.

Tổng cộng đã có 20 chương trình sản phẩm được thiết kế, sửa đổi trong năm 2014 nhằm củng cố định vị giá trị của VPBank, với mục đích đáp ứng nhu cầu tổng thể của khách hàng SME về dịch vụ ngân hàng. Mục tiêu của VPBank không chỉ dừng lại ở việc cung cấp các sản phẩm vay và huy động đơn lẻ, mà còn là hàng loạt các dịch vụ ngân hàng hỗ trợ khác nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp SME tăng trưởng lợi nhuận kinh doanh và trở thành ngân hàng số 1 được các doanh nghiệp này lựa chọn tại Việt Nam.

Quản trị rủi ro - Gắn liền với tăng trưởng chất lượng

Với nhịp độ tăng trưởng nhanh chóng, VPBank tiếp tục đầu tư mạnh mẽ nhằm nâng cao khả năng kiểm soát và quản trị rủi

ro. Hệ thống xếp hạng tín dụng mới và hiện đại dành cho các doanh nghiệp SME đã được triển khai thành công vào năm 2014. Hệ thống này giúp VPBank cải thiện quy trình chọn lựa khách hàng và hiệu quả phê duyệt tín dụng. Những lợi ích này càng quan trọng hơn khi số lượng các khoản vay ngày càng gia tăng. Trong khi đó, quy trình phê duyệt tín dụng và các chính sách tín dụng cũng liên tục được rà soát và tinh chỉnh để hướng tới mục tiêu cân bằng giữa tốc độ, chi phí và kiểm soát rủi ro. Nhận thức về rủi ro cũng liên tục được nâng cao thông qua các khóa đào tạo nội bộ và mối quan hệ được hun đúc giữa phân khúc SME và Khối Quản trị Rủi ro.

Con người - Xây dựng mối quan hệ với khách hàng SME

Đội ngũ nhân sự luôn là trụ cột quan trọng trong mô hình kinh doanh phân khúc SME của VPBank. Trong năm 2014, VPBank tiếp tục tuyển dụng và phát triển đội ngũ cán bộ nhằm đảm bảo họ có nhận thức và kiến thức đúng đắn và phù hợp để mang lại lợi ích đến với các khách hàng. Các khóa đào tạo và huấn luyện đã được triển khai rộng rãi nhằm nâng cao hiệu quả công tác bán hàng. Các công cụ như CRM hay bộ công cụ bán hàng cũng được triển khai để tăng năng suất bán.

58% 

TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG SME
SO VỚI 2013

Xây dựng mối liên kết bền ngoài và nâng cao sự hiện diện trên thị trường

Để tiến thêm một bước quan trọng nhằm gia tăng sự hiện diện của mình trên thị trường và tiếp cận mục tiêu trở thành đối tác tin cậy đối với các doanh nghiệp SME, VPBank đã mở rộng hợp tác với các hiệp hội thương mại cùng các đại lý ô tô, bất động sản. Ngoài ra, cùng phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI), VPBank đã tổ chức hơn 30 buổi hội thảo và hội nghị dành cho lãnh đạo các doanh nghiệp SME nhằm nâng cao hơn nữa uy tín của một đơn vị luôn cam kết hỗ trợ mạnh mẽ cho cộng đồng doanh nghiệp SME tại Việt Nam. Bên cạnh đó, VPBank cũng triển khai cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp – SME Idea để cổ vũ tinh thần khởi nghiệp của các bạn trẻ tại các trường đại học và cao đẳng trên cả nước.

Tầm nhìn năm 2015

Trong năm 2015, mở rộng tăng trưởng dịch vụ ngân hàng SME sẽ trở nên thách thức hơn bao giờ hết. Môi trường tín dụng vẫn tiếp tục tình trạng khó khăn, bằng chứng là nhiều doanh nghiệp SME hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bị giải thể hay ngừng hoạt động trong năm qua. Tỷ lệ huy động vốn vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp, mặc dù có những dấu hiệu cải thiện nhưng không đáng kể. Tuy nhiên, VPBank vẫn hướng tới

phía trước với sự lạc quan mang tính thận trọng khi có được động lực tăng trưởng mạnh mẽ.

Năm 2015, VPBank sẽ tiếp tục tập trung triển khai chiến lược đã được xác định rõ ràng đối với mảng dịch vụ ngân hàng SME và đẩy mạnh mô hình kinh doanh này. VPBank cũng sẽ tiếp tục đầu tư vào các yếu tố trọng yếu như: con người, sản phẩm và năng lực quản trị rủi ro. Chúng tôi lạc quan rằng năm 2015 sẽ là một năm đầy thu hoạch đối với dịch vụ ngân hàng SME của VPBank.

Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp

Năm 2014, mặc dù tình hình kinh tế nói chung và các khách hàng doanh nghiệp nói riêng gặp nhiều khó khăn nhưng mảng dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp (Commercial Banking - CMB) của VPBank vẫn đạt được kết quả ấn tượng và nhiều thành tựu nổi bật. Cụ thể là so với năm 2013:

- Số lượng khách hàng tăng 35%;
- Huy động từ khách hàng tăng 170%;
- Cho vay khách hàng tăng 230%;
- Số dư ngoại bảng tăng gần 100%, trong đó số dư bảo lãnh đạt hơn 3.000 tỷ đồng;
- Doanh số giao dịch ngoại hối tăng gần 100%;

Để đạt được các kết quả này, VPBank đã tiếp tục phát huy thành công của năm 2013 để triển khai và chuyển đổi mạnh mẽ hoạt động trong năm 2014. Trong đó, Ngân hàng đã không ngừng tiếp cận, nắm bắt và phục vụ nhiều khách hàng cả trong lĩnh vực kinh tế tư nhân cũng như các công ty nhà nước. VPBank tiếp tục đẩy mạnh cung cấp các giải pháp tài chính tổng thể cho khách hàng nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của quá trình sản xuất kinh doanh, trong đó ưu tiên các sản phẩm dịch vụ mà khách hàng có nhu cầu cao như tài trợ xuất nhập khẩu, tài trợ theo chuỗi phân phối, tài trợ trọn gói dự án. Nhờ cung cấp các sản phẩm tích hợp phù hợp với nhu cầu của khách hàng và mang lại giá trị gia tăng cao, VPBank không chỉ giành được nhiều khách hàng mới mà còn được nhiều khách hàng doanh nghiệp hiện tại tăng cường sử dụng sản phẩm dịch vụ, qua đó số dư huy động, cho vay đối với phân khúc khách hàng này trong năm 2014 đã tăng đáng kể so với năm trước.

3.000 tỷ VND

SỐ DƯ BẢO LÃNH NĂM 2014

Không chỉ hiểu và cung cấp các sản phẩm dịch vụ phù hợp với khách hàng hơn mà mảng dịch vụ CMB của VPBank còn không ngừng củng cố năng lực nền tảng của mình thông qua cải tiến quy trình vận hành để nâng cao chất lượng dịch vụ, rút ngắn thời gian

hoàn thành giao dịch nhưng vẫn bảo đảm công tác quản trị rủi ro của Ngân hàng. Trong năm 2014, VPBank cũng đã xây dựng và duy trì được nguồn nhân lực có chất lượng cao, tăng cường các nhân sự kiểm soát rủi ro song song với tuyển dụng nhân sự kinh doanh cho mảng dịch vụ này. Sự phối hợp giữa mảng dịch vụ CMB và các đơn vị liên quan cũng được đẩy mạnh nhằm mang lại tiện ích tối đa cho khách hàng của VPBank.

Với những bước tiến nhanh nhưng vững chãi của mình, VPBank đã và đang tạo dựng được uy tín và thương hiệu đối với các khách hàng doanh nghiệp tại Việt Nam.

Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp lớn

Sau hơn 3 năm hoạt động, dịch vụ ngân hàng dành cho khách hàng doanh nghiệp lớn (Corporate Banking - CIB) của VPBank đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật và khẳng định được thương hiệu của VPBank trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn tại Việt Nam.

Trong năm 2014, mảng dịch vụ CIB của VPBank đạt những con số đầy ấn tượng như huy động và cho vay tăng lần lượt 45% và 50% so với năm 2013, doanh thu tăng 46%, giá trị thanh toán quốc tế cũng có mức tăng ấn tượng 56%. Thành công này cũng được thể hiện qua tên tuổi của các khách hàng là doanh nghiệp lớn hàng đầu Việt Nam như Petro Vietnam, EVN, SCIC, Viettel, Vinacomin, Vingroup, v.v.

Để đạt được những thành công đó, trong năm 2014, VPBank đã tập trung đẩy mạnh việc thu hút nguồn và cơ cấu danh mục tín dụng để tiếp tục nâng cao hiệu quả trong mảng dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp lớn. VPBank cũng triển khai định hướng chuyên môn hóa hoạt động của mảng dịch vụ này theo ngành nghề của khách hàng để có thể cung cấp sản phẩm và tiện ích phù hợp nhất theo đặc thù của từng ngành hàng. Với tham vọng đón đầu làn sóng đầu tư vào Việt Nam, cạnh tranh lành mạnh với các ngân hàng nước ngoài và giành lại thị phần cho ngân hàng Việt Nam, VPBank cũng phát triển đội ngũ kinh doanh hướng tới các khách hàng doanh nghiệp lớn là doanh nghiệp FDI tại Việt Nam và đã đạt được nhiều thành tựu bước đầu với các khách hàng tiêu biểu như: Yamaha, Uni President, Nippon Seiki...

VPBank thu hút các khách hàng doanh nghiệp lớn không chỉ nhờ theo sát và hiểu rõ nhu cầu khách hàng mà còn qua việc cung cấp các sản phẩm chuỗi đa dạng phục vụ cho không chỉ bản thân khách hàng mà cả các đại lý, nhà cung cấp của khách hàng. Nhờ đó, khách hàng doanh nghiệp lớn của VPBank như Carlsberg, Vietnam Airlines, Jetstar, EVN... vừa giảm được chi phí, vừa được cung cấp dịch vụ một cách nhanh chóng, đơn giản và thuận tiện nhất. Không chỉ tập trung phát triển cung cấp các dịch vụ của ngân hàng thương mại truyền thống, các đơn vị của VPBank cũng đã phối hợp chặt chẽ để cung cấp các gói sản phẩm cho các khách hàng như các sản phẩm phái sinh forward, swaps... với các chính sách ưu việt nhất, qua đó mang

lại lợi thế cho các khách hàng doanh nghiệp lớn của Việt Nam trong quan hệ với nước ngoài.

56%



TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ THANH TOÁN QUỐC TẾ SO VỚI NĂM 2013

Năm 2015, VPBank sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động với khách hàng doanh nghiệp lớn bằng cách tích cực cung cấp các giải pháp về quản lý tiền tệ cho doanh nghiệp và kết hợp với các đơn vị khác nhằm triển khai nhiều hơn các chương trình tài trợ chuỗi đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, VPBank cũng sẽ tập trung cho vay và tài trợ các dự án hiệu quả về cơ sở hạ tầng như: điện, nước... và các dự án bảo vệ môi trường.

Hoạt động thị trường tài chính

Năm 2014, hoạt động thị trường tài chính (TTTC) của VPBank được chuyên môn hóa với việc thành lập Khối TTTC trên cơ sở hợp nhất Khối Nguồn vốn và một phần Khối Ngân hàng bán buôn, với định hướng tập trung vào các hoạt động kinh doanh chủ yếu trên thị trường liên ngân hàng và bán sản phẩm thị trường tài chính.

Với những điều chỉnh mới, hoạt động TTTC của VPBank đã đạt được những thành tựu nổi bật, bước đầu khẳng định được thương hiệu của VPBank trên phân khúc này:

- Về doanh thu, VPBank đạt hơn 700 tỷ đồng từ các hoạt động kinh doanh trên TTTC. Đặc biệt, VPBank đã liên tục lọt vào top 5 ngân hàng NHTM có thành tích nổi bật trong hoạt động đấu thầu trái phiếu Chính phủ năm 2014 do Bộ Tài chính xếp hạng. Ngoài ra, mảng bán sản phẩm TTTC đến khách hàng doanh nghiệp cũng có bước tăng trưởng vượt bậc với mức tăng hơn 240% so với năm 2013.
- VPBank đã thúc đẩy việc quản lý bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng một cách hiệu quả thông qua các chính sách giá điều chuyển vốn hợp lý, hỗ trợ các chương trình sản phẩm trong Ngân hàng, góp phần không nhỏ vào việc tăng trưởng tốt bảng tổng kết tài sản toàn hàng cả về mặt tín dụng lẫn huy động.
- Ngân hàng dần kiện toàn đội ngũ bán sản phẩm TTTC chuyên nghiệp, tăng cường việc phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị để đưa sản phẩm thị trường tài chính đến với khách hàng một cách chủ động hơn. Với đội ngũ chuyên gia mạnh, VPBank không chỉ cung cấp các sản phẩm thông thường mà còn đưa ra các tư vấn thị trường thích hợp về tỉ giá và lãi suất cho khách hàng, qua đó tối ưu hóa lợi ích của khách hàng và tạo ra sự khác biệt của VPBank.

Xét về góc độ vận hành, năm 2014, VPBank đã triển khai thành công hệ thống FXFO nhằm tự động hóa việc nhập giao dịch và chào giá ngoại tệ cho khách hàng tại Hội sở và các chi nhánh, giúp giảm thiểu rủi ro hoạt động, nâng cao hiệu quả vận hành, tiết kiệm thời gian, chi phí và hướng tới một mô hình chuyên nghiệp.

700 tỷ VND

DOANH THU HỖKD TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Trong năm 2015, VPBank dự kiến sẽ triển khai phần mềm hiện đại để giúp các hoạt động chuyên môn đặc thù của mảng kinh doanh liên ngân hàng, kinh doanh trái phiếu, tiền gửi liên ngân hàng được tiến hành và kiểm soát tốt hơn.

Hoạt động về định chế tài chính và ngân hàng giao dịch

Nhằm xây dựng và triển khai các chiến lược của nghiệp vụ ngân hàng giao dịch và củng cố, phát triển quan hệ với các định chế tài chính trong nước và quốc tế, VPBank đã thành lập Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch vào ngày 01/06/2014.

Với mục tiêu trở thành một trong ba ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu về nghiệp vụ ngân hàng giao dịch vào năm 2017, VPBank kỳ vọng Trung tâm này sẽ giúp tăng thị phần thanh toán quốc tế của Ngân hàng đến năm 2017 gấp 3 lần so với năm 2014, tăng 50% tỷ trọng thu nhập từ phí trong tổng thu nhập khách hàng doanh nghiệp và tăng tỷ trọng dư nợ tài trợ thương mại trong tổng dư nợ cho khách hàng doanh nghiệp lên 70%.

Để thực hiện mục tiêu này, VPBank đã nghiên cứu và xây dựng chiến lược và kế hoạch chi tiết cho 3 năm sắp tới của Trung tâm Định chế tài chính và Ngân hàng Giao dịch, trong đó tập trung:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ và quy trình nghiệp vụ, đa dạng hóa sản phẩm và thiết kế sản phẩm phù hợp với từng khách hàng;
- Thúc đẩy bán sản phẩm Tài trợ thương mại và Quản lý dòng tiền bằng cách xây dựng chiến lược cụ thể cho từng phân khúc khách hàng doanh nghiệp;
- Tăng cường quản trị rủi ro tín dụng và vận hành.

Sau nửa năm đưa Trung tâm vào hoạt động, VPBank đã xây dựng được các sản phẩm mới cho hoạt động ngân hàng giao dịch bao gồm các sản phẩm quản lý tiền tệ, tài trợ thương mại cơ cấu, và tài trợ chuỗi cung ứng, tài trợ kho hàng... Kết quả nổi

bật thể hiện qua doanh số thanh toán quốc tế từ các giao dịch xuất nhập khẩu năm 2014 tăng 82% so với năm 2013. Năm 2015, VPBank đạt mục tiêu tăng trưởng doanh số thanh toán quốc tế từ giao dịch xuất nhập khẩu lên 100%.

600% 

TĂNG TRƯỞNG SỐ DU TIỀN GỬI DÀI HẠN

Với một số điều chỉnh về cấu trúc bộ máy kinh doanh mảng định chế tài chính và ngân hàng giao dịch, năm 2014, VPBank đã tăng số du tiền gửi dài hạn từ mảng khách hàng này ở mức 600% và huy động bình quân tăng 90% so với năm 2013. Trong năm 2014, lần đầu tiên các sản phẩm quản lý dòng tiền đã được triển khai tại VPBank cho nhóm khách hàng này.

VPBank đã được chọn là một trong các ngân hàng nhận vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức quốc tế như World Bank, JICA để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Đặc biệt, VPBank đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ về nguồn vốn và hạn mức từ các định chế tài chính trong nước và nước ngoài. Tổng hạn mức do các ngân hàng nước ngoài cấp tăng trưởng 90% và hạn mức do các ngân hàng trong nước tăng trưởng 40% so với năm 2013. Cuối năm 2014, VPBank đã được chấp thuận tham gia chương trình tài trợ thương mại của Ngân hàng Phát triển Châu Á, khẳng định uy tín và sức mạnh tài chính của Ngân hàng.

Những thành quả nổi bật trong thời gian qua của VPBank đã giúp Ngân hàng tiến một bước dài trong việc thực hiện chiến lược 3 năm của mình đối với mảng hoạt động này, qua đó tiếp tục khẳng định vị thế và uy tín của VPBank trên thị trường Việt Nam và quốc tế.

Trong năm 2015, VPBank sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm quản lý tiền tệ và tài trợ thương mại phù hợp với đặc điểm khách hàng, mở rộng quan hệ đại lý của Ngân hàng với các định chế tài chính trong và ngoài nước phục vụ cho định hướng chiến lược kinh doanh của VPBank.

Hoạt động đầu tư

Hướng tới mục tiêu trở thành một trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam vào năm 2017, VPBank đã không ngừng chuyên môn hóa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng phục vụ khách hàng. Theo đó, tháng 5/2014 VPBank đã thành lập Khối Quản lý Đầu tư và Dự án trên cơ sở tổ chức lại Phòng Đầu tư và phát triển thêm Phòng Tài trợ Dự án để trở thành một đơn vị chuyên trách kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và tài trợ dự án, phục vụ các khách hàng phức

hợp thông qua các sản phẩm tài chính, giải pháp tài chính trọn gói cho khách hàng của VPBank.

Với sự nỗ lực của cả đội ngũ lãnh đạo và nhân viên, trong một thời gian ngắn VPBank đã xây dựng và hoàn thiện Khối Quản lý Đầu tư và Dự án theo hướng tập trung, phát triển an toàn và bền vững. Cùng với việc hoàn thiện các quy trình, quy chế về đầu tư, bộ máy nhân sự cho các đơn vị trong Khối cũng được kiện toàn với đội ngũ cán bộ trẻ, năng động và tâm huyết làm nòng cốt cho hoạt động và phát triển lâu dài của Khối.

Với sự chuyên môn hóa và tập trung cao sau khi được tách thành một khối chuyên biệt, VPBank đã nâng cao được hiệu quả hoạt động đầu tư và tài trợ dự án của mình, qua đó mang lại lợi ích cho khách hàng và cho bản thân Ngân hàng. Mặc dù mới đi vào hoạt động trong chưa đầy 1 năm song kết quả kinh doanh năm 2014 của khối này đã đạt được một số thành tích nhất định, hoàn thành từ 110% đến 150% các chỉ tiêu tài chính quan trọng được giao.

Năm 2015, VPBank sẽ tiếp tục củng cố thành công trong mảng đầu tư và tài trợ dự án thông qua việc chuyên môn hóa nhằm tăng cường hơn nữa tính an toàn, hiệu quả và chất lượng của các hoạt động. VPBank cũng sẽ đẩy mạnh mảng hoạt động dịch vụ tư vấn (tư vấn phát hành, tư vấn thu xếp tài chính dự án) để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các doanh nghiệp Việt Nam cũng như nâng cao tỷ lệ thu nhập từ phí của Ngân hàng.

Hoạt động ngân hàng đầu tư

Hoạt động ngân hàng đầu tư của VPBank được thực hiện thông qua Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS), một trong những công ty chứng khoán có vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường sau khi tăng vốn lên 800 tỷ đồng vào năm 2012. Các lĩnh vực hoạt động chủ chốt của Công ty bao gồm: Môi giới Chứng khoán, Giao dịch Chứng khoán, Dịch vụ Tài chính, Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, và Trung tâm Phân tích. Năm 2014 tiếp tục đánh dấu một năm thành công trong mọi lĩnh vực của VPBS với việc hoàn thành mọi chỉ tiêu kinh doanh đề ra. Sự thành công của VPBS đã được các tổ chức trong nước và quốc tế đánh giá cao và ghi nhận bằng các giải thưởng uy tín. Trong năm 2014, VPBS đã vinh dự đón nhận 2 giải thưởng trong nước và 5 giải thưởng quốc tế uy tín, cụ thể:

- Hoạt động chung: Tháng 11/2014, VPBS vinh dự đón nhận giải thưởng Doanh nghiệp Việt Nam tiêu biểu (National Winner from Vietnam for the ASEAN Business Awards 2014) và Giải Ba Doanh nghiệp tiêu biểu khu vực Đông Nam Á (The 2nd Runner-up for Most Admired ASEAN Enterprise) do Hội đồng Tư vấn Kinh doanh ASEAN (ASEAN Business Advisory Council) trao tặng. Đây là giải thưởng mang tầm cỡ khu vực, được tổ chức với quy trình thẩm định chặt chẽ, tuân thủ các quy định và khung chuẩn quốc

tế nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có thành tích nổi bật nhất đóng góp vào sự phát triển kinh tế và thịnh vượng trong nước nói riêng và trong khu vực nói chung.

- Hoạt động môi giới: Ngày 29/11/2014, VPBS được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vinh danh là Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của HNX trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2014. Tiêu chí để được vinh danh đến từ thị phần môi giới cổ phiếu và trái phiếu của VPBS, mức độ hợp tác và phối hợp với HNX trong công tác đấu thầu... Đây là một sự ghi nhận xứng đáng đối với những đóng góp của VPBS cho thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính Việt Nam nói chung.
- Hoạt động tư vấn: Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn mua bán trái phiếu Chính phủ và thu xếp vốn cho các doanh nghiệp lớn trong nước. Ngày 20/06/2014, VPBS đã vinh dự nhận giải thưởng “Nhà Tư vấn và Thu xếp Trái phiếu tốt nhất Việt Nam 2014” (Best Debt Capital Market House 2014) năm 2014 do tạp chí Finance Asia bình chọn (năm thứ hai liên tiếp VPBS nhận giải thưởng này). Đây là một trong những giải thưởng được Finance Asia tổ chức thường niên nhằm tôn vinh các tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu có số lượng thương vụ và giá trị phát hành lớn trên thị trường. Việc xét duyệt, bình chọn được thực hiện một cách toàn diện dựa trên những tiêu chí như cấu trúc, giá trị và tầm ảnh hưởng của thương vụ đối với thị trường trái phiếu trong nước, cũng như nền tảng kinh nghiệm của tổ chức tư vấn.
- Cũng trong năm 2014, Tạp chí Alpha Southeast Asia và Tạp chí The Asset trong lĩnh vực tài chính ngân hàng cũng bình chọn VPBS là “Nhà Tư vấn và Thu xếp Trái phiếu tốt

nhất Việt Nam 2014”. Điều này càng khẳng định vị trí dẫn đầu của VPBS trong hoạt động tư vấn nghiệp vụ thị trường chứng khoán nói riêng và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư nói chung tại Việt Nam.

- Lĩnh vực Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A): Ngày 06/08/2014, VPBS đã vinh dự đón nhận danh hiệu Công ty tư vấn M&A tiêu biểu năm 2013-2014 do Diễn đàn Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (M&A Forum 2014) trao tặng. Đây là sự kiện về M&A có quy mô và uy tín tại Việt Nam được tổ chức thường niên bởi Báo Đầu tư Chứng khoán dưới sự bảo trợ của Bộ Kế hoạch & Đầu tư. Đánh dấu sự phát triển vượt bậc của VPBS trong lĩnh vực M&A là bước ngoặt khi VPBS chính thức trở thành thành viên duy nhất của IMAP tại Việt Nam từ năm 2014. IMAP là Hiệp hội các Nhà tư vấn M&A toàn cầu với mạng lưới thành viên ở 40 nước trên thế giới.

Giải ba

DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Với sự hỗ trợ của Ngân hàng mẹ VPBank, VPBS đặt mục tiêu đến năm 2017 sẽ trở thành đối tác tin cậy hàng đầu trong nước và quốc tế, cung cấp các giải pháp sáng tạo đem lại giá trị bền vững cho khách hàng. Công ty hiện đã có văn phòng tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng với mạng lưới giao dịch và cơ sở khách hàng ngày càng được mở rộng.



CÁC THÀNH TỰ
VỀ XÂY DỰNG
NỀN TẢNG

Quản trị rủi ro

Năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã chính thức chỉ định VPBank là 1 trong 10 Ngân hàng được lựa chọn thực hiện phương pháp cơ bản của Basel II vào cuối năm 2015 và phương pháp tiêu chuẩn trở lên vào cuối năm 2018. Việc thực hiện Basel II không chỉ giúp tăng cường hệ thống quản trị rủi ro của ngân hàng mà còn đem lại nhiều giá trị kinh doanh tốt hơn, hệ thống quản lý hạn mức hiệu quả và phân bổ vốn hợp lý.

Cũng trong năm 2014, Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/04/2013 điều chỉnh một phần bởi Thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 chính thức được áp dụng, đã và sẽ có tác động trực tiếp tới tình hình phân loại tài sản có, mức trích dự phòng và sử dụng dự phòng của VPBank. VPBank nhận định, Thông tư 02 vừa là thách thức vừa là cơ hội để đánh giá lại chất lượng tín dụng, hướng tới mục tiêu lành mạnh hóa hệ thống, tăng trưởng ổn định bền vững.

Để đáp ứng các yêu cầu của NHNN, cũng như tăng cường việc quản lý rủi ro của Ngân hàng, VPBank là một trong những ngân hàng hoàn thành sớm nhất Bản phân tích chênh lệch và đề ra Lộ trình triển khai Basel II với sự giúp đỡ của đơn vị tư vấn quốc tế. VPBank đã có những bước chuẩn bị về hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, và có những quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro cho các hoạt động tín dụng. Trong năm 2014, VPBank đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ về quản trị rủi ro, bao gồm:

Cơ cấu quản trị rủi ro

Trong năm 2014, VPBank đã thành lập thêm 2 bộ phận trực thuộc Khối Quản trị Rủi ro là nhóm Dự án quản lý các sáng kiến rủi ro chiến lược (như Basel II, Quản trị rủi ro kinh doanh liên tục, Quản trị rủi ro thông tin, Chống gian lận...) và Phòng Điều tra và Phòng chống Gian lận. Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Quản lý Rủi ro hoạt động (ORC) dần đi vào hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra, cơ cấu tổ chức Khối Quản trị Rủi ro cũng đã có một số thay đổi để đáp ứng tốt hơn yêu cầu kinh doanh cũng như yêu cầu quản trị rủi ro, tiến tới hoàn thiện Khung quản lý rủi ro theo thông lệ quản lý rủi ro tiên tiến. VPBank cũng đang triển khai xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu để xây dựng các phương pháp đo lường rủi ro tiên tiến theo chuẩn quốc tế.

Quản trị rủi ro tín dụng

Cấu trúc phê duyệt tín dụng tập trung được triển khai trên toàn hệ thống giúp rút ngắn thời gian phê duyệt đồng thời vẫn đảm bảo việc kiểm soát và hạn chế rủi ro. Dưới sự giúp đỡ của tư vấn quốc tế, VPBank đã xây dựng và áp dụng các phương thức quản trị rủi ro tiên tiến như: thẻ điểm cho các phân khúc khách hàng, tỷ trọng tổn thất ước tính (LGD) theo

danh mục sản phẩm, định giá dựa trên rủi ro; đồng thời triển khai Hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng (Early Warning System). Những hoạt động đã triển khai là nền tảng để VPBank thực hiện tuân thủ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về áp dụng phương pháp cơ bản vào cuối 2015, phương pháp tiêu chuẩn vào cuối 2018.

Quản trị rủi ro hoạt động

Nhận thức về quản trị rủi ro hoạt động đã được nâng cao đối với cấp quản lý của Ngân hàng. Ủy ban Rủi ro Hoạt động đã hoạt động đều đặn trong cả năm 2014. Trên cơ sở đó, Khối Quản trị Rủi ro đã triển khai các dự án/sáng kiến quản lý rủi ro hoạt động chặt chẽ và hiệu quả hơn. Các chỉ số rủi ro hoạt động trọng yếu (KRI) đã được hoàn thành, triển khai, theo dõi trên toàn hàng và đang tiếp tục cải thiện. Việc xây dựng hệ thống các chỉ tiêu KRI giúp cung cấp cách nhìn sâu hơn với rủi ro của Ngân hàng, được sử dụng để giám sát các yếu tố ảnh hưởng chính đến rủi ro cũng như đưa ra các kế hoạch hành động/giảm thiểu rủi ro phù hợp. Quy trình thu thập dữ liệu tổn thất đã được cải tiến, hỗ trợ việc thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất hiệu quả, cung cấp thông tin hữu ích cho việc đánh giá rủi ro của Ngân hàng đối với rủi ro hoạt động và mức hiệu quả của các kiểm soát nội bộ. Bên cạnh đó, VPBank còn triển khai các dự án quản lý chống gian lận, quản lý kinh doanh liên tục và quản lý rủi ro thông tin trong năm 2014.

Quản trị rủi ro thị trường

Quy trình kiểm soát rủi ro thị trường và hệ thống hạn mức rủi ro thị trường đã được thiết lập về cơ bản, từ nhận diện, theo dõi diễn biến giá cả trên thị trường tới đo lường, lượng hóa các rủi ro nhằm tiến tới thiết lập các hạn mức phù hợp và giám sát tính tuân thủ các hoạt động kinh doanh tại Khối Thị trường Tài chính. Năm 2014, rủi ro thị trường đã được quản lý chặt chẽ và tuân thủ các giới hạn, hạn mức được cấp thẩm quyền của Ngân hàng phê duyệt.

Công tác thu hồi nợ

Nằm trong lộ trình tập trung hóa và chuyên môn hóa công tác thu hồi nợ đã đề ra từ năm 2013, cơ cấu trung tâm thu hồi nợ tiếp tục được tối ưu hóa trong năm 2014, cùng với đó là chiến lược thu hồi nợ toàn diện đã được thiết lập và bao trùm toàn bộ các giai đoạn thu nợ của khách hàng, bao gồm thu hồi nợ sớm (early collection) và thu hồi nợ muộn (recovery). Ở chiến lược thu hồi nợ sớm, hệ thống gọi điện tự động theo Voice Blaster và SMS được áp dụng, giúp tiết kiệm chi phí và thời gian liên hệ với khách hàng. Khâu thu hồi nợ muộn được tập trung hóa tại công ty AMC, bao gồm đội ngũ những cán bộ nắm vững luật, tình hình thị trường, khác biệt vùng miền, và kỹ năng thu nợ. Nhằm tự động hóa các khâu vận hành trong việc ghi nhận, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, VPBank đã triển khai áp dụng phần mềm thu hồi nợ theo tiêu chuẩn quốc tế.

Bộ máy vận hành

2014 là năm đánh dấu công cuộc chuyển đổi của bộ máy vận hành của VPBank. Hàng loạt các sáng kiến có tính chiến lược đã được triển khai, trong khi những sáng kiến bắt đầu triển khai từ năm 2013 đã thu được thành quả như mong đợi.

Trọng tâm chính của việc cải tổ mô hình vận hành của VPBank tiếp tục là tập trung hóa. Các nhiệm vụ và hoạt động hành chính, vận hành đều được tách khỏi các đơn vị tiếp xúc trực tiếp với khách hàng và tập trung hóa để các nhân viên tại chi nhánh có thể tập trung nhiều thời gian hơn vào hoạt động bán hàng và dịch vụ khách hàng. Đồng thời, các bộ phận mới đã được thành lập trong các đơn vị hỗ trợ nhằm mục đích đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cho các đơn vị khách hàng. Đến cuối năm 2014, một nền tảng mạnh mẽ đã được tạo ra ngay trong bộ máy vận hành; nền tảng này sẽ cung cấp cơ sở vật chất cũng như khả năng mở rộng quy mô cần thiết để phục vụ tăng trưởng kinh doanh trong những năm sắp tới.

Một số nhiệm vụ trọng tâm của VPBank bao gồm: nâng cao năng suất, chuẩn hóa các quy trình và chuyên nghiệp hóa các hoạt động xử lý. Trong năm 2014, Ngân hàng đã phát triển năng lực nội tại nhằm xây dựng khung quản lý quy trình của riêng mình. Điều này giúp VPBank chuẩn hóa và phân luồng các quy trình để có thể linh hoạt và có khả năng ứng phó với bất cứ thay đổi nào trong môi trường kinh doanh.

Trong khi tập trung hóa tạo ra hiệu quả và tiêu chuẩn hóa xuyên suốt nhiều quy trình khác nhau, VPBank đã vận dụng mô hình "cụm vệ tinh" để tiếp cận sát hơn với khách hàng thay vì chuyển tất cả các hoạt động cần đáp ứng nhanh sang Hội sở. Do vậy, các "cụm" đã được tạo ra ở những vị trí chiến lược để có thể hỗ trợ một số chi nhánh ("vệ tinh") nằm trong bán kính được định rõ với thời gian phản hồi dịch vụ (TAT) ngắn nhất mà không gây bất tiện cho khách hàng. Các cụm này bao gồm các hoạt động hỗ trợ khách hàng như tiếp quỹ và công chứng tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Trong năm 2014, một số hoạt động đã được triển khai tại các trung tâm xử lý tập trung nhằm giảm thời gian giải ngân khoản vay và các loại hình tín dụng khác. Các cẩm nang vận hành cùng các tài liệu hướng dẫn chi tiết đã được phát hành tới nhân viên, các chức năng của phần mềm xử lý tín dụng đã được nâng cao, các quy trình đã được xây dựng lại để tăng cường tính hiệu quả.

Các đơn vị chức năng trong bộ máy vận hành của VPBank cũng đã giới thiệu và bắt đầu sử dụng một số công cụ và tham số đánh giá hiệu suất hoạt động để cải thiện hiệu quả của các đơn vị hỗ trợ. Các công cụ bao gồm: thời gian xử lý trung bình (APT), thời gian phản hồi dịch vụ (TAT), các mô hình về lập kế hoạch đánh giá năng suất và năng lực của nhân viên, các thỏa thuận cấp độ dịch vụ (SLA) và khảo sát khách hàng nội bộ.

Để gia tăng chất lượng dịch vụ dành cho các khách hàng của

VPBank, Phòng Nâng cao Chất lượng Dịch vụ (CSE) đã được thành lập tại Hội sở nhằm đo lường, giám sát và nâng cao cấp độ dịch vụ do các chi nhánh của VPBank đem đến cho các khách hàng. Theo đó, các phương pháp như "khách hàng bí mật", các cuộc khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng hay các công cụ "Tiếng nói khách hàng" (VOC) đã được triển khai để có thể đánh giá khách quan về cấp độ dịch vụ của từng chi nhánh. Tương tự như vậy, các hoạt động kiểm tra chất lượng dịch vụ cũng được thực hiện đối với Phòng Dịch vụ và Chăm sóc khách hàng qua điện thoại (24/7 contact center).

Để hỗ trợ các nhóm khách hàng doanh nghiệp và khách hàng thương mại, Trung tâm Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp đã được thành lập với tư cách là một 'middle-office' làm cầu nối giữa khách hàng và các đơn vị hỗ trợ (back-office) chuyên cung cấp các dịch vụ tài trợ thương mại, thanh toán và ngoại hối. Nhiều dự án khác cũng đã được đảm bảo triển khai với mục đích nâng cao trải nghiệm tổng thể của khách hàng, bao gồm các dự án về nâng cao năng lực tài trợ thương mại, cải tiến phần dịch vụ và chăm sóc khách hàng qua điện thoại và giảm TAT chung.

Đúng ở góc độ kiểm soát, một quy trình đã được thiết lập nhằm tập trung hóa hồ sơ tín dụng và công tác lưu trữ tài sản bảo đảm để đảm bảo đầy đủ các yếu tố thiết yếu của hoạt động cho vay. Hoạt động quản lý tiền mặt tại kho quỹ chi nhánh và các cây ATM cũng được tập trung hóa, do đó đã giúp đẩy mạnh cơ chế kiểm soát chung cũng như giải phóng thời gian cho nhân viên chi nhánh khỏi hoạt động này để họ có thể chú tâm hơn tới việc đáp ứng các yêu cầu khách hàng.

Khi khối lượng xử lý các giao dịch về vận hành tại các chi nhánh cũng như tại các đơn vị hỗ trợ gia tăng, Ngân hàng đã nhận thức rõ nhu cầu cần đẩy mạnh cơ chế kiểm soát. Theo đó, một môi trường kiểm soát các hoạt động vận hành mạnh mẽ đã được tạo ra cùng với sự hình thành một đơn vị chuyên môn phục vụ công tác kiểm soát vận hành và quản trị rủi ro.

Khi bộ máy vận hành của VPBank trở nên lớn mạnh, Ngân hàng cũng đã tập trung mạnh hơn vào công tác phát triển đội ngũ nhân sự tại các đơn vị hỗ trợ, như: xây dựng "Khung năng lực" cho các vị trí cao cấp trong các đơn vị Xử lý tín dụng, Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại. Thêm vào đó, "Kế hoạch phát triển cá nhân" (PDP) cũng đã được xây dựng cho các cán bộ nhân viên. Số giờ đào tạo cho các cán bộ Vận hành đã được tăng lên đáng kể và được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: huấn luyện tại chỗ, đào tạo trên lớp, học trực tuyến, hội thảo, nghiên cứu chuyên đề ngoài VPBank và hướng dẫn đồng cấp (P2P).

Với năng lực ngày càng lớn mạnh trên mọi phương diện, bộ máy vận hành của VPBank đã thu được những kết quả đáng chú ý và góp phần đáng kể vào thành công của Ngân hàng. Năm 2014, số lượng khách hàng đã gia tăng nhanh chóng nhưng vẫn được phục vụ đầy đủ với chất lượng dịch vụ ngày càng cải tiến. Đồng thời, chi phí vận hành giảm xuống giúp

VPBank trở nên hiệu quả hơn và cạnh tranh tốt hơn trên thị trường. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, văn hóa nội khối tập trung vào khách hàng, năng suất và niềm tin thấm nhuần đã được gây dựng và củng cố nhằm đảm bảo một bộ máy vận hành mạnh mẽ và vững vàng trong tương lai phía trước.

Trong năm 2015, Ngân hàng dự định tập trung cải thiện hoạt động vận hành vào 3 lĩnh vực chủ đạo, gồm: cải tiến cấp độ dịch vụ trên khắp chuỗi cung cấp dịch vụ và sản phẩm, nâng cao năng suất của tất cả các đơn vị xử lý và dịch vụ của tổ chức và tối ưu hóa chi phí bằng cách hợp lý hóa chi phí trong Ngân hàng, hướng tới mục tiêu cải thiện chỉ số hiệu quả của bộ máy.

Khách hàng vẫn sẽ tiếp tục là tâm điểm cho mọi hoạt động được triển khai tại bộ máy vận hành. Chúng tôi tin rằng điều khách hàng yêu cầu từ phía chúng tôi là tốc độ dịch vụ cùng với tính chuẩn xác, là hai yếu tố cần được cung cấp nhất quán theo cách thức thuận tiện cho khách hàng. Do đó, các mục tiêu sẽ tập trung vào cải thiện chất lượng tất cả các sản phẩm và dịch vụ được xử lý, đồng thời nỗ lực cắt giảm các chi phí đơn vị của mọi hạng mục.

Quản trị nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một trong các yếu tố quan trọng nhất trong chiến lược và sự thành công của VPBank. Năm 2014, VPBank đã tiếp tục hoàn thiện chính sách, triển khai các dự án trọng tâm nhằm cải tiến hệ thống, quy trình quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng, đồng thời triển khai các chương trình giúp VPBank thu hút và giữ chân được những nhân tài cần thiết cho sự phát triển của mình.

Trong năm 2014, công tác củng cố hệ thống quản trị nhân sự nền tảng được thực hiện thông qua việc cập nhật các chính sách, văn bản, các quy định liên quan đến Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, xử lý vi phạm theo sửa đổi mới của Bộ luật Lao động. VPBank cũng đã triển khai xây dựng hệ thống Tự động hóa các khối hỗ trợ (ERP) nhằm hệ thống hóa các quy trình, cải thiện và nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng.

Về tuyển dụng, VPBank đã cập nhật quy trình tuyển dụng chuyên nghiệp với những tiêu chí rõ rệt nâng cao chất lượng ứng viên, thúc đẩy chiến lược tuyển dụng nhất quán và chuẩn mực về chất lượng, tìm kiếm những ứng viên có đủ kinh nghiệm và năng lực cho vị trí quản lý. Trong bối cảnh các ngân hàng tập trung vào chất lượng tuyển dụng, tìm kiếm những ứng viên có đủ kinh nghiệm và năng lực cho vị trí quản lý và nhân viên, làn sóng dịch chuyển nhân sự trong ngành ngân hàng năm 2014 diễn ra mạnh mẽ. Cơ hội dành cho những nhân viên, quản lý cấp trung, cấp cao tại các ngân hàng khác cũng rất rộng mở. Vì vậy, VPBank đã giới thiệu chính sách phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp biệt phái để khuyến khích chuyển

chuyển nội bộ, giúp nhân viên và cán bộ có kinh nghiệm, có năng lực và muốn thử sức thể hiện mình ở những vị trí cao hơn hoặc những môi trường nghiệp vụ khác. Chiến lược này giúp VPBank khai thác tối đa sự đa dạng về văn hóa, phong cách làm việc để tạo ra những lợi thế đặc biệt cho Ngân hàng trong kinh doanh.

Trong công tác đào tạo và phát triển, năm 2014 đánh dấu bước chuyển đổi lớn lao trong phương thức tiếp cận đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của VPBank theo phương châm khuyến khích văn hóa và tinh thần tự học của nhân viên, để nhân viên tự làm chủ kế hoạch phát triển bản thân trong công việc và sự nghiệp. Bước đầu, VPBank đã giới thiệu tới nhân viên một số đơn vị Bàn đồ học tập chung giúp nhân viên phát triển và hoàn thiện 12 năng lực cốt lõi của VPBank cùng 9 mô đun cho quản lý bán hàng. Bên cạnh đó, các tài liệu tự học đã được thiết kế giúp cán bộ công nhân viên trau dồi thêm các kiến thức chuyên môn, kỹ năng để có thể đáp ứng tốt hơn yêu cầu của công việc, góp phần thực hiện tầm nhìn, chiến lược và hoàn thành mục tiêu của VPBank.

Trong bối cảnh thị trường nhân sự, đặc biệt là nhân sự có kinh nghiệm và năng lực cạnh tranh gay gắt, để bảo đảm “giữ chân” được những cán bộ có năng lực, VPBank đã căn cứ vào điều kiện và quy mô của mình để xây dựng các chế độ đãi ngộ tương xứng với khả năng, trình độ chuyên môn và mức độ đóng góp sức lao động vào hiệu quả hoạt động của Ngân hàng. Việc xây dựng họ nghề, khung năng lực cốt lõi gắn kết theo họ nghề, theo đặc thù nghiệp vụ của đơn vị và một hệ thống lương theo thị trường cũng chuẩn bị hoàn thành. Hệ thống lương theo thị trường sẽ làm cấu trúc lương hiện đại hơn và gắn kết chặt chẽ đến năng lực nhân viên, đồng thời hỗ trợ nhà quản lý trong việc ra các quyết định liên quan đến đánh giá năng lực và hiệu quả làm việc của nhân viên. Sự thay đổi này đồng thời xây dựng nền tảng cho các chương trình hành động trong công tác quản trị nhân tài và phát triển lực lượng kế cận trong năm 2015 của VPBank.

Để không ngừng nâng cao chất lượng quản trị nguồn nhân lực của Ngân hàng, VPBank đã xây dựng mô hình và kế hoạch chuyển đổi cho Khối Quản trị Nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược của Khối và sự phát triển của VPBank. Trong năm 2015, VPBank sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch hành động này để qua đó xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, hệ thống quản trị nguồn nhân lực hiệu quả và thương hiệu có sức thu hút cao cho VPBank trên thị trường.

Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin (CNTT) luôn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng và đặc biệt là trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu “đưa VPBank trở thành một trong ba ngân hàng thương mại cổ phần bán lẻ hàng đầu Việt Nam”. Năm 2014, hoạt động CNTT tại VPBank tiếp tục lộ trình tổng thể và qua đó đã đóng góp lớn cho sự thành công của VPBank

thông qua việc phát triển hạ tầng công nghệ và duy trì ổn định hệ thống.

Cụ thể, VPBank đã tích cực chuyển đổi, xây dựng một nền tảng CNTT vững chắc đáp ứng nhu cầu phát triển của VPBank bằng các hoạt động cốt lõi sau:

- Triển khai các giải pháp CNTT tích hợp, lấy khách hàng là trọng tâm và củng cố năng lực vận hành bằng cách thúc đẩy quá trình xây dựng sản phẩm nhanh chóng, tự động hóa quy trình, tinh linh hoạt của các nền tảng CNTT để đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ, môi trường đa kênh và tương tác thuận tiện cho khách hàng;
- Nâng cao năng lực kết nối các mục tiêu kinh doanh giữa các đơn vị nghiệp vụ và Khối CNTT, chuyển đổi tổ chức hoạt động của Khối CNTT từ một đơn vị hỗ trợ thành một đơn vị cung cấp dịch vụ nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần xây dựng hình ảnh một VPBank hiện đại, năng động, chuyên nghiệp và thân thiện với người tiêu dùng;
- Thực hiện chuyển đổi quy trình phát triển giải pháp theo hướng cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người dùng, tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị nghiệp vụ đưa ra những quyết sách nhanh chóng, nhằm tận dụng các cơ hội kinh doanh mới, sớm phát hiện ra những thay đổi trong môi trường kinh doanh, giảm thiểu thời gian đưa sản phẩm ra thị trường thông qua một kiến trúc doanh nghiệp ổn định và có khả năng tích hợp ứng dụng và năng lực cung cấp dịch vụ.

Nhờ đó, đến cuối năm 2014, VPBank đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể về CNTT như:

- Duy trì hệ thống vận hành ổn định và hiệu quả, cung cấp dịch vụ 24x7 mọi nơi mọi lúc cho khách hàng như dịch vụ ngân hàng điện tử, các dịch vụ thẻ... bên cạnh các dịch vụ ngân hàng truyền thống khác; Tận dụng các sáng kiến công nghệ mới nhất để không ngừng nâng cao chất lượng và liên tục đưa ra các dịch vụ mới cho khách hàng, xây dựng một cơ sở hạ tầng CNTT có hiệu suất cao, góp phần tạo sự khác biệt về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của khách hàng, nhất là trên các kênh điện tử. VPBank cũng tiến hành định hướng và lựa chọn được những đối tác đáng tin cậy để tiến tới tích hợp các kênh của Ngân hàng, mang lại một trải nghiệm đồng nhất và lợi ích tối ưu cho khách hàng;
- Cung cấp nền tảng và hỗ trợ hiệu quả cho các đơn vị kinh doanh và vận hành của VPBank thông qua việc luôn luôn cải tiến, tạo nền tảng bền vững và linh hoạt, xây dựng thành công mô hình kiến trúc hướng dịch vụ; chuyển đổi mô hình quản lý nhu cầu cũng như quy chuẩn hóa tổ chức và quy trình phát triển giải pháp; tiếp tục hoàn thiện các quy trình quản lý và cung cấp dịch vụ CNTT;
- Khởi động dự án DWH/BI (Kho dữ liệu và thông tin kinh doanh), một trong những dự án CNTT nền tảng, nhằm

đưa VPBank đến một đẳng cấp mới trong việc sử dụng dữ liệu và thông tin trong ngân hàng để chuyển đổi mạnh mẽ hơn. Bên cạnh đó, các dự án mang tính chiến lược khác của CNTT cũng tiếp tục được thúc đẩy như: ERP (Tự động hóa các khối hỗ trợ), CRM (Quản lý quan hệ khách hàng), Ngân hàng điện tử (eBanking)...

- Ký kết với Microsoft và triển khai dịch vụ Office365, đưa VPBank trở thành ngân hàng đầu tiên, và cũng là doanh nghiệp lớn đầu tiên tại Việt Nam áp dụng mô hình điện toán đám mây. Với chủ trương tận dụng nguồn lực bên ngoài để cung cấp dịch vụ tốt hơn (và cũng là xu hướng tất yếu của kinh doanh hiện đại trên thế giới), VPBank đã hoàn thiện và xây dựng được những mối quan hệ chặt chẽ hơn với các công ty hàng đầu về CNTT thông qua các hợp đồng chiến lược.

Năm 2015, hoạt động CNTT sẽ tiếp tục chuyển đổi, cải tiến các quy trình, khung quản trị CNTT để tiến tới một mô hình hoạt động lấy hiệu quả và chất lượng làm trọng tâm, nâng cao tính hợp tác, an toàn, bền vững cho cả khách hàng và cho chính VPBank.

Phân tích kinh doanh

Hầu hết các tổ chức trên toàn cầu đang phải đối mặt với những thách thức to lớn trong việc quản lý và chuyển đổi dữ liệu thành những thông tin hữu dụng. VPBank cũng không phải là một ngoại lệ.

Nhận thấy dữ liệu là tài sản có tính chiến lược đối với Ngân hàng, ngay từ cuối năm 2013 VPBank đã thành lập Ủy ban Dữ liệu nhằm phác thảo một chương trình nghị sự về quản lý dữ liệu cho Ngân hàng và giám sát tất cả các sáng kiến liên quan tới dữ liệu. Ủy ban đã xác định, để có thể trở thành một tổ chức thực sự định hướng dữ liệu và qua đó tạo sự khác biệt so với các ngân hàng trong nước khác, VPBank cần có một đơn vị chuyên môn độc lập để thúc đẩy và tạo điều kiện chia sẻ dịch vụ Phân tích Kinh doanh (BI) chung một cách hiệu quả, cũng như xây dựng và quản lý tốt phương pháp tiếp cận về Quản trị Dữ liệu của Ngân hàng. Trên cơ sở đó, VPBank đã thành lập Trung tâm Phân tích Kinh doanh (BICC) vào đầu năm 2014 với lộ trình hoạt động và phát triển 3 năm gồm những nhiệm vụ sau:

Quản trị Dữ liệu: tạo lập và quản lý một Khung quản trị dữ liệu nhằm đảm bảo tại VPBank:

- Mọi CBNV đều tin tưởng và coi dữ liệu là tài sản chiến lược;
- Thông tin được định nghĩa và hiểu một cách nhất quán trên toàn hàng;
- Không còn tình trạng mơ hồ về đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan tới dữ liệu;
- Có các chính sách và cơ chế hoạt động quản trị suốt vòng đời dữ liệu;

- Có các biện pháp tăng cường chất lượng và tính an toàn của dữ liệu.

Phân tích kinh doanh (BI): cung cấp dịch vụ tới các cấp lãnh đạo và các đơn vị của VPBank nhằm:

- Đưa thông tin phù hợp đến đúng đối tượng và đúng thời điểm;
- Ra quyết định có tính toàn hàng nhanh hơn và chính xác hơn;
- Chuẩn hóa tất cả các sáng kiến BI trên toàn hàng;
- Tăng năng suất của người sử dụng thông tin thông qua cung cấp khả năng tự phục vụ;
- Cải thiện khả năng phối hợp giữa các khối kinh doanh & Khối CNTT.

Mặc dù mới đi vào hoạt động từ 2014 nhưng BICC đã có những tiến bộ đáng kể. Trung tâm đã xây dựng được tầm nhìn và lộ trình hoạt động trong 3 năm làm nền tảng cho hoạt động lâu dài. Trong vòng chưa đầy 4 tháng, BICC đã hoàn thiện đầy đủ bộ máy và đi vào hoạt động với 5 phòng ban và 32 nhân sự được đào tạo đầy đủ về các kỹ năng lập báo cáo. Nhằm đảm bảo kiểm soát chi phí, 60% tổng số nhân viên tại thời điểm đó đã được tuyển dụng trong nội bộ Ngân hàng.

Với đội ngũ nhân sự có năng lực, BICC đã xây dựng thành công một Khung quản trị dữ liệu, nhằm đưa VPBank trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam xây dựng và đưa vào hoạt động Khung quản trị dữ liệu toàn diện. Khung quản trị này đã được quốc tế công nhận và được đăng tải trên hai ấn phẩm tài chính quốc tế hàng đầu là IBS Intelligence và The Asian Banker cùng nhiều phương tiện truyền thông trong nước khác.

Các khía cạnh kỹ thuật của Khung quản trị dữ liệu này đã được chuyển thể thành một Kiến trúc quản lý dữ liệu toàn hàng (DWH/BI) và kế hoạch triển khai. Đồng thời, BICC đã xây dựng năng lực lập báo cáo nội bộ cho các Khối KHCN, SME và Vận hành cùng với các quy trình quản lý khách hàng và thực hiện báo cáo có hệ thống. Lần đầu tiên tại VPBank, các cán bộ quản lý cấp trung và cấp cao bắt đầu nhận được thông tin chi tiết về các lĩnh vực quan trọng như năng suất bán hàng, phiếu xử lý hồ sơ tín dụng, hiệu quả vận hành (ví dụ: thời gian phản hồi dịch vụ (TAT) đối với các khoản vay), tình hình tất toán các khoản vay, tính hiệu quả của chiến dịch, chất lượng sản phẩm, các chỉ số rủi ro, bán chéo cho khách hàng, khối lượng giao dịch, v.v. Ngoài ra, BICC hiện đang độc lập tính toán lương kinh doanh cho cán bộ bán hàng tại các khối KHCN và SME.

Mặc dù là một đơn vị trẻ, BICC đã có những đóng góp quan trọng cho thành công năm 2014 của VPBank. Theo kế hoạch, VPBank sẽ tiếp tục xây dựng BICC theo lộ trình 3 năm hướng tới những nghiệp vụ phân tích tiên tiến nhằm thực sự trở thành hệ thống hỗ trợ ra quyết định với đẳng cấp thế giới cho Ngân hàng.

Ngân hàng điện tử

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, các phương tiện điện tử đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thói quen tiêu dùng của khách hàng. Thống kê mới nhất của E&Y cho thấy khách hàng Việt Nam đang chuyển dịch sang sử dụng ATMs, Internet và điện thoại trong giao dịch ngân hàng nhiều hơn là tới các chi nhánh, phòng giao dịch truyền thống. Do vậy, để phục vụ tốt nhất và mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, VPBank coi Ngân hàng điện tử (E-banking, bao gồm VPBank online, VPBank SMS và VPBank mobile), là một phần rất quan trọng trong chiến lược phát triển của mình. Trong đó, năm 2014 được xác định là bước phát triển cả về lượng và chất đối với E-banking của VPBank.

Với những nỗ lực vượt bậc, VPBank đã có gần 200.000 lượt đăng ký mới E-banking trong năm 2014, nâng tổng số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ E-banking của VPBank lên trên 350.000 người, tăng 133% so với cuối năm 2013. Trong đó ấn tượng nhất là VPBank mobile với tốc độ tăng trưởng đạt 380% so với năm 2013 về số lượng người sử dụng.

Riêng trong năm 2014, số lượng giao dịch tài chính qua E-banking đạt mốc 1,3 triệu, tăng 242% so với năm 2013. Giá trị giao dịch tăng 300% và đạt gần 30.000 tỷ đồng. Đặc biệt, thanh toán trực tuyến tăng trưởng đột biến, đạt mốc 100 tỷ giá trị giao dịch cả năm, tăng 390% so với năm 2013. Nếu tính cả giao dịch qua kênh ATM, giao dịch trên E-banking chiếm trên 50% tổng giao dịch toàn hệ thống VPBank.

Bên cạnh đó, tính ổn định và bảo mật của E-banking luôn được VPBank đề cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, được thể hiện qua một loạt các dự án đầu tư nâng cấp năng lực xử lý hệ thống và an toàn giao dịch trực tuyến với những công nghệ hiện đại nhất thế giới.

Liên tục tìm tòi và phát triển, nhằm đưa ra những tiện ích mới tạo nên những trải nghiệm thú vị và hữu ích với khách hàng trên kênh điện tử là phương châm cốt lõi trong phát triển sản phẩm của VPBank. Cụ thể, VPBank là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam giới thiệu tính năng VPalo trên ứng dụng VPBank mobile dựa trên nền tảng OTT, cho phép khách hàng sử dụng mobile banking trò chuyện (chat), làm quen và tương tác với nhau như một cộng đồng mạng xã hội thực thụ. Chương trình Trắng đêm cùng World Cup của VPBank với sự kiện bóng đá lớn nhất thế giới năm 2014 đã tạo nên một tiếng vang lớn trên thị trường khi trở thành ngân hàng đầu tiên gắn các trò chơi cộng đồng với các giao dịch tài chính. Hệ thống VPBank Loyalty được VPBank phát triển trong năm 2014 để tạo ra một kênh gắn bó mật thiết giữa Ngân hàng và khách hàng giao dịch trực tuyến. Chỉ trong vòng 6 tháng, đã có trên 1 triệu lượt giao dịch được tính điểm, và chi với thao tác đơn giản qua các kênh VPBank online, VPBank mobile và Call Center, khách hàng có thể đổi điểm lấy quà một cách dễ dàng. Mạng xã hội được VPBank sử dụng như là một kênh quan trọng để tương tác với

khách hàng và truyền thông về E-banking trong năm 2014. Với các chương trình truyền thông độc đáo, trang Facebook của VPBank đã nhanh chóng cán đích trên 150.000 fan, trở thành fan-page đứng đầu trong hệ thống ngân hàng về tốc độ phát triển và cộng đồng người yêu thích.

Không chỉ phát triển cho khách hàng cá nhân, hệ thống E-banking dành cho khách hàng doanh nghiệp cũng được quan tâm và đầu tư xứng đáng. Tháng 5/2014, hệ thống này đã được nâng cấp nhằm nâng cao hiệu suất và mở rộng các tiện ích hiện đại, phục vụ tối đa các nhu cầu của thị trường. Nếu các khách hàng doanh nghiệp lớn của VPBank đánh giá rất cao tính năng Quản lý dòng tiền (S&P) phục vụ hệ thống công ty con và chi nhánh phức tạp thì khách hàng SME đều hài lòng với các sản phẩm thanh toán và chuyển tiền đa dạng, theo thời gian thực 24/7 và chi phí thấp như: thanh toán lương, thanh toán hóa đơn, nộp ngân sách nhà nước, chuyển khoản trong/ngoài nước, quản lý và thanh toán thẻ tín dụng doanh nghiệp. Nhờ đó, số lượng người dùng trong năm 2014 tăng 51,3%, giá trị giao dịch tăng 67% so với năm 2013.

Thành công của E-banking năm 2014 sẽ là bàn đạp để VPBank tiếp tục đạt được các mục tiêu tham vọng đến năm 2017. VPBank sẽ không ngừng nỗ lực để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trực tuyến thân thiện, chất lượng, mang tới sự hài lòng, thuận tiện cao nhất cho khách hàng.

Hoạt động truyền thông

Dựa trên 6 giá trị cốt lõi và thực tế hoạt động của VPBank, công tác truyền thông của Ngân hàng trong năm 2014 được triển khai theo hướng xây dựng hình ảnh VPBank là một tổ chức luôn nỗ lực mang lại cuộc sống thịnh vượng cả về tài chính và tinh thần cho CBNV, cho khách hàng và cho cộng đồng.

Truyền thông tới CBNV

Các kênh truyền thông nội bộ tại VPBank được quy hoạch đồng bộ, đa dạng và luôn bám sát các hoạt động trên toàn hệ thống, truyền tải các thông điệp gửi toàn hàng và tăng cường sự tương tác nội bộ, bao gồm:

- Các bản tin thường kỳ (Bản tin giấy Thịnh vượng; Bản tin điện tử VPBank Today gửi toàn hệ thống và các bản tin điện tử của các đơn vị khác);
- Poster nội bộ tại các đơn vị kinh doanh và khu văn phòng;
- Màn hình nền máy tính cá nhân của CBNV.

Năm 2014, chuỗi các sự kiện nội bộ do Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị (Marcom) triển khai đã tạo nên làn sóng trẻ trung và sôi động trên toàn hệ thống như: cuộc thi nghiệp vụ 'Trạng Nguyên VPBank'; cuộc thi 'Chinh phục đỉnh Fansipan' thể hiện sức mạnh thể lực, ý chí và tinh thần đồng đội; cuộc thi ảnh dành cho thiếu nhi nhân ngày 1/6; cuộc thi tài năng

văn nghệ 'Sing & Dance'; sự kiện kỷ niệm sinh nhật ngân hàng 'Fly! Night' và cuộc thi tìm kiếm gương mặt đại diện 'Miss&Mr VPBank'.

Bên cạnh đó, các đơn vị khác cũng chủ động tổ chức nhiều hoạt động nội bộ, thu hút sự hưởng ứng của đông đảo thành viên như cuộc thi chạy 'SME Run', chương trình giao lưu 'Lãnh đạo tạo đột phá', hoạt động đội nhóm 'Ngày hội Khối Vận hành', Ngày hội 'Daring spirit' của Khối Tài chính, chuỗi hội thảo của dự án Chuyển đổi mô hình bán hàng và dịch vụ (S&D Cắt cánh)...

Có thể nói, năm 2014 là một năm bùng nổ của hoạt động truyền thông nội bộ tại VPBank với sự đổi mới và bài bản trong phương thức tổ chức, với sự tham dự đông đảo của CBNV và sự quan tâm sâu sát của lãnh đạo các cấp, góp phần tạo sự gắn kết các thành viên VPBank với nơi mình công tác và khích lệ tinh thần làm việc của CBNV trong giai đoạn chuyển đổi bước ngoặt với nhiều thách thức của Ngân hàng.

Truyền thông tới khách hàng

Hệ thống biển hiệu mới đã được triển khai đồng loạt tại 80 chi nhánh tại Hà Nội và TPHCM với màu sắc và độ sáng ấn tượng cả ban ngày lẫn ban đêm, giúp thương hiệu VPBank nổi bật so với các đối thủ cạnh tranh, góp phần tăng cường sự nhận biết thương hiệu VPBank trong tâm trí khách hàng.

Trong năm 2014, VPBank đã tổ chức liên tiếp nhiều sự kiện, đáp ứng nhu cầu về thông tin kinh tế - tài chính cũng như nhu cầu thưởng thức nghệ thuật cho nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.

Trong đó, khách hàng doanh nghiệp được tham gia giải golf "VPBank Swing" do VPBank chủ trì và tham dự Hội thảo kinh tế quốc tế với chủ đề 'Kinh tế Thế giới và Việt Nam – Thực trạng 2014 & Triển vọng 2015' do VPBank phối hợp với VPBS, Bloomberg, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tổ chức.

Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ được tham dự các khóa Đào tạo kỹ năng quản trị doanh nghiệp, Đào tạo kỹ năng quản lý dòng tiền, Hội thảo chuyên ngành cho nông nghiệp & thủy hải sản, Hội thảo chính sách....

Khách hàng cá nhân được mời tham dự các buổi hội thảo chuyên đề, các buổi bán hàng dành riêng của những thương hiệu nổi tiếng, những chương trình chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp dành cho phụ nữ.

Đặc biệt phải kể đến hai đêm nhạc 'VPBank Private Concert' đầy cảm xúc với chủ đề 'Gọi Nắng' và 'Đêm của ước mơ' dành riêng cho khách hàng vào dịp cuối năm. Các đêm nhạc được tổ chức một cách chuyên nghiệp và tinh tế với sự tham gia của các giọng ca trong nước và hải ngoại hàng đầu như Tùng Dương, Trọng Tấn, Thu Phương... là một cái kết hoàn hảo cho một năm đầy ắp các sự kiện, mang tới cảm nhận về một VPBank luôn tận tụy và song hành với khách hàng trong cả đời sống vật chất lẫn tinh thần.

Truyền thông tới cộng đồng

Sử dụng âm nhạc làm công cụ kết nối với cộng đồng, VPBank đã có những thành công ấn tượng trong năm 2014 khi lựa chọn con đường còn khá mới mẻ với giới tài chính – ngân hàng, thể hiện thông qua những chương trình biểu diễn đỉnh cao với các nghệ sĩ ở đẳng cấp hàng đầu trong nước và thế giới.

Mở đầu cho chuỗi sự kiện âm nhạc trong năm 2014 là 2 đêm độc tấu ấn tượng của nghệ sĩ piano cổ điển nổi danh người Italia – Andrea Bonatta tại Hà Nội và TPHCM và tiếp đó là đêm nhạc sâu lắng “Tháng Sáu riêng Anh” với âm nhạc Phú Quang dành cho lãnh đạo các báo nhân ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam.

Sự kiện âm nhạc đỉnh đám nhất tại Việt Nam trong năm 2014 chính là đêm diễn của huyền thoại piano Richard Clayderman vào ngày 22/8 tại Hà Nội do VPBank tổ chức. Sự kiện “Richard Clayderman in Concert by VPBank” đã biến ước mơ của gần 4.000 người hâm mộ danh cầm người Pháp trở thành hiện thực và là tâm điểm của giới truyền thông và dư luận trong một thời gian dài.

Chuỗi sự kiện hoạt náo (activation) mang tên ‘Cây thịnh vượng VPBank’ với chủ đề ‘Ngọn hải đăng tỏa sáng’, được tổ

chức tại các địa điểm đẹp ở Hà Nội và TP. HCM trong dịp Tết dương lịch 2014 với phối cảnh dàn dựng bắt mắt, ứng dụng công nghệ cao và sự góp mặt của các nghệ sĩ đỉnh đám đã thu hút sự chú ý và tham gia của hàng trăm ngàn lượt người.

Truyền thông tới cộng đồng mạng

Định vị là một ngân hàng bán lẻ, VPBank đang dành sự quan tâm lớn tới lớp người dùng trẻ và năng động thông qua các hoạt động sôi nổi trên internet và mạng xã hội.

Các sự kiện lớn như ‘Richard Clayderman in Concert by VPBank’ hay ‘Cây thịnh vượng’ đều có các chiến dịch truyền thông song hành trên mạng xã hội, được tổ chức sáng tạo, lôi cuốn người hâm mộ quan tâm, bình luận và chia sẻ một cách hào hứng.

Trang fanpage trên Facebook của VPBank năm qua đã có sự tăng trưởng nhanh về số lượng tương tác hữu cơ và đạt vị trí số 1 trong số các ngân hàng tại Việt Nam trong năm 2014.

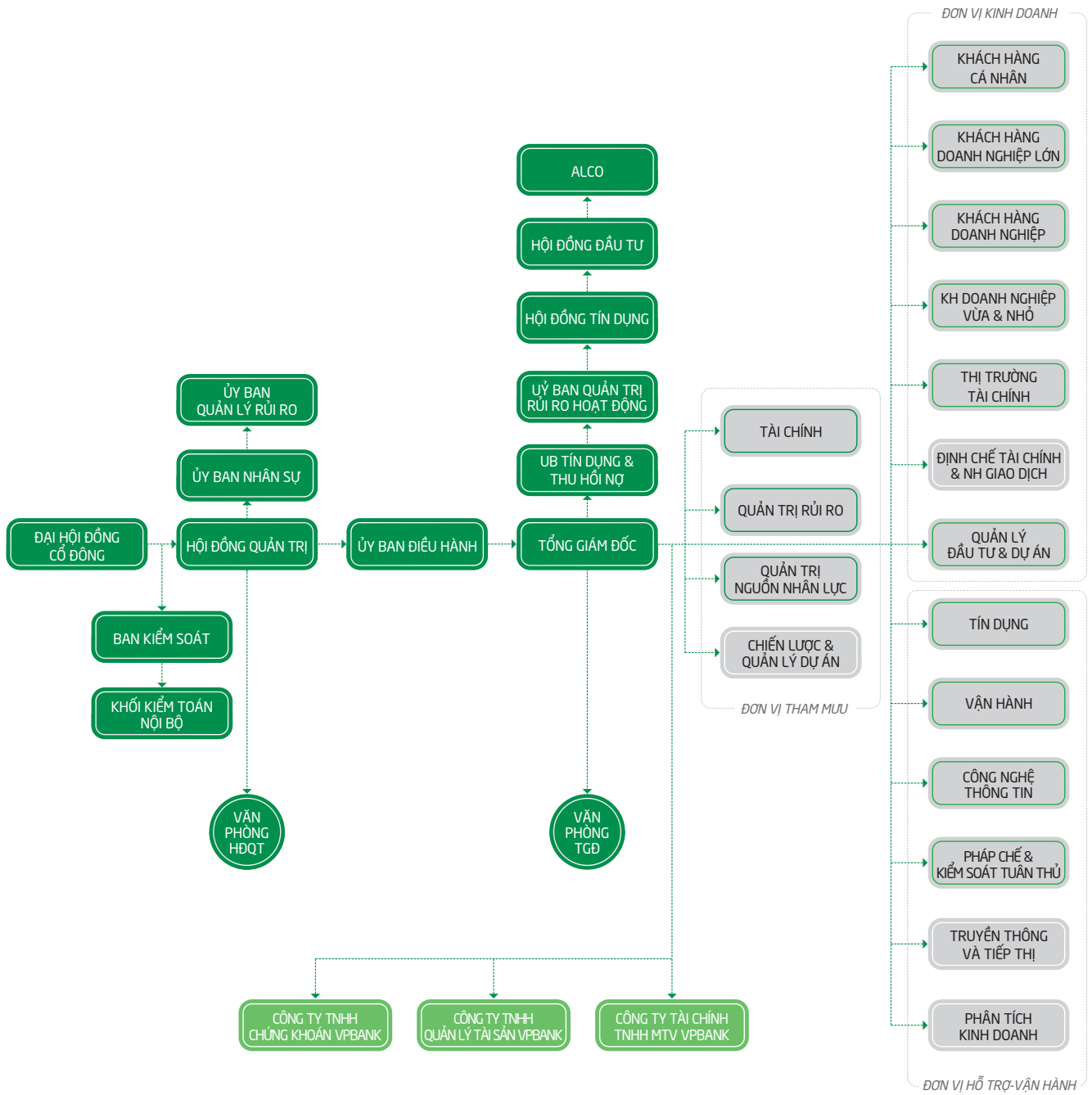
Có thể nói, VPBank là một trong những ngân hàng TMCP đang có sự đầu tư, quan tâm đáng kể đối với kênh truyền thông trực tuyến, bám sát những diễn biến về xu hướng hành vi của khách hàng hiện nay, qua đó tạo tiền đề cho việc tiếp cận và khai thác hiệu quả lượng khách hàng tiềm năng này.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Khối
 Trung tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT



1. Ông Ngô Chí Dũng

Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Đại học Thâm dò địa chất Matxcova năm 1992, năm 2002 ông Ngô Chí Dũng bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ Kinh tế của Viện Nghiên cứu Chiến lược Chính trị Kinh tế thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga. Từ năm 1996 đến 2004, ông là cố đồng sáng lập và được bầu làm thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB). Từ năm 2005 đến 2010, ông Ngô Chí Dũng giữ cương vị Chủ tịch HĐQT của Tập đoàn KBG (Liên bang Nga), Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Ông tham gia HĐQT VPBank từ tháng 4/2010 và được bầu làm Chủ tịch HĐQT VPBank cho đến nay. Bên cạnh đó, ông còn là Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Tín dụng cấp cao, Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro và là thành viên biểu quyết của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank.



2. Ông Bùi Hải Quân

Phó Chủ tịch HĐQT

Sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev (Ucraina) chuyên ngành Kinh tế, ông Bùi Hải Quân là Thực tập sinh, Cộng tác viên khoa học của trường từ năm 1991 đến năm 1993. Ông hiện nay là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải, thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Hải. Từ tháng 4/2006, ông tham gia HĐQT VPBank và được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 12/2008. Ngoài ra, hiện nay ông cũng là thành viên của Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Phó Chủ tịch Hội đồng Tín dụng cấp cao, Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty Chứng khoán VPBank.



3. Ông Lô Bằng Giang

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Lô Bằng Giang tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế của trường Đại học Tổng hợp Hàng không Quốc gia Kiev (Ucraina) năm 2002. Sau đó, ông hoàn thành học vị Cử nhân Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế - Thống kê và Thông tin Matxcova (MESI) (Liên bang Nga) vào năm 2010. Ông Lô Bằng Giang đã từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng BKS của Ngân hàng Delta Bank (Ucraina) và tham gia làm thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản Hùng Vương từ năm 2008 đến nay. Ông Lô Bằng Giang là Phó Chủ tịch HĐQT VPBank từ tháng 3/2010 đến nay. Bên cạnh đó, ông Giang cũng tham gia Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Ủy Ban Quản lý Rủi ro, Hội đồng Thành viên Công ty Chứng khoán VPBank và là Phó Chủ tịch Hội đồng Tín dụng cấp cao của VPBank.



4. Ông Ngô Phương Chí

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Ngô Phương Chí từng giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt từ tháng 8/2006 đến 8/2010. Sau đó, ông đảm nhận chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Việt Thành từ tháng 11/2010 đến 12/2011.

Ông cũng từng kinh qua các chức vụ như: Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Vinafins từ tháng 12/2011 đến 2/2012; Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC (thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước-SCIC) từ tháng 1/2013 đến 3/2014. Hiện ông giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán IB và Thành viên độc lập HĐQT VPBank.



5. Ông Lương Phan Sơn

Thành viên HĐQT

Ông Lương Phan Sơn tốt nghiệp cử nhân Cơ khí của trường Đại học Bách Khoa Lvov (Liên Xô cũ). Từ năm 1988 đến năm 1993, ông công tác tại Công ty Bechka, thành phố Lvov. Sau đó, ông về Việt Nam và đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Tân Hoàng Minh từ năm 1994 đến năm 1997. Từ năm 1998 đến nay, ông là Phó Giám đốc kiêm Trưởng đại diện Công ty INVESTLINK tại Liên bang Nga. Ông Lương Phan Sơn là thành viên HĐQT của VPBank từ tháng 4/2012 đến tháng 10/2012 và từ tháng 4/2013 đến nay.



6. Ông Nguyễn Đức Vinh

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Pháp, Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT



7. Bà Nguyễn Quỳnh Anh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Quỳnh Anh tốt nghiệp Đại học Sư phạm Tổng hợp Lê-nin, Matxcova năm 1994 với hai chuyên ngành tiếng Nga và Văn học. Bà là Thạc sỹ Khoa học Giáo dục và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Trường Quản lý Cao cấp Liên bang Nga. Bà từng là Phó Tổng Biên tập Báo “Nhân Hòa” - tờ báo của Ủy ban Báo chí Nga - từ năm 1995 đến 2003. Sau đó, bà đảm nhiệm vị trí Kế toán, Trưởng phòng Cung ứng vật tư, Giám đốc Tài chính của Tập đoàn BeePack (Liên bang Nga) từ năm 2003 đến 2008. Bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Liên Minh từ năm 2009 đến tháng 2/2010, là thành viên BKS Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) từ năm 2008 đến tháng 3/2010 và Công ty Chứng khoán Euro Capital từ năm 2009 đến tháng 6/2010. Bà được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát đồng thời cũng là thành viên chuyên trách của Ngân hàng VPBank từ tháng 3/2010 đến nay. Tại Công ty Chứng khoán VPBank, bà là Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 9/2011.

8. Bà Trịnh Thị Thanh Hằng

Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ Thông tin trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội và Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân, bà Trịnh Thị Thanh Hằng từng giảng dạy tại trường THPT Hồng Bàng - Hà Nội từ năm 1998 đến 1999. Sau đó, bà công tác tại Ngân hàng TMCP Quân Đội. Bà giữ chức vụ Chuyên viên Công nghệ Thông tin từ năm 1999 đến 2008 và Chuyên viên Tài chính từ năm 2008 đến tháng 3/2010. Bà được bầu làm Thành viên Chuyên trách BKS từ tháng 3/2010 đến nay và cũng được phân công làm Kiểm soát viên của Công ty TNHH Quản lý Tài sản AMC từ tháng 11/2010.



9. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy tốt nghiệp Cử nhân Kế toán trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 1994 và hoàn thành khóa học Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại trường Đại học Paris Dauphine & ESCP (Pháp). Bà từng là Phó Phòng Nguồn vốn tổng hợp Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Habubank. Từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2013, bà Nguyễn Thị Bích Thủy là Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư. Tháng 4/2014, Đại hội đồng Cổ đông VPBank đã nhất trí bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Bích Thủy làm Thành viên Chuyên trách Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2015.

10. Bà Nguyễn Thị Mai Trinh

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mai Trinh tốt nghiệp Cử nhân khoa Kinh tế trường Đại học Tổng hợp Địa chất Matxcova, Cử nhân Luật Sở hữu Trí tuệ trường Đại học Luật Sở hữu Trí tuệ Liên bang Nga và là Tiến sỹ Khoa học Kinh tế của Học viện Thâm dò Địa chất Quốc gia Matxcova (Liên bang Nga). Bà từng trải qua nhiều vị trí công tác ở Matxcova như Kế toán tại Công ty Dominanta Service từ năm 1995 đến tháng 9/1998 và tại Công ty King Lion từ tháng 10/1998 đến tháng 12/2002, Giám đốc Tài chính Công ty Beepack từ tháng 8/2004 đến tháng 10/2008, Chuyên viên kế toán tài chính tại Matxcova của Công ty Interlogo Business Corp - BVI chuyên về đầu tư tài chính quốc tế - từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2011. Bà giữ chức vụ Giám đốc Tài chính Tập đoàn KBG từ tháng 10/2008 đến tháng 12/2011. Từ tháng 3/2012, bà Nguyễn Thị Mai Trinh là thành viên BKS tại VPBank.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



1. Ông Nguyễn Đức Vinh

Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Pháp, Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank.

2. Bà Lưu Thị Thảo

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tài chính

Bà Lưu Thị Thảo tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Học viện Ngân hàng và là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (The ACCA UK) từ năm 2002. Bà từng làm việc tại Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, Công ty TNHH KPMG Việt Nam trước khi đảm nhiệm các vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuần thủ chi nhánh ngân hàng ABN AMRO Việt Nam, Giám đốc Tài chính Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam. Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính của VPBank từ tháng 8/2011.

3. Ông Nguyễn Thanh Bình

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tín dụng

Ông Nguyễn Thanh Bình tham gia công tác trong Quân đội Nhân dân Việt Nam từ năm 1985 đến 1988 trước khi lấy bằng Cử nhân Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và hoàn thành khóa đào tạo sau đại học về Chính sách Công thuộc chương trình Fulbright Việt Nam. Gia nhập VPBank từ năm 1994, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại Phòng Tín dụng Hội sở, Phòng Nghiên cứu và Phát triển, Phòng Tổng hợp và Quản lý Chi nhánh... trước khi được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc VPBank năm 2002. Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng VPBank.

4. Ông Vũ Minh Trường

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Thị trường Tài chính

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Đại học West Berlin (Đức), ông Vũ Minh Trường từng là Trưởng phòng Ngân hàng Doanh nghiệp tại Ngân hàng HSBC, Giám đốc Kinh doanh Tiền tệ, Ngoại hối, Thị trường toàn cầu Việt Nam tại Ngân hàng Standard Chartered Bank Việt Nam, Giám đốc Thị trường toàn cầu Việt Nam và Giám đốc Thế chế khu vực Greater Mekong Ngân hàng ANZ Việt Nam. Từ tháng 7/2011 đến hết năm 2013, ông Vũ Minh Trường giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn. Từ tháng 1/2014, ông là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Thị trường Tài chính của VPBank.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



5. Ông Phan Ngọc Hòa

Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Văn phòng đại diện miền Nam kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Tài chính trường Đại học Kinh tế TP. HCM năm 1994, ông Phan Ngọc Hòa gia nhập VPBank. Ông từng đảm nhiệm các cương vị quản lý cấp cao tại VPBank Chi nhánh TP. HCM và VPBank Chi nhánh Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc VPBank, Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối. Hiện nay, ông đang giữ chức Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Văn phòng đại diện miền Nam kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp VPBank.

6. Ông Nguyễn Thành Long

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ

Ông Nguyễn Thành Long sở hữu bằng Thạc sĩ Luật học của Đại học Luật Hà Nội. Ông có 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó có 7 năm giữ cương vị Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế. Từ năm 2007, ông Nguyễn Thành Long chuyển sang làm việc trong khối các ngân hàng thương mại cổ phần. Ông từng giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng pháp chế và tuân thủ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Tháng 7/2014, ông Nguyễn Thành Long gia nhập VPBank và được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ.



7. Ông Fung Kai Jin

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại Học viện Royal Melbourne Institute of Technology và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Curtin (Australia), ông Fung Kai Jin có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong lĩnh vực ngân hàng tại Châu Á. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Thương mại trong 6 năm tại Ngân hàng Alliance (Malaysia). Trước đó, ông Fung Kai Jin đã trải qua những vị trí quản lý cao cấp khác như Giám đốc Thanh toán Quốc tế, Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp và Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ tại Ngân hàng Standard Chartered ở Malaysia. Ông gia nhập VPBank từ tháng 04/2013 với cương vị là Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ. Tháng 10/2014, ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ.



8. Bà Dương Thị Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Quản lý Đầu tư và Dự án

Bà Dương Thị Thu Thủy tốt nghiệp Cử nhân trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân tiếng Anh trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội và Thạc sĩ Điều hành cao cấp trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Từ năm 2002, bà gia nhập VPBank và trải qua nhiều cương vị lãnh đạo như: Trưởng phòng Phục vụ Khách hàng Doanh nghiệp Hội sở, Giám đốc VPBank Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở Giao dịch, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối (S&D*). Kể từ tháng 5/2014 đến nay, Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý Đầu tư và Dự án.



9. Bà Phùng Thị Thu Hương

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Lớn

Bà Phùng Thị Thu Hương tốt nghiệp Đại học Ngoại thương Hà Nội và có bằng Thạc sỹ Kinh tế Tài chính Ngân hàng của Đại học Paris Dauphine & ESCP (Pháp). Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở các cương vị lãnh đạo cấp cao như Giám đốc Vận hành tại Ngân hàng Chinfon (Đài Loan), Giám đốc Quan hệ Khách hàng tại Ngân hàng Standard Chartered Bank chi nhánh Hà Nội, Giám đốc Tư vấn Tài chính tại Công ty Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam, Giám đốc Khối Thị trường Tài chính tại Ngân hàng ANZ Việt Nam. Bà gia nhập VPBank từ tháng 7/2011 và giữ cương vị Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Lớn từ tháng 1/2014.

10. Ông Kalidas Ghose

Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân, Giám đốc Khối Tín dụng Tiêu dùng, Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Quyền Tổng Giám đốc Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

Ông Kalidas Ghose tốt nghiệp Đại học Jadavpur (Ấn Độ) và có chứng chỉ sau đại học ngành Quản trị Kinh doanh, trường Kinh doanh và Nguồn Nhân lực XLRI (Ấn Độ). Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc CitiFinancial Ấn Độ, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc CitiFinancial Corp (Philippines), Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tài chính Prudential Việt Nam, Tổng Giám đốc phụ trách Ngân hàng Bán lẻ và Quản lý Đầu tư Cá nhân khu vực Mekong của Ngân hàng ANZ Việt Nam. Ông gia nhập VPBank từ tháng 3/2011 và hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân, Giám đốc Khối Tín dụng Tiêu dùng, Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Quyền Tổng Giám đốc Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.



11. Ông Rajeev De Roy

Giám đốc Khối Vận hành

Ông Rajeev De Roy tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế học tại Trường Đại học Delhi, Ấn Độ năm 1977. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng. Ông từng giữ các vị trí chủ chốt tại Ngân hàng Thương mại Qatar, Ngân hàng American Express (Ấn Độ), Mashreqbank (Dubai) và Ngân hàng Nhà nước Ấn Độ. Gần đây nhất, ông giữ vị trí Giám đốc Vận hành (COO) của Ngân hàng Techcombank. Từ tháng 11/2014 đến nay, Ông đảm nhiệm cương vị Giám đốc Khối Vận hành VPBank.

12. Ông Dmytro Kolechko

Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Ông Dmytro Kolechko sở hữu bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc gia Kiev, Ukraine. Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó ông đã giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao trong hơn 10 năm như: Giám đốc Quản trị Rủi ro của Ngân hàng Raiffeisenbank Ukraine, Giám đốc Quản trị Rủi ro của Ngân hàng Alfabank Ukraine, Phó Giám đốc Quản trị Rủi ro của ngân hàng Raiffesen bank Aval ... Trước khi gia nhập VPBank, ông là Giám đốc Quản trị Rủi ro toàn quốc của ngân hàng Hypo-Alpe-Adria tại Bosnia Herzegovina. Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro tại VPBank kể từ tháng 1/2015.



THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



13. Bà Huỳnh Thị Ngọc Trúc

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực

Bà Huỳnh Thị Ngọc Trúc tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Nhân lực tại Học viện Công nghệ Châu Á. Bà từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự tại các công ty đa quốc gia lớn. Trước khi gia nhập VPBank, bà làm việc tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) với cương vị Giám đốc Nhân sự và Giám đốc Quản lý Dự án Chiến lược. Bà giữ chức danh Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực của VPBank từ tháng 9/2014.

14. Ông Võ Tấn Long

Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin

Ông Võ Tấn Long tốt nghiệp chuyên ngành Vật liệu và Thiết bị vi điện tử tại trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật điện St. Petersburg (Liên bang Nga) với bằng Kỹ sư điện tử (năm 1992) và bằng Tiến sĩ Toán - Vật lý (năm 1995). Với 16 năm kinh nghiệm làm việc tại các vị trí khác nhau như Hỗ trợ kỹ thuật, Quản lý Dự án, cung cấp giải pháp công nghệ thông tin, Quản lý Kinh doanh và Tổng Giám đốc IBM Việt Nam, ông Võ Tấn Long gia nhập VPBank từ tháng 4/2013 ở vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin.



15. Ông Lê Hoàng Lân

Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án

Ông Lê Hoàng Lân tốt nghiệp Học viện Ngân hàng năm 1994. Ông có gần 10 năm làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý chương trình, dự án ODA và hợp tác quốc tế. Trong thời gian làm việc tại Ngân hàng Nhà nước, ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Chính sách Công tại Học viện Nghiên cứu Chính sách Công Nhật Bản (GRIPS). Từ năm 2004, ông là chuyên gia tư vấn cho Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) trong lĩnh vực đào tạo chính sách công. Ông gia nhập VPBank từ tháng 11/2010 và hiện giữ chức danh Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án.



16. Ông Trần Tuấn Việt

Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Ngoại thương Hà Nội và Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, ông Trần Tuấn Việt có 19 năm kinh nghiệm về thương mại, marketing, truyền thông và quảng cáo. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Giám đốc Thương mại Bán lẻ tại các tập đoàn đa ngành như Tập đoàn FPT, Tập đoàn Ocean; Giám đốc Điều hành và Giám đốc Vận hành của các công ty truyền thông như FPT Media, Santa Vietnam và Ancom Communication. Ông Trần Tuấn Việt gia nhập VPBank vào tháng 7/2013 và hiện đảm nhiệm vị trí Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị.

17. Ông Vivek Bhanot

Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh

Ông Vivek Bhanot có bằng Cử nhân Kỹ sư dân dụng của Học viện Kỹ thuật và Công nghệ Thapar (nay là Đại học Thapar), Ấn Độ và bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Hồng Kông. Ông từng là Kỹ sư thiết kế cấu trúc tại Công ty Punj Lloyd Limited (Ấn Độ) trong 3 năm. Từ năm 2009, ông Vivek Bhanot làm việc trong ngành ngân hàng tại Việt Nam ở nhiều cương vị, hỗ trợ ra quyết định chuyên sâu cho các lãnh đạo cấp cao và các đơn vị kinh doanh. Sau 3,5 năm làm việc ở Techcombank, ông Vivek Bhanot gia nhập VPBank từ tháng 01/2013 và hiện là Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh.

18. Bà Võ Hàng Phương

Giám đốc Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch

Bà Võ Hàng Phương tốt nghiệp Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại thương Hà Nội và Thạc sỹ Kinh tế của Đại học Bang New York (Mỹ) theo chương trình Fulbright. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng ở các vị trí lãnh đạo cấp cao tại các bộ phận Định chế tài chính, Kinh doanh ngoại tệ, Tín dụng doanh nghiệp, Phê duyệt tín dụng và Quản trị rủi ro tại các ngân hàng nội địa và nước ngoài như Vietcombank, Standard Chartered Bank, Ngân hàng HSBC, ANZ... Bà gia nhập VPBank từ tháng 6/2014 và hiện giữ cương vị Giám đốc Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Thông tin về Cổ đông và Đại hội đồng Cổ đông

1. Cơ cấu cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank. ĐHCĐ đưa ra ý kiến và quyết định tại các cuộc họp ĐHCĐ thường niên, bất thường và bằng cách biểu quyết bằng văn bản. Tại các cuộc họp ĐHCĐ thường tổ chức ít nhất 1 lần/năm, Cổ đông VPBank sẽ trực tiếp trao đổi, thảo luận các vấn đề quan trọng với các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành để đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động của Ngân hàng và định hướng hoạt động cho năm tài chính tiếp theo.

Tại thời điểm 31/12/2014, Ngân hàng có 3.572 cổ đông, trong đó 98% là cổ đông cá nhân, nắm 46% số cổ phần của Ngân hàng.

Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ Ngân hàng, Bản điều lệ này được đưa trên website của Ngân hàng để tất cả các cổ đông và nhà đầu tư có thể tra cứu. Ngân hàng cũng sử dụng website như một phương tiện cung cấp thông tin chính thống, đầy đủ và cập nhật nhất về kết quả kinh doanh của Ngân hàng cũng như các thông tin bất thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các hoạt động liên quan đến quan hệ cổ đông và công bố thông tin cho cổ đông được thực hiện bởi Văn phòng HĐQT. Các ý kiến đóng góp của cổ đông được Văn phòng HĐQT tiếp nhận và xử lý hoặc chuyển cho người có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định. Ngoài ra, từ nhiều năm nay, Ngân hàng cũng đã thuê Công ty chứng khoán VPBank (VPBS) thực hiện dịch vụ quản lý cổ đông cho Ngân hàng. Theo đó, các dịch vụ cung cấp thông tin, xác nhận số cổ phần của từng cổ đông, các dịch vụ xác nhận chuyển nhượng cổ phần.. được thực hiện qua VPBS.

Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHCĐ đã được thực hiện đầy đủ theo quy định chi tiết tại Điều lệ Ngân hàng. Ngoài ra, tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên, Ngân hàng cũng lập các Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế biểu quyết các nghị quyết tại Đại hội và Quy chế bầu cử các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) (trong trường hợp có các thủ tục bầu cử bổ sung/thay thế các thành viên) để các cổ đông thông qua làm căn cứ áp dụng tại cuộc họp. Các quy chế này đều được gửi kèm với tài liệu họp và công bố trên website của Ngân hàng tối thiểu 07 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp để các cổ đông có thời gian nghiên cứu và đóng góp ý kiến.

Theo thông lệ tại các cuộc họp và theo quy định của pháp luật về các nội dung cần phải được báo cáo/thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên, theo đó, các báo cáo đánh giá hoạt động của Ban Điều hành và hoạt động của HĐQT, các ủy ban trực thuộc, các báo cáo của Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động của Ngân hàng, các đề xuất về phương án phân phối lợi nhuận, phương án tăng vốn, các kế hoạch hoạt động hàng năm của Ngân hàng đều được trình bày, thảo luận trước khi ĐHCĐ tiến hành biểu quyết.

Ngân hàng đã áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể giám sát tốt nhất các kết quả kiểm tra tư cách đại biểu và kết quả biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp cũng như rút ngắn thời gian thực hiện các công việc này.

Năm 2014, cuộc họp ĐHCĐ thường niên đã được tổ chức vào ngày 21/04/2014, sau khi tổ chức kiểm toán độc lập hoàn thiện việc kiểm toán báo cáo tài chính và Ngân hàng hoàn thiện các thủ tục bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

Ngoài việc định kỳ hàng năm tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên, các cuộc họp ĐHCĐ bất thường và việc biểu quyết thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh của Ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Các tài liệu trước khi tổ chức họp/xin ý kiến bằng văn bản được đăng tải trên website của Ngân hàng.

Các cổ đông không nhận được thư mời/thư xin ý kiến vẫn có thể tra cứu và in các tài liệu để biểu quyết. Thời gian để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thường từ 10-30 ngày, phù hợp với nội dung công việc và đủ để cổ đông có thể nghiên cứu và gửi lại ý kiến của mình. Việc kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện dưới sự chứng kiến của thành viên BKS và Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Ngân hàng trong vòng 24 giờ sau khi lập.

Trong năm 2014, VPBank đã tổ chức 01 cuộc họp ĐHCĐ bất thường để miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên độc lập của HĐQT. Trước cuộc họp bất thường, VPBank cũng đã tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 01 lần để xin ý kiến về việc bầu thay thế thành viên HĐQT và các thủ tục đề cử, ứng cử trước khi thực hiện các việc miễn nhiệm và bầu chính thức thành viên trong cuộc họp.

II. Hội đồng Quản trị

1. Cơ cấu của HĐQT

Cơ cấu của HĐQT năm 2014 vẫn giữ nguyên như năm 2013 với 06 thành viên, trong đó bao gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 01 thành viên độc lập, 01 thành viên điều hành và 01 thành viên thông thường. Tuy nhiên, năm 2014 ĐHĐCĐ đã bầu thay thế 01 thành viên độc lập HĐQT.

Các thành viên HĐQT VPBank bao gồm:

- Ông Ngô Chí Dũng: Chủ tịch HĐQT.
- Ông Bùi Hải Quân: Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Lô Bằng Giang: Phó Chủ tịch HĐQT.
- Ông Lương Phan Sơn: Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Đức Vinh: Thành viên HĐQT (kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng).
- Ông Ngô Phương Chí: Thành viên độc lập HĐQT (từ ngày 31/10/2014 – được bầu thay thế cho ông Phùng Khắc Kế đã miễn nhiệm chức danh thành viên độc lập HĐQT theo nguyện vọng cá nhân cùng thời điểm).

Nhiệm kỳ của HĐQT VPBank là 05 năm, các thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Nhiệm kỳ hiện tại của HĐQT VPBank bắt đầu từ năm 2010 và sẽ kết thúc vào năm 2015.

Các thành viên HĐQT VPBank đáp ứng đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và VPBank. Các thành viên HĐQT hiện tại là những người có thể mạnh về kinh nghiệm quản lý điều hành các lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực ngân hàng, hiểu biết sâu sắc về các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

Số lượng thành viên và cơ cấu HĐQT như hiện nay đáp ứng đủ theo yêu cầu của pháp luật và phù hợp với quy mô của Ngân hàng. Dự kiến số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT nhiệm kỳ tới sẽ không thay đổi, các cổ đông của Ngân hàng tiến hành đề cử, ứng cử ứng viên để tiến hành bầu lại nhiệm kỳ mới vào cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

2. Các hoạt động của HĐQT năm 2014

Năm 2014, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ vào 04 quý. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, HĐQT cũng đã thực hiện việc cho ý kiến bằng văn bản để đáp ứng kịp thời các yêu cầu vận hành và phát triển của Ngân hàng. HĐQT đã thảo luận và thông qua các nghị quyết chính sau:

- Các Nghị quyết về việc bổ nhiệm, cơ cấu nhân sự trong các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc;
- Phê duyệt các nội dung trình ĐHĐCĐ tháng 4/2014; thông qua/phê duyệt báo cáo thường niên 2013;
- Định hướng kế hoạch kinh doanh hàng quý; rà soát và điều chỉnh các chiến lược bộ phận về kinh doanh và vận hành;
- Kế hoạch cơ cấu lại hệ thống mạng lưới, kế hoạch mở rộng mạng lưới năm 2014; Thông qua chiến lược triển khai các mảng kinh doanh mới của Ngân hàng;
- Phê duyệt các đề xuất vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc và các Hội đồng, ủy ban như: Hội đồng Tín dụng, Ủy ban Điều hành, Hội đồng Đầu tư...;
- Ban hành (điều chỉnh) các quy chế, chính sách về kế toán, tín dụng, xử lý nợ có vấn đề, xử lý rủi ro tín dụng, sử dụng và quản lý thẻ, quy chế công vụ, nguyên tắc ra quyết định, quy định về mua sắm, quản lý khủng hoảng, quản lý kinh doanh liên tục, ủy thác và nhận ủy thác cho vay...;
- Ban hành (điều chỉnh) quy chế tổ chức hoạt động của các Khối (CNTT, Thị trường Tài chính, Tín dụng...); Hội đồng Xử lý Rủi ro;
- Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo chuyên đề;
- Rà soát lại chiến lược 5 năm của Ngân hàng, thảo luận thực trạng triển khai và điều chỉnh các kế hoạch ngắn hạn cho phù hợp;
- Thảo luận và thông qua các định hướng về tăng trưởng vốn của Ngân hàng đáp ứng các yêu cầu kinh doanh; các kế hoạch phát hành trái phiếu dài hạn...;

- Thảo luận và thông qua các kế hoạch tăng trưởng tín dụng phù hợp với tình hình kinh doanh và định hướng chiến lược, trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt các tỷ lệ tăng trưởng cụ thể trong mỗi thời kỳ;
- Thảo luận và thông qua các định hướng và kế hoạch bán nợ xấu của Ngân hàng cho VAMC và các định hướng triển khai thu hồi nợ xấu;
- Thảo luận và thông qua các văn bản ban hành mới, sửa đổi bổ sung các quy định, chính sách liên quan đến mua sắm tập trung, quản lý mạng lưới, cơ chế phán quyết nhân sự, cơ cấu tổ chức và hoạt động của một số khối, trung tâm của Ngân hàng.

III. Hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc

1. Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT và BKS; tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT, BKS, người điều hành của VPBank; tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc; xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm chi cho nhân viên trình HĐQT phê duyệt; tư vấn cho HĐQT và quyết định theo thẩm quyền đối với các nhân sự cấp cao của Ngân hàng, các quyết định về chính sách, chế độ đối với nhân sự, các dự án về đào tạo, chiến lược nhân sự, các quy trình đánh giá nhân sự, tuyển dụng...; quyết định các vấn đề liên quan đến các kế hoạch phân chia cổ phiếu dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng. Ủy ban Nhân sự họp định kỳ hàng tháng.

Thành phần của Ủy ban Nhân sự bao gồm:

1	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch	Thành viên
3	Ông Lò Bằng Giang	Phó Chủ tịch	Thành viên

Trong năm 2014, Ủy ban Nhân sự đã tổ chức 08 cuộc họp và thông qua các nghị quyết cơ bản sau:

- Phê duyệt kế hoạch hành động năm 2014 của Khối Quản trị Nguồn nhân lực (QTNNL);
- Phê duyệt kế hoạch đào tạo năm 2014 của các khối dựa trên Khung năng lực cốt lõi và khung năng lực chuyên môn nghiệp vụ;
- Rà soát và phê duyệt về mặt nguyên tắc định biên và chi phí nhân sự toàn hàng năm 2014 để khối QTNNL và Tổng Giám đốc trình HĐQT ban hành chính thức;
- Rà soát và phê duyệt về mặt nguyên tắc Quyền phán quyết nhân sự để các đơn vị chuyên môn hoàn thiện và trình HĐQT;
- Phê duyệt Điều chỉnh cơ cấu thu nhập và hệ thống đãi lương hiện tại đối với nhóm Hỗ trợ kinh doanh;
- Rà soát, tư vấn cho HĐQT việc thành lập, điều chỉnh mô hình tổ chức của Khối QTNNL, Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ; Trung tâm Thu hồi nợ thuộc Khối Quản trị Rủi ro, Khối Vận hành, Khối Tín dụng;
- Tư vấn, đóng góp, chỉnh sửa nội dung Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Tín dụng, Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ;
- Phê duyệt, tuyển dụng/ bổ nhiệm... trên 700 cán bộ quản lý từ cấp Trưởng/phó phòng trở lên;
- Thảo luận và thông qua về nguyên tắc phân bổ định biên và chi phí nhân sự năm 2015 cho các khối và toàn Ngân hàng;
- Thực hiện đánh giá toàn diện với các lãnh đạo cấp cao của ngân hàng.

2. Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ủy ban Quản lý Rủi ro có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng. Ủy ban Quản lý Rủi ro cũng có nhiệm vụ phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VPBank trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro và đề xuất những biện pháp phòng ngừa; phân tích quyết định mức độ rủi ro chung của Ngân hàng, thiết lập khẩu vị rủi ro và mức chịu đựng rủi ro của các mảng nghiệp vụ cũng như tổng thể hoạt động của Ngân hàng, đồng thời giám sát việc thực thi chính sách này trong Ngân hàng. Ủy ban Quản lý Rủi ro chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Ngân hàng để phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro của các cơ quan quản lý; phổ biến kiến thức và văn hóa quản lý rủi ro trong toàn bộ hệ thống ngân hàng... Ủy ban Quản lý Rủi ro tổ chức họp định kỳ 1- 2 lần/quý hoặc khi có vấn đề phát sinh thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Ủy ban cần phải xem xét.

Thành phần của Ủy ban Quản lý Rủi ro bao gồm:

1	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Ông Ngô Phương Chí	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên
5	Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc	Thành viên
6	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	Thành viên
7	Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên
8	Ông Đào Gia Hưng	Phó Giám đốc khối QTRR	Thành viên

Trong năm, Ủy ban Quản lý Rủi ro đã tổ chức 05 cuộc họp và thông qua các nghị quyết cơ bản sau:

- Xem xét, đánh giá thực trạng hệ thống rủi ro của VPBank, tình hình triển khai các chính sách quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro của ngân hàng;
- Thống nhất cơ cấu quản trị rủi ro và nguồn nhân lực của Khối QTRR, xác định rõ chức năng nhiệm vụ của Khối QTRR và thành lập các ủy ban quản lý rủi ro chuyên trách như Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động, Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ;
- Phê chuẩn Chiến lược Quản lý Rủi ro của Ngân hàng theo chuẩn mực Basel 2, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch phát triển tổng thể và lộ trình triển khai Basel 2 của Ngân hàng dựa trên các đề xuất của công ty tư vấn;
- Giám sát và phê chuẩn các quy định, phương pháp quản lý rủi ro đối với các sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng;
- Phê duyệt các sáng kiến quan trọng tăng cường hiệu quả quản lý rủi ro, bao gồm hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng, hệ thống xếp hạng tín dụng, các biện pháp kiểm soát rủi ro hoạt động theo chuẩn mực quốc tế, hệ thống phòng chống gian lận trong hoạt động ngân hàng;
- Thảo luận và thông qua các nội dung liên quan đến chính sách tín dụng, chính sách khách hàng doanh nghiệp; các giải pháp quản lý rủi ro cho một số hạng mục rủi ro cụ thể của Ngân hàng.

·Các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Ban Điều hành có sự tham gia của thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Hội đồng Tín dụng

Hội đồng có chức năng xét cấp tín dụng, phê duyệt hạn mức tín dụng vượt hạn mức quyết định của các Ban Tín dụng tại chi nhánh, xem xét tái cấu trúc lại khoản nợ theo đề xuất của các bộ phận chuyên môn; xem xét việc miễn giảm lãi, phí liên quan đến tín dụng theo Quy chế miễn giảm lãi, phí của VPBank; khuyến nghị HĐQT thay đổi chính sách tín dụng cho phù hợp với tình hình thực tế... và các nhiệm vụ khác liên quan đến các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Hiện nay, Hội đồng Tín dụng các cấp của VPBank đã gia tăng tần suất họp, tiến hành tổ chức họp hàng ngày giải quyết kịp thời nhu cầu xét duyệt các khoản tín dụng theo thẩm quyền. Thành phần của Hội đồng Tín dụng có thể bao gồm các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro và có thể có chuyên gia phê duyệt cấp cao của ngân hàng.

Năm 2014, Hội đồng Tín dụng đã tổ chức 136 cuộc họp, thông qua 1.052 nghị quyết phê duyệt các đề xuất cấp tín dụng, thay đổi điều kiện cấp tín dụng đối với các khoản vay có giá trị từ 50 tỷ đồng trở lên hoặc các khoản vay có ngoại lệ khác biệt so với quy định của VPBank mà các ngoại lệ khác biệt đó được đánh giá là có rủi ro cao cho ngân hàng.

2. Hội đồng Đầu tư

Hội đồng có chức năng xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư của Ngân hàng và các công ty con của Ngân hàng có giá trị vượt hạn mức phê duyệt của Tổng Giám đốc, Hội đồng Thành viên của 2 công ty con là Công ty Chứng khoán VPBank và Công ty AMC và các hạn mức cụ thể khác theo quy định tại Quy chế tài chính của Ngân hàng. Hội đồng Đầu tư VPBank cũng có vai trò quyết định các hạn mức kinh doanh đối với các tổ chức tín dụng và các đề xuất kinh doanh kỳ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác. Hội

đồng Đầu tư hợp định kỳ hàng quý và cho ý kiến phê duyệt đối với các đề xuất phát sinh của Ngân hàng bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Năm 2014, Hội đồng đã thông qua 60 quyết định: phê duyệt các đề xuất đầu tư tài chính (các phương án mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, kỳ phiếu, các hạn mức giao dịch tài chính với các định chế tài chính...), và một số nội dung phê duyệt chi phí lớn vượt thẩm quyền của các cấp quản lý do các bộ phận chuyên môn của Ngân hàng đề xuất (các khoản đầu tư mua hệ thống ATM, triển khai các dự án lớn về trung tâm dữ liệu, hệ thống quản trị nguồn lực nội bộ, các dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc...).

3. Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có

Hội đồng có chức năng nghiên cứu và đề ra các chiến lược đối với cơ cấu bảng tổng kết tài sản, quản lý cấu trúc bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng nhằm tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro đối với Ngân hàng; xây dựng và giám sát các chỉ tiêu tài chính, tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; quản lý thanh khoản và rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do sự chênh lệch giữa Tài sản có và Tài sản nợ nhạy cảm với lãi suất; quản lý rủi ro thị trường đối với các biến động về tỷ giá và lãi suất; chỉ đạo việc xây dựng, phê duyệt và triển khai các chính sách, quy trình và hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ đảm bảo hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị; quản lý vốn chủ sở hữu đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Ngân hàng. Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) đã tiến hành họp định kỳ hàng tháng, thường xuyên đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, hoạt động của ngành ngân hàng và VPBank, đưa ra các quyết định phù hợp đảm bảo thanh khoản của Ngân hàng, các mức lãi suất và số lượng tương ứng cho các chương trình huy động vốn và sử dụng vốn; đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của pháp luật. Thành phần của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có bao gồm các thành viên thuộc Ban điều hành của Ngân hàng và có thể có sự tham gia của các thành viên HĐQT.

4. Ủy ban Điều hành

Ủy ban có chức năng xem xét, đề xuất HĐQT phê duyệt các chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện kế hoạch hành động ngắn hạn và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của các đơn vị; đưa ra các đề xuất thay đổi về cơ cấu tổ chức, kế hoạch ngân sách, kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế trình HĐQT phê duyệt; xem xét và thảo luận đối với các đề xuất triển khai dự án quan trọng của Ngân hàng. Ủy ban Điều hành tiến hành họp định kỳ hàng tháng, có thể có sự tham gia của các thành viên HĐQT và BKS.

Thành phần của Ủy ban Điều hành bao gồm Chủ tịch HĐQT và có thể có các thành viên HĐQT khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Điều hành, Giám đốc các Khối, Giám đốc các Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là Chủ tịch của Ủy ban Điều hành.

- Ủy ban Điều hành đã thực hiện 12 cuộc họp trong năm 2014, thảo luận, quyết định nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành của ngân hàng;
- Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2013 và của từng tháng trong năm 2014 so với kế hoạch đề ra, đưa ra các kế hoạch hành động để đạt được các mục tiêu kinh doanh;
- Thảo luận các chính sách và kế hoạch ngân sách, kế hoạch hành động, chương trình công tác của năm 2014;
- Thông qua các định hướng & phương án hoạt động trong năm như: xây dựng mô hình bán hàng và hỗ trợ bán hàng mới, các điều chỉnh cần thiết trong chuyển đổi mô hình, các chương trình nâng cao năng suất, các trọng tâm phát triển cho từng mảng, các kế hoạch tăng trưởng tín dụng, huy động, chiến lược thu hồi nợ & quản lý nợ xấu, các cơ chế để kịp thời phản ứng với các biến động trong thị trường, các chính sách đãi ngộ và phát triển nhân sự, các chương trình quảng bá thương hiệu... phù hợp với yêu cầu và tình hình hoạt động của Ngân hàng trong mỗi giai đoạn;
- Cập nhật và định hướng các dự án trọng điểm: chuyển đổi mô hình chi nhánh, các dự án đánh giá và củng cố các hệ thống nền tảng như hệ thống ngân hàng lõi, hệ thống quản lý thẻ, hệ thống phê duyệt tín dụng và các dự án tập trung hóa và nâng hiệu quả vận hành.

5. Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động

Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động (Ủy ban QTRRHĐ) có chức năng thực hiện quản trị các rủi ro hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tính hiệu quả của việc ban hành và giám sát thực hiện chính sách quản trị rủi ro hoạt động, chỉ đạo phổ biến kiến thức và văn hóa quản trị rủi ro hoạt động trong toàn hệ thống.

Ủy ban QTRRHĐ có nhiệm vụ xem xét và phê duyệt chiến lược tổng thể về Quản trị rủi ro hoạt động; Khung quản trị rủi ro hoạt động; Chính sách, quy định có liên quan đến rủi ro hoạt động, chiến lược về vốn cho Quản trị rủi ro hoạt động; giám sát các công tác triển khai, thực thi và quản trị rủi ro hoạt động; Báo cáo định kỳ và bất thường tới HĐQT và Ủy ban Quản lý Rủi ro những vấn đề phát sinh.

Thành phần của Ủy ban QTRRHĐ bao gồm thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối QTRR, Giám đốc Khối Vận hành, Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ.

Năm 2014, Ủy ban đã tiến hành 04 cuộc họp thông qua các nội dung liên quan đến định hướng quản trị rủi ro hoạt động của Ngân hàng:

- Theo dõi, đánh giá, thảo luận và thống nhất các giải pháp đối với các vấn đề, sự kiện/tổn thất liên quan đến rủi ro hoạt động.
- Theo dõi bộ chỉ số rủi ro chính KRIs và đưa ra các chỉ đạo kịp thời đối với các chỉ số có mức độ rủi ro cao.
- Thông qua và giám sát dự án Quản trị kinh doanh liên tục (BCM), dự án An ninh thông tin (IRM),
- Thông qua các giải pháp phòng chống gian lận trong ngắn hạn và đồng ý thành lập Phòng Điều tra và Phòng chống gian lận.
- Theo dõi, giám sát giải pháp đối với các rủi ro phát sinh từ một số hoạt động thuê ngoài của phân khúc Khách hàng cá nhân.
- Tiếp tục theo dõi và thống nhất các giải pháp đối với phát hiện của Kiểm toán Nội bộ về các vấn đề rủi ro mang tính hệ thống.

6. Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ

Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ có chức năng, nhiệm vụ đưa ra các quyết định liên quan đến tín dụng, bao gồm quản lý danh mục, thu hồi nợ, các công cụ phương pháp đo lường rủi ro tín dụng, xem xét và phê duyệt những chính sách, công cụ, quy trình liên quan đến hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng, giám sát hiệu suất thu hồi nợ và xử lý nợ của các đơn vị theo KPIs, rà soát các báo cáo cập nhật chất lượng danh mục tín dụng theo các phân khúc của các khối kinh doanh, v.v.

Định kỳ hoặc khi cần thiết, Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ báo cáo Ủy ban Quản lý Rủi ro và Tổng Giám đốc về những vấn đề trong phạm vi trách nhiệm và đưa ra các khuyến nghị giải quyết, đề xuất Ủy ban Quản lý Rủi ro và Tổng Giám đốc về chiến lược quản lý rủi ro tín dụng, báo cáo kết quả kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro tín dụng, chiến lược thu hồi nợ xấu, v.v.

Thành phần của Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Khối Tín dụng, Giám đốc Công ty Quản lý Tài sản VPBank (VPBank AMC, là đơn vị thực hiện việc thu hồi nợ của Ngân hàng).

Được thành lập vào cuối năm 2013, trong năm 2014 Ủy ban Tín dụng và Thu hồi nợ đã thực hiện 04 cuộc họp, tập trung vào các vấn đề có liên quan đến mảng thu hồi nợ và xử lý nợ. Theo đó, Ủy ban đã theo dõi kết quả thu hồi nợ từ khâu thu hồi nợ sớm, cấu trúc lại nợ tới xử lý nợ muộn và đưa ra các kiến nghị, điều chỉnh kịp thời để cải thiện tình hình thu hồi nợ của toàn hệ thống. Ủy ban đã hoàn thiện việc đặt chỉ tiêu thu hồi nợ và đề xuất chiến lược xử lý nợ cho VPBank AMC trong năm 2014 theo mô hình mới. Ngoài ra, Ủy ban đã đề xuất thay đổi quy trình cấu trúc lại nợ theo hướng tập trung hóa việc quản lý và thu nợ của phân khúc SME về một đầu mối, thảo luận và đưa ra các tiêu chí rõ ràng về phân luồng hồ sơ về các bộ phận quản lý.

IV. Ban Kiểm soát

1. Giới thiệu chung

Ban Kiểm soát (BKS) VPBank có 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách (bao gồm Trưởng Ban), đại diện cho ĐHCĐ VPBank giám sát hoạt động của HĐQT, đồng thời đóng vai trò của Ủy ban Kiểm toán theo thông lệ quốc tế, thực hiện việc kiểm soát các hoạt động tài chính và kinh doanh của Ngân hàng; kiểm tra các báo cáo tài chính thường niên và các hoạt động tài chính khác; giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ ngân hàng; giám sát chức năng Kiểm toán Nội bộ thông qua việc quản lý trực tiếp Khối Kiểm toán Nội bộ của Ngân hàng. BKS VPBank chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình trước ĐHCĐ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, BKS thường xuyên làm việc với HĐQT và Ban Điều hành để trao đổi, tư vấn những rủi ro, những vấn đề chính được phát hiện trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Thành phần BKS hiện nay bao gồm các thành viên:

1	Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban, chuyên trách
2	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên Chuyên trách (bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ tháng 4/2014)
3	Bà Trinh Thị Thanh Hằng	Thành viên Chuyên trách
4	Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên

Năm 2014, Ban Kiểm soát đã bầu bổ sung thêm 01 thành viên chuyên trách, nâng số lượng thành viên BKS lên thành 04 người. Việc bầu thêm 01 thành viên BKS có kinh nghiệm từ Ban Điều hành đã giúp tăng cường hơn nữa hiệu quả công việc, thực hiện tốt các kế hoạch hành động đã đặt ra.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014

Năm 2014, với sự điều chỉnh và hoàn thiện mô hình quản lý tập trung hoá, VPBank đạt được những thành tích đáng kể và tăng trưởng trong một bối cảnh tình hình kinh tế còn khó khăn chung. Bên cạnh việc phát triển kinh doanh, vấn đề quản trị rủi ro cũng được Ngân hàng đặc biệt được chú trọng, hệ thống kiểm soát của Ngân hàng từng bước được củng cố, chuyên sâu vào từng mảng nghiệp vụ căn bản như tín dụng, kế toán, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa các rủi ro trong hoạt động.

Chính vì vậy, Ban Kiểm soát cũng thường xuyên tổ chức các buổi họp, thảo luận để định hướng, điều chỉnh các hoạt động kiểm toán tại Ngân hàng nhằm tăng cường kiểm soát tốt nhất những rủi ro có thể phát sinh trong các hoạt động nghiệp vụ. Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng, nhằm tổng kết các vấn đề, các phát hiện và các đánh giá tổng quan thông qua các đợt kiểm toán trong tháng, thảo luận việc triển khai kế hoạch thực hiện trong tháng tiếp theo và điều chỉnh kế hoạch nếu thấy cần thiết.

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã chỉ đạo và cùng Kiểm toán Nội bộ thực hiện 70 cuộc kiểm toán theo kế hoạch. Các cuộc kiểm toán thực hiện trên thực tế đã bao quát hầu hết các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng.

Bên cạnh công tác kiểm toán được lập kế hoạch cụ thể cũng như sẵn sàng phân bổ nguồn lực thực hiện các cuộc kiểm toán theo chuyên đề đột xuất, đáp ứng nhu cầu phát sinh của Ngân hàng, các công tác theo dõi khắc phục các khuyến nghị kiểm toán được chú trọng trong năm 2014. Theo đó, Ban Kiểm soát cũng chủ trì các cuộc họp hàng tháng giữa BKS, KTNB và Ban Điều hành nhằm thảo luận các vấn đề rủi ro cụ thể đã được phát hiện qua các đợt kiểm toán trong tháng, thống nhất đầu mối, phương án và thời hạn khắc phục các khuyến nghị đó. Ban Kiểm soát, Kiểm toán Nội bộ phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chuyên trách của Ban Điều hành như Kiểm soát Tuân thủ, Quản trị Rủi ro Hoạt động để xử lý triệt để các kết quả, kiến nghị kiểm toán, theo dõi rõ ràng và có báo cáo đầy đủ trong các cuộc họp hàng tháng này.

Trong quá trình thực hiện công việc chức năng nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát cũng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Có, Ban Điều hành... để nắm rõ các thông tin định hướng chiến lược, các kế hoạch kinh doanh, các tình trạng tài chính, tín dụng của Ngân hàng, nhằm củng cố tốt hơn cho định hướng kiểm toán, giám sát hoạt động cho bộ phận Kiểm toán Nội bộ.

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát cũng tiếp tục chủ trương hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Kiểm toán Nội bộ, nâng cao năng lực chuyên môn các kiểm toán viên, năng lực hỗ trợ từ việc hiện đại hóa công nghệ thông tin nhằm đáp ứng các kỳ vọng và yêu cầu ngày càng cao đặt ra. Theo đó:

- Trong năm, đã thực hiện tuyển dụng được một số chuyên gia cao cấp có kinh nghiệm từ các công ty kiểm toán nước ngoài lớn, góp phần xây dựng các chương trình hành động, đào tạo nâng cao chất lượng các cuộc kiểm toán, góp phần kiểm soát và hạn chế các rủi ro hệ thống cũng như rủi ro vận hành của các bộ phận, các mảng nghiệp vụ của Ngân hàng.
- Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng đã cử các nhân sự cao cấp của Kiểm toán Nội bộ tham gia dự án tư vấn về Kế hoạch Quản trị rủi ro tổng thể theo chuẩn Basel II, nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết và nắm bắt xu hướng, tiêu chuẩn kiểm soát, quản trị của Ngân hàng trong giai đoạn tới, khi triển khai các kế hoạch thực hiện Basel II theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.
- Đặc biệt chú trọng về hình thức và nội dung đào tạo thường xuyên cho các thành viên Ban Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ, đầu tư thuê ngoài từ các công ty đào tạo uy tín, các chuyên gia theo các chuyên đề, cũng như tham gia các khóa đào tạo chung do Ngân hàng tổ chức nhằm liên tục cập nhật thông tin, kiến thức để phục vụ công việc như các khóa đào tạo về: Hệ thống Kiểm soát nội bộ và Phân tích báo cáo tài chính Ngân hàng; Kỹ thuật nhận biết tính thật, giả của các hồ sơ, chứng từ; Quản trị rủi ro hoạt động; Quản trị rủi ro thị trường; Lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế; các lớp đào tạo về rủi ro và kiểm toán

theo định hướng rủi ro; các lớp đào tạo về nghiệp vụ (tín dụng, tài trợ thương mại, đầu tư tài chính, kinh doanh trái phiếu); các lớp đào tạo của nội bộ về quy trình và sản phẩm mới... Trong năm 2014 đã có 164 lượt cán bộ được đào tạo với 13 khóa học.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện dự án Phần mềm Kiểm toán Nội bộ giai đoạn 2 với mục đích quản lý việc xây dựng kế hoạch - thực hiện kiểm toán năm, quản lý các cuộc kiểm toán tại đơn vị, lưu trữ kết quả kiểm toán, tạo lập và duy trì các hồ sơ rủi ro cho từng quy trình nghiệp vụ, từng đơn vị được kiểm toán. Phần mềm này sẽ giúp cho việc nâng cao năng suất, chất lượng làm việc của kiểm toán viên cũng như quản lý chặt chẽ hồ sơ kiểm toán.
- Năm 2014 cũng là năm rà soát, chỉnh sửa phần mềm quản lý công việc và đưa vào sử dụng để giám sát, đánh giá khách quan việc thực hiện quy trình kiểm toán của các kiểm toán viên.

V. Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Ngân sách thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát VPBank đã được ĐHCĐ thường niên năm 2014 phê duyệt bằng 1% lợi nhuận hợp nhất trước thuế (chính sách này không thay đổi từ năm 2012). Như vậy, với kết quả hoạt động kinh doanh 2014 với mức lợi nhuận trước thuế hợp nhất là trên 1600 tỷ đồng thì mức ngân sách chi thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát VPBank năm 2014 tương ứng khoảng hơn 16 tỷ đồng.

Nguyên tắc xác định thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS đã được HĐQT xem xét và cùng thông qua và không thay đổi từ năm 2012, theo đó từng thành viên hàng tháng sẽ nhận mức thù lao bao gồm thù lao cố định đối với từng chức danh và thù lao nhiệm vụ khi các thành viên tham gia vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT.

Năm 2014, tổng mức thù lao chi thực tế cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2014 là khoảng 7,6 tỷ đồng.

VI. Ngăn ngừa xung đột lợi ích

Việc công khai lợi ích liên quan của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và thành viên Ban Điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) và kê khai người có liên quan được thực hiện định kỳ hàng năm vào đầu năm và trong năm khi có phát sinh thay đổi so với bản đã công bố. Bộ phận Thư ký Công ty thuộc Văn phòng HĐQT gửi yêu cầu cho các thành viên và tập hợp các bản công bố để gửi cho các thành viên làm căn cứ xác định người có liên quan với Ngân hàng và thực hiện các thủ tục theo quy định khi ngân hàng có phát sinh giao dịch với những người này.

Các quy định nội bộ của Ngân hàng, các hợp đồng, giao dịch được phép giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Điều hành và người có liên quan của các thành viên này đều phải được HĐQT hoặc Hội đồng/Ủy ban trực thuộc HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, thành viên có liên quan không được tham gia biểu quyết. Các giao dịch đều được ký kết hợp đồng hoặc có chứng từ rõ ràng theo đúng quy định của Ngân hàng trên nguyên tắc bình đẳng và tự nguyện.

Cũng theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng, Ngân hàng không được cấp tín dụng cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương cũng như cha, mẹ, vợ, chồng, con của các thành viên này.

VII. Báo cáo và công bố thông tin

VPBank thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin áp dụng đối với tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn của Bộ Tài chính.

Các thông tin để báo cáo và công bố được Ngân hàng gửi Ngân hàng Nhà nước, đăng trên website của Ngân hàng, phần mềm công bố thông tin theo quy định Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định. Các thông tin công bố chính bao gồm:

Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán được chấp thuận và được công bố trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Báo cáo tài chính bán niên, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và được công bố trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính.
- Báo cáo tài chính quý, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của ngân hàng, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Báo cáo thường niên:

- Báo cáo quản trị công ty được công bố định kỳ 6 tháng và hàng năm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;
- Các thông tin liên quan của cổ đông lớn cũng được công bố theo quy định;
- Các thông tin khác được công bố định kỳ hoặc bất thường khi có phát sinh theo quy định.

Ngoài các thông tin phải công bố theo quy định của pháp luật, Ngân hàng cũng chủ động công bố các thông tin về chiến lược của ngân hàng, các thông tin về sản phẩm mới, các chương trình khuyến mại, các sự kiện lớn ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng và các hoạt động an sinh, xã hội trên các phương tiện truyền thông và website của Ngân hàng.

Ngoài ra, VPBank cũng thực hiện trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn trong năm; Các báo cáo theo mục tiêu giám sát, đánh giá... theo yêu cầu (định kỳ và đột xuất) theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy chế nội bộ của Ngân hàng về phát ngôn và công bố thông tin, do Trung tâm Truyền thông & Tiếp thị và Văn phòng HĐQT làm đầu mối cung cấp sau khi đã được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng phê duyệt.

VIII. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần

Tổng số cổ phần của ngân hàng tại thời điểm ngày 31/12/2014 là 634.741.000 cổ phần (bằng chữ: sáu trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn cổ phần). Toàn bộ số cổ phần này đều là loại cổ phần phổ thông và đang lưu hành. Việc quản lý số cổ đông của toàn bộ số cổ phần được thực hiện tại Công ty Chứng khoán VPBank theo Hợp đồng ủy quyền quản lý số cổ đông từ năm 2008.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH11: “Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”.

Tại thời điểm 31/12/2014, số hữu cổ phần của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của VPBank như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại VPBank	Số CP sở hữu	Tỷ lệ SHCP phổ thông
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	28.461.482	4,48%
2	Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	9.830.358	1,55%
3	Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	899.297	0,14%
4	Ngô Phương Chí	Thành viên độc lập HĐQT	0	không có
5	Lương Phan Sơn	Thành viên HĐQT	2.622.128	0,413%
6	Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng BKS chuyên trách	24.994.531	3,94%
7	Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên BKS	31.186.127	4,91%
8	Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên BKS chuyên trách	0	không có
9	Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên BKS chuyên trách	0	không có
10	Nguyễn Đức Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	không có
Tổng cộng			97.993.923	15,43%

Tất cả số cổ phần của các thành viên có tên trong danh sách nêu trên đều là cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông Lương Phan Sơn là người đại diện cho phần vốn góp của 2 công ty nên số cổ phần của 2 công ty này cũng thuộc diện hạn chế chuyển nhượng theo quy định nêu trên. Do đó, tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật là 127.525.764 cổ phần.

2. Cơ cấu cổ đông VPBank tại thời điểm 31/12/2014

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Cổ đông cá nhân	3.528	291.964.755	46%
2	Cổ đông tổ chức	44	342.776.245	54%
3	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
Tổng cộng		3.572	634.741.000	100%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

ĐHĐCĐ thường niên VPBank đã thông qua nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ từ 6.347 tỷ đồng lên thành 7.324 tỷ đồng (tăng thêm 977 tỷ đồng) bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại năm 2013 là 932 tỷ đồng và chia cổ phiếu thưởng từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 44 tỷ đồng. Hiện VPBank đã làm thủ tục trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

VPBank không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm báo cáo.

5. Các chứng khoán khác

VPBank không có đợt phát hành cổ phiếu nào trong năm.

6. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Theo quy định của pháp luật, cổ đông là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần trong thời gian đương nhiệm. Do đó, trong năm không phát sinh giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc.

Các Phó Tổng Giám đốc được coi là các cán bộ quản lý của VPBank theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thu ký công ty là các cán bộ thuộc Văn phòng HĐQT. Trong năm, Ngân hàng không có giao dịch chuyển nhượng của các cổ đông này.

7. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông chiến lược nước ngoài

Từ sau khi Ngân hàng OCBC chuyển nhượng cổ phần VPBank năm 2013, Ngân hàng hiện không có cổ đông chiến lược nước ngoài.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2014



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số	0042/NH - GP	ngày 12 tháng 8 năm 1993
	Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0100233583	ngày 8 tháng 9 năm 1993
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp, trong đó bản mới nhất được cấp ngày 06 tháng 03 năm 2015.	
Hội đồng Quản trị	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
	Ông Ngô Phương Chí	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 31/10/2014)
	Ông Lương Phan Sơn	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên
	Ông Phùng Khắc Kế	Thành viên độc lập (từ nhiệm ngày 31/10/2014)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Minh Trường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/7/2014)
	Ông Fung Kai Jin	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06/10/2014)
	Bà Lưu Thị Ánh Xuân	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 09/7/2014)
	Ông Peterjan Van Nieuwenhuizen	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 23/10/2014)
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 22/4/2014)	
Ông Kalidas Ghose	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 10/9/2014)	
Người đại diện theo pháp luật	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở đăng ký	Tầng 1 - 7, tòa nhà Thủ Đô Số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG	

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là "VPBank") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Ngân hàng:

(a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 75 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của VPBank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của VPBank cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, không có lý do gì để Ban điều hành Ngân hàng cho rằng VPBank sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo, Ban điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban điều hành



Ông Nguyễn Đức Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vương (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “VPBank”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất”) được Ban điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 75.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên các xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của VPBank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-202/4



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2015

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B02/TCTD-HN

(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND (Phân loại lại)
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	5	1.358.034	1.549.351
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	3.701.393	1.523.596
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	13.924.797	12.055.421
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		2.300.846	3.319.183
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		11.630.402	8.796.925
3	Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(6.451)	(60.687)
IV	Chứng khoán kinh doanh	8	4.243.718	8.508.797
1	Chứng khoán kinh doanh		4.260.016	8.510.340
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(16.298)	(1.543)
V	Cho vay khách hàng		77.255.692	51.869.416
1	Cho vay khách hàng	9	78.378.832	52.474.123
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(1.123.140)	(604.707)
VI	Chứng khoán đầu tư	11	47.960.783	29.167.489
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		44.189.329	28.530.794
2	Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		4.022.686	636.695
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(251.232)	-
VII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	71.831	71.831
4	Đầu tư dài hạn khác		72.304	72.304
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(473)	(473)
VIII	Tài sản cố định		602.947	418.515
1	Tài sản cố định hữu hình	13	291.025	242.984
a	Nguyên giá		596.927	480.816
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(305.902)	(237.832)
2	Tài sản cố định vô hình	14	311.922	175.531
a	Nguyên giá		437.365	270.784
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(125.443)	(95.253)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Thuyết minh	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND (Phân loại lại)
IX Bất động sản đầu tư	15	28.175	28.891
1 Nguyên giá		29.965	29.965
2 Giá trị hao mòn lũy kế		(1.790)	(1.074)
X Tài sản có khác		14.094.008	16.071.063
1 Các khoản phải thu	16(a)	7.060.716	10.865.571
2 Các khoản lãi, phí phải thu	16(b)	4.114.405	2.954.722
4 Tài sản có khác	16(c)	3.174.284	2.857.330
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		62.421	-
5 Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	16(d)	(255.397)	(606.560)
TỔNG TÀI SẢN		163.241.378	121.264.370
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
I Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	832.555	1.885.457
II Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	18	26.228.249	13.134.052
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		14.694.977	8.081.635
2 Tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác		11.533.272	5.052.417
III Tiền gửi của khách hàng	19	108.353.665	83.843.780
IV Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác	20	215.333	50.851
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		125.246	63.737
VI Phát hành giấy tờ có giá	21	12.409.544	7.600.755
VII Các khoản nợ khác		6.096.491	6.959.041
1 Các khoản lãi, phí phải trả	22(a)	2.038.490	2.006.498
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	22(b)	264	-
3 Các khoản phải trả và nợ khác	22(c)	4.057.737	4.908.974
4 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	22(d)	-	43.569
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		154.261.083	113.537.673

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

		Thuyết minh	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND (Phân loại lại)
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
VIII	Vốn và các quỹ	23	8.980.290	7.726.697
1	Vốn		6.348.779	5.771.369
a	Vốn cổ phần		6.347.410	5.770.000
c	Thặng dư vốn cổ phần		1.369	1.369
2	Các quỹ		541.381	328.295
5	Lợi nhuận chưa phân phối		2.090.130	1.627.033
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			8.980.290	7.726.697
IX	LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	23	5	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			163.241.378	121.264.370

			31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN		9.075.574	5.644.148
2	Thư tín dụng		2.610.856	1.339.815
3	Bảo lãnh khác		6.464.718	4.304.333
II	CAM KẾT KHÁC			
1	Cam kết khác		1.680.163	-

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2015
 Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B03/TCTD-HN

(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND (Phân loại lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	12.404.218	11.194.255
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(7.113.131)	(7.042.590)
I	Thu nhập lãi thuần	5.291.087	4.151.665
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	959.852	811.131
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(352.700)	(276.385)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	607.152	534.746
III	Lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	(89.905)	(20.813)
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(4.607)	117.999
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	465.573	185.902
5	Thu nhập từ hoạt động khác	246.408	124.771
6	Chi phí hoạt động khác	(253.363)	(20.744)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	(6.955)	104.027
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	8.716	11.628
VIII	Chi phí hoạt động	(3.682.984)	(2.704.326)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.588.077	2.380.828
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(979.474)	(1.025.982)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.608.603	1.354.846
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(355.102)	(331.592)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	92	(5.634)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(355.010)	(337.226)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	1.253.593	1.017.620
XIV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.975	1.603

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B04/TCTD-HN

(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		2014 Triệu VND	2013 Triệu VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	11.436.872	10.823.575
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(7.182.728)	(6.277.347)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	606.685	534.682
04	Chênh lệch từ số tiền thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	(180.186)	(95.254)
05	Chênh lệch từ số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	460.742	275.669
06	(Chi phí khác đã trả)/thu nhập khác nhận được	(7.189)	99.946
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.427.249)	(2.570.241)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(502.603)	(188.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động		1.204.344	2.602.286
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(1.747.926)	797.025
10	Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	(9.354.176)	(12.929.880)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	-	57.471
12	Cho vay khách hàng	(28.530.673)	(16.207.513)
13	Sử dụng dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn	(707.090)	(251.824)
14	Tài sản hoạt động khác	3.641.010	(3.179.093)
Những thay đổi về nợ hoạt động			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	(1.052.902)	513.885
16	Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	13.094.197	(12.521.665)
17	Tiền gửi của khách hàng	24.481.553	24.329.639
18	Phát hành giấy tờ có giá	4.808.789	334.655
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	61.509	(803)
20	Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác	164.482	50.851
21	Các khoản nợ hoạt động khác	(929.975)	1.472.623
22	Chi từ các quỹ	-	(27)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5.133.142	(14.932.370)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(96.945)	(113.444)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.895	18.728
07 Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(1.222.817)	(4.493)
09 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	8.716	11.628
II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(1.309.151)	(87.581)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01 Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	2.500.000
III LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	-	2.500.000
IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	3.823.991	(12.519.951)
V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	5.468.034	17.987.985
VI TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (Thuyết minh 33)	9.292.025	5.468.034

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Cổ phiếu thương	27.526	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	549.884	-

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B05/TCTD-HN

(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm và Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn cổ phần của Ngân hàng là 6.347 tỷ Đồng Việt Nam (31/12/2013: 5.770 tỷ Đồng). Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi tư (164) phòng giao dịch và quỹ tiết kiệm trên cả nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng có ba (3) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Các công ty con	Thành lập tại	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Hoạt động chính	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS)	Việt Nam	0104000621 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006	Các hoạt động chứng khoán	100%
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC)	Việt Nam	0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15 tháng 4 năm 2013	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC)	Việt Nam	0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đầu	100%

và một (1) công ty con sở hữu gián tiếp thông qua VPBS như sau:

Công ty	Thành lập tại	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Hoạt động chính	% sở hữu của Công ty
Công ty TNHH VPBS (Myanmar)	Myanmar	580 FC do Bộ Kế hoạch và Phát triển Kinh tế Quốc gia Chính phủ Cộng hòa Liên bang Myanmar cấp ngày 21 tháng 10 năm 2013	Nghiên cứu đầu tư tại thị trường Myanmar	99%

Ngân hàng và các công ty con sau đây được gọi chung là VPBank. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, VPBank có 9.501 nhân viên (31/12/2013: 6.795 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

nguyên tắc kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của VPBank từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của VPBank là Đồng Việt Nam ("VND"), làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("Triệu VND").

3. Thay đổi các chính sách kế toán

Ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán dưới đây, VPBank đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán được đề cập tại Thuyết minh 4 cho tất cả các kỳ kế toán được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

(i) VPBank đã áp dụng Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09") có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014 trên cơ sở phi hồi tố. Việc áp dụng Thông tư 02 và Thông tư 09 ảnh hưởng đến những chính sách kế toán sau:

- Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (Thuyết minh 4(d));
- Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 4(e));
- Các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 4(f));
- Các khoản cho vay khách hàng (Thuyết minh 4(g));
- Phân loại nợ, mức trích, phương pháp lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay của các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (Thuyết minh 4(h)); và
- Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng (Thuyết minh 4(i)).

(ii) VPBank đã áp dụng Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146") có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 trên cơ sở phi hồi tố. Việc áp dụng Thông tư 146 ảnh hưởng đến chính sách kế toán về vốn cổ phần (Thuyết minh 4(s)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được VPBank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(iii) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của VPBank, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và chứng khoán đầu tư có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

(d) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

(i) Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc và không phải trích lập dự phòng.

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc và không phải trích lập dự phòng.

Các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác trừ tiền gửi thanh toán được phản ánh theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng cụ thể.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Việc phân loại nợ và tính dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán) được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 4(h).

(ii) Cho vay các tổ chức tín dụng khác

Cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Dự phòng rủi ro tín dụng (bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể) được thực hiện theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN (“Quyết định 493”) ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN (“Quyết định 18”) ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thống đốc NHNNVN.

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Việc phân loại rủi ro tín dụng của các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng cụ thể tương ứng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 4(h). Theo Thông tư 02, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(e) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian không quá một năm nhằm thu lợi ngắn hạn.

(ii) Ghi nhận

VPBank ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh.

Đối với chứng khoán kinh doanh đã niêm yết và chứng khoán kinh doanh là cổ phiếu chưa niêm yết: Dự phòng được trích lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán kinh doanh là cổ phiếu chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (OTC), giá thị trường là giá bình quân của các giao dịch tại ngày lập báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ từ 300 tỷ VND trở lên. Các cổ phiếu không được phép mua bán tự do trên thị trường hoặc không thể xác định được giá trị thị trường thì không được lập dự phòng mà được phản ánh theo giá gốc.

Đối với chứng khoán kinh doanh là trái phiếu chưa niêm yết: Dự phòng được trích lập theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4(h).

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Giá gốc chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc VPBank đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(f) Các khoản đầu tư tài chính

(i) Chứng khoán đầu tư

Phân loại

Chứng khoán đầu tư được phân làm hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. VPBank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, VPBank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành. Đây là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định do VAMC phát hành để mua nợ xấu của VPBank.

Đo lường

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán: được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó. Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, dự phòng được trích lập theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4(h).

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành: được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Sau đó, trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro. Việc trích lập dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt được thực hiện theo quy định của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("Thông tư 19"). Theo quy định của Thông tư 19, hàng năm, trong thời hạn 05 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, VPBank phải trích lập số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính bằng mệnh giá trái phiếu đặc biệt chia cho thời hạn của trái phiếu đặc biệt, hiện tại là 5 năm. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (ngoài chứng khoán đầu tư).

Sau khi được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung cho Thông tư 228. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào các tổ chức kinh tế ("TCKT") (các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp danh, liên doanh và các đầu tư dài hạn khác) được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự kiến trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư). Mức trích cho mỗi khoản đầu tư được tính theo công thức:

$$\text{Mức trích dự phòng} = \left(\frac{\text{Vốn đầu tư của TCKT} - \text{Vốn chủ sở hữu của TCKT}}{\text{Số vốn đầu tư của VPBank (theo mệnh giá)}} \right) \times \left(\frac{\text{Số vốn đầu tư của VPBank (theo mệnh giá)}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên (theo mệnh giá)}} \right)$$

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(g) Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Quyết định số 493 và Quyết định 18.

VPBank cũng áp dụng Quyết định số 780/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2012 ("Quyết định 780") quy định về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ theo đó các khoản nợ này được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ nếu hoạt động kinh doanh của khách hàng vay được đánh giá là có chiều hướng tích cực và khách hàng có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với VPBank mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì VPBank buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi VPBank tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, VPBank thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của VPBank.

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4(h).

(h) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện dựa trên phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02, với tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1 Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2 Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc	20%

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Nhóm nợ	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
3 Nợ dưới tiêu chuẩn	(d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> ■ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; ■ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; ■ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	
4 Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5 Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với VPBank mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì VPBank buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi VPBank tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, VPBank thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của VPBank.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;
- Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện kinh doanh; và
- Ngân hàng đáp ứng được quy định của NHNNVN về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, VPBank thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay khách hàng và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay khách hàng như đã được phân loại hiện tại.

Dự phòng cụ thể được trích lập bằng số dư các khoản nợ sau khi trừ giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng tương ứng với phân loại nợ tại ngày cuối tháng trước. Dự phòng chung được xác định bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 (trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác) tại ngày cuối tháng trước.

Dự phòng cụ thể và dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được xác định dựa trên số dư và phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2014.

(i) Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Theo Quyết định 18, trong trường hợp VPBank đánh giá khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo cam kết, VPBank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể và lập dự phòng cụ thể theo phương pháp tương tự như đối với cả khoản cho vay khách hàng.

Ngoài ra, VPBank cũng được yêu cầu phải trích lập dự phòng chung bằng 0,75% trên tổng số dư các thu bảo lãnh, thu tín dụng và các cam kết cho vay chưa giải ngân không thể hủy ngang vô điều kiện tại ngày cuối tháng trước.

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách áp dụng đối với khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4(h).

Theo Thông tư 02, VPBank không cần phải lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

(j) Các công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận vào các tài khoản trên bảng cân đối kế toán tại ngày hiệu lực của các hợp đồng và được đánh giá lại cuối năm. Lãi hoặc lỗ thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công cụ tài chính phái sinh được phân loại là tài sản tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là dương và nợ phải trả tài chính phái sinh khi giá trị được ghi nhận là âm.

(k) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 - 40 năm
- máy móc thiết bị 3 - 10 năm
- phương tiện vận tải 8 năm
- thiết bị dụng cụ quản lý 3 - 5 năm
- tài sản cố định khác 4 - 7 năm

(l) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới, mà phần mềm này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 7 năm.

(m) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 3- 21 năm
- quyền sử dụng đất vô thời hạn

(n) Các khoản phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, VPBank áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228 như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(o) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản đề cập tại Thuyết minh 4(d), 4(e), 4(f), 4(g), 4(h), 4(i) và 4(n), dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, VPBank có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng VPBank phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được các đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của VPBank trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (Lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(q) Vay chiết khấu giấy tờ có giá

VPBank vay chiết khấu giấy tờ có giá theo hình thức bán có kỳ hạn các giấy tờ có giá. Các giấy tờ có giá được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận là một khoản vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(r) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(s) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Các quỹ dự trữ

Ngân hàng

Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ bắt buộc sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và được dùng chủ yếu để chi trả cho các cán bộ công nhân viên. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các công ty con

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank AMC”)

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty VPBank AMC phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo các tỷ lệ mà Ngân hàng đang áp dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Công ty Chứng khoán VPBank”)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Sau ngày 21 tháng 11 năm 2014

Theo Thông tư 146/2014/TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây từ lợi nhuận sau thuế:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ

Trước ngày 21 tháng 11 năm 2014

Các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây từ lợi nhuận sau thuế:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ

Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Công ty phải lập các quỹ dự trữ bắt buộc sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Việc trích lập các quỹ dự trữ của công ty con được thực hiện và hạch toán sau khi có sự phê duyệt của Ngân hàng.

(t) Ghi nhận doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 4(h) được ghi nhận khi VPBank thực thu được lãi.

(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của VPBank được xác định.

Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành, cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do VPBank nắm giữ.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(u) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

(v) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(w) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(x) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

VPBank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của VPBank chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(y) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của VPBank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của VPBank là chia theo vùng địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của VPBank là chia theo lĩnh vực kinh doanh.

(z) Các khoản mục ngoại bảng

(i) Các hợp đồng ngoại hối

VPBank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của VPBank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán tại thời điểm kết thúc niên độ. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được VPBank thực hiện đánh giá theo ngày; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

VPBank có các cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. VPBank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thu tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến chắc chắn trong tương lai.

(aa) Phân loại các công cụ tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin

(i) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của VPBank và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, VPBank phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VPBank xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà VPBank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được VPBank xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được VPBank xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà VPBank có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được VPBank xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Các khoản được VPBank xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà VPBank có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VPBank xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(ii) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, VPBank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

5. Tiền mặt và vàng

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	709.463	435.544
Tiền mặt bằng ngoại tệ	555.826	1.076.216
Vàng tại quỹ	92.745	37.591
	1.358.034	1.549.351

6. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc ("DTBB") và tài khoản tiền gửi thanh toán.

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	3.701.393	1.523.596

Theo quy định của NHNNVN về DTBB, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thặng tại tài khoản DTBB.

Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của VPBank tại NHNNVN không thấp hơn số tiền phải DTBB trong tháng. Số tiền DTBB trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải DTBB trong tháng trước nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2014	31/12/2013
Số dư bình quân tháng trước của:		
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi bằng VND		
Trong mức dự trữ bắt buộc	1,2%	1,2%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,05%

7. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	1.057.896	1.168.103
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	223.591	108.033
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	834.305	1.060.070
Tiền gửi có kỳ hạn	1.242.950	2.151.080
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	807.407	1.940.720
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	435.543	210.360
Các khoản cho vay	11.623.951	8.736.238
Cho vay bằng VND	8.086.357	8.165.004
Cho vay bằng ngoại tệ	3.544.045	631.921
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(6.451)	(60.687)
	13.924.797	12.055.421

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	-	54.967
Dự phòng cụ thể (ii)	6.451	5.720
	6.451	60.687

(i) Biến động dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	54.967	54.659
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	(54.967)	308
Số dư cuối năm	-	54.967

(ii) Biến động dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	5.720	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	731	5.720
Số dư cuối năm	6.451	5.720

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,50%	1,20%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,25%	0,25%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4%	4% - 10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,1% - 1,7%	0,25% - 0,7%
Cho vay bằng VND	3% - 8,2%	4,2% - 10,8%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,19% - 4,5%	0,3% - 4,5%

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Chứng khoán nợ	4.026.941	8.241.473
Trái phiếu chính phủ	1.590.990	1.155.608
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	361.346	344.734
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	2.074.605	6.741.131
Chứng khoán vốn	233.075	268.867
Cổ phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	115.497	115.497
Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	117.578	153.370
	4.260.016	8.510.340
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(16.298)	(1.543)
	4.243.718	8.508.797

Kỳ hạn và lãi suất năm theo hợp đồng của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Kỳ hạn	Lãi suất	Kỳ hạn	Lãi suất
Trái phiếu Chính phủ	5 tháng - 4 năm	4,8% - 11,3%	2 năm - 4 năm	9,4% - 13,2%
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành (bằng VND)	1 năm - 7 năm	10,2% - 11,5%	4 năm - 8 năm	10,2% - 11,5%
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (bằng VND)	3 năm - 5 năm	7,7% - 10%	1 năm - 4 năm	11% - 15%

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Chứng khoán nợ	4.026.941	8.241.473
Niêm yết	1.952.336	1.155.608
Chưa niêm yết	2.074.605	7.085.865
Chứng khoán vốn	233.075	268.867
Niêm yết	5.922	49.519
Chưa niêm yết	227.153	219.348
	4.260.016	8.510.340

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	14.979	-
Dự phòng cụ thể (ii)	1.319	1.543
	16.298	1.543

(i) Biến động dự phòng chung đối với chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	14.979	-
Số dư cuối năm	14.979	-

(ii) Biến động dự phòng cụ thể đối với chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.543	20.775
Dự phòng hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 26)	(224)	(19.232)
Số dư cuối năm	1.319	1.543

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	78.128.770	52.375.482
Chiết khấu tín phiếu	20.925	31.260
Các khoản trả thay khách hàng	4.679	-
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư (*)	216.506	59.831
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	7.952	7.550
	78.378.832	52.474.123

(*) Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư bao gồm các khoản cho vay được tài trợ bởi các nguồn vốn ủy thác từ các chương trình hỗ trợ phát triển quốc gia thông qua Bộ Tài chính và NHNNVN. VPBank nhận nguồn vốn này trực tiếp từ ngân hàng đầu mối là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") và Ban Quản lý Dự án Tín dụng ODA - Quốc gia. VPBank đóng vai trò nhận nguồn và quản lý, sử dụng nguồn. Theo đó, VPBank sẽ vẫn phải chịu toàn bộ rủi ro liên quan đến những khoản cho vay này. Trường hợp những khoản cho vay ra sử dụng nguồn vốn này mất khả năng thanh toán, VPBank phải có trách nhiệm hoàn trả gốc và lãi cho BIDV và Ban Quản lý Dự án Tín dụng ODA - Quốc gia theo cam kết tại hợp đồng đã ký.

Phân tích dư nợ cho vay theo chất lượng như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	%	31/12/2013 Triệu VND	%
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	74.230.191	94,70%	48.531.102	92,49%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	2.159.699	2,76%	2.468.725	4,70%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	766.633	0,98%	594.869	1,14%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	706.443	0,90%	474.208	0,90%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	515.866	0,66%	405.219	0,77%
	78.378.832	100%	52.474.123	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian đáo hạn như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	%	31/12/2013 Triệu VND	%
Ngắn hạn	24.914.040	31,79%	24.575.232	46,83%
Trung hạn	37.350.268	47,65%	18.734.481	35,70%
Dài hạn	16.114.524	20,56%	9.164.410	17,47%
	78.378.832	100%	52.474.123	100%

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2014 Triệu VND	%	31/12/2013 Triệu VND	%
Doanh nghiệp Nhà nước	4.013.460	5,11%	1.453.967	2,77%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	18.564.862	23,69%	14.591.969	27,81%
Công ty cổ phần	18.022.059	22,99%	12.757.141	24,31%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	593.212	0,76%	226.724	0,43%
Doanh nghiệp tư nhân	546.195	0,70%	494.031	0,94%
Cho vay cá nhân và cho vay khác	36.639.044	46,75%	22.950.291	43,74%
	78.378.832	100%	52.474.123	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2014 Triệu VND	%	31/12/2013 Triệu VND	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	2.386.836	3,05%	1.615.109	3,08%
Thương mại, sản xuất và chế biến	39.798.746	50,78%	16.160.966	30,80%
Xây dựng	4.190.374	5,35%	3.794.409	7,23%
Kho bãi, vận tải, thông tin liên lạc	3.497.582	4,46%	1.725.027	3,29%
Cá nhân và các hoạt động khác	28.505.294	36,36%	29.178.612	55,60%
	78.378.832	100%	52.474.123	100%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Cho vay bằng VND	3% - 14%	7% - 15%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,7% - 5,5%	2,3% - 6%

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	573.535	386.254
Dự phòng cụ thể (ii)	549.605	218.453
	1.123.140	604.707

(i) Biến động dự phòng chung cho vay khách hàng trong năm như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	386.254	256.536
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	181.541	129.718
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.740	-
Số dư cuối năm	573.535	386.254

(ii) Biến động dự phòng cụ thể cho vay khách hàng trong năm như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	218.453	123.646
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	1.001.858	346.631
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.509	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(674.215)	(251.824)
Số dư cuối năm	549.605	218.453

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Trái phiếu Chính phủ (*)	17.279.638	4.788.735
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	2.385.203	200.000
Tín phiếu Kho bạc	1.892.890	3.926.630
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	11.541.583	13.106.359
<i>Trong đó: Trái phiếu được chính phủ bảo lãnh (**)</i>	<i>8.618.211</i>	<i>8.718.316</i>
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	11.081.615	6.410.670
Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	8.400	98.400
	44.189.329	28.530.794
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(70.007)	-
	44.119.322	28.530.794
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	3.956.097	636.695
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	66.589	-
	4.022.686	636.695
Dự phòng khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(181.225)	-
	3.841.461	636.695
	47.960.783	29.167.489

(*) Bao gồm trong số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoản Trái phiếu Chính phủ có giá trị 800.000 triệu VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng từ NHNNVN (31/12/2013: 1.820.649 triệu VND) (Thuyết minh 17) và 4.592.000 triệu VND đã bán theo hợp đồng bán kèm mua lại với các tổ chức tín dụng trong nước (31/12/2013: 200.000 triệu VND) (Thuyết minh 18).

(**) Bao gồm trong số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoản Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh có giá trị 1.767.000 triệu VND đã bán theo hợp đồng bán kèm mua lại với các tổ chức tín dụng trong nước (31/12/2013: không có) (Thuyết minh 18).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thời hạn và lãi suất năm theo hợp đồng của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Thời hạn	Lãi suất	Thời hạn	Lãi suất
Trái phiếu Chính phủ	1 tháng - 15 năm	5,4% - 13,2%	5 năm	13,2%
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	3 tháng	3,5%	6 tháng	5,5%
Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	6 tháng - 1 năm	4,8% - 6%	1 năm	6,03% - 6,5%
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành				
<i>Trái phiếu phát hành bằng VND</i>	<i>7 tháng - 10 năm</i>	<i>6,1% - 12,6%</i>	<i>2 năm - 10 năm</i>	<i>9,55% - 10,5%</i>
<i>Trái phiếu phát hành bằng USD</i>	<i>Không áp dụng</i>	<i>Không áp dụng</i>	<i>3 tháng - 1 năm</i>	<i>1,7% - 4,5%</i>
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành				
<i>Trái phiếu phát hành bằng VND</i>	<i>1 năm - 5 năm</i>	<i>6% - 13,5%</i>	<i>2 năm - 5 năm</i>	<i>8,6% - 15%</i>

(i) Biến động dự phòng chung chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	70.007	-
Số dư cuối kỳ	70.007	-

Biến động dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	-	9.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 27)	-	(9.000)
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	32.875	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(32.875)	-
Số dư cuối kỳ	-	-

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(ii) Biến động dự phòng khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	53.886	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	127.339	-
Số dư cuối kỳ	181.225	-

12. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Đầu tư dài hạn khác - giá gốc (i)	72.304	72.304
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (ii)	(473)	(473)
	71.831	71.831

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức tài chính đã niêm yết	38.366	38.366
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế chưa niêm yết	33.938	33.938
	72.304	72.304

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá gốc Triệu VND	Tỷ phần năm giữ (%)	Giá gốc Triệu VND	Tỷ phần năm giữ (%)
Đầu tư vào các TCTD				
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	38.366	0,08%	38.366	0,08%
Đầu tư vào các DN khác				
Công ty CP Vận tải ITRACO	21	0,64%	21	0,64%
Công ty CP Đồng Xuân	5.000	10,00%	5.000	10,00%
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Ngân hàng (BTC)	371	4,78%	371	4,78%
Công ty CP Ngoại thương và PT Đầu tư HCM (FIDECO)	15.357	1,67%	15.357	1,67%
Công ty CP Thông tin tin dụng (PCB)	3.934	3,93%	3.934	3,93%
Công ty cổ phần xăng dầu khí PV OIL Miền Trung	7.705	5,50%	7.705	5,50%
Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Thịnh An	550	11,00%	550	11,00%
Công ty TNHH Thịnh Điện	1.000	10,00%	1.000	10,00%
	72.304		72.304	

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm và cuối năm	473	473

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

13. Tài sản cố định hữu hình

Năm 2014	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND	Tài sản cố định khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	60.411	44.987	92.813	171.537	111.068	480.816
Mua trong năm	3.277	22.823	11.182	13.086	12.095	62.463
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 38)	40.710	3.649	90	-	-	44.449
Tăng khác	19.442	-	-	44	-	19.486
Thanh lý	-	(2.331)	(3.638)	(1.536)	(2.782)	(10.287)
Phân loại lại	(526)	204.148	(13.957)	(108.279)	(81.386)	-
Số dư cuối năm	123.314	273.276	86.490	74.852	38.995	596.927
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.233	20.027	42.287	95.692	68.593	237.832
Khấu hao trong năm	5.656	25.187	13.621	19.465	12.758	76.687
Thanh lý	-	(1.097)	(3.468)	(1.435)	(2.617)	(8.617)
Phân loại lại	(410)	132.043	(9.704)	(64.668)	(57.261)	-
Số dư cuối năm	16.479	176.160	42.736	49.054	21.473	305.902
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	49.178	24.960	50.526	75.845	42.475	242.984
Số dư cuối năm	106.835	97.116	43.754	25.798	17.522	291.025

Năm 2013	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND	Tài sản cố định khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.804	64.146	107.448	175.507	115.447	529.352
Mua trong năm	2.078	6.492	10.819	57.849	15.886	93.124
Thanh lý	(8.301)	(7.049)	(20.195)	(7.658)	(3.497)	(46.700)
Tăng/(giảm) khác	-	22	-	(21)	-	1
Phân loại lại	(170)	(18.624)	(5.259)	(54.140)	(16.768)	(94.961)
Số dư cuối năm	60.411	44.987	92.813	171.537	111.068	480.816
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.267	26.036	54.720	115.808	63.721	277.552
Khấu hao trong năm	2.287	7.211	12.374	17.601	18.577	58.050
Thanh lý	(7.107)	(1.415)	(14.772)	(6.445)	(2.339)	(32.078)
Tăng/(giảm) khác	(1.044)	(17)	(7.439)	9.705	(988)	217
Phân loại lại	(170)	(11.788)	(2.596)	(40.977)	(10.378)	(65.909)
Số dư cuối năm	11.233	20.027	42.287	95.692	68.593	237.832
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	49.537	38.110	52.728	59.699	51.726	251.800
Số dư cuối năm	49.178	24.960	50.526	75.845	42.475	242.984

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

14. Tài sản cố định vô hình

Năm 2014	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	90.710	180.074	270.784
Mua trong năm	1.744	32.738	34.482
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 38)	-	13.205	13.205
Tăng khác	120.558	-	120.558
Giảm khác	-	(1.664)	(1.664)
Số dư cuối năm	213.012	224.353	437.365
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	94.385	95.253
Khấu hao trong năm	-	30.429	30.429
Giảm khác	-	(239)	(239)
Số dư cuối năm	868	124.575	125.443
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	89.842	85.689	175.531
Số dư cuối năm	212.144	99.778	311.922

Năm 2013	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	90.711	158.511	249.222
Mua trong năm	-	20.257	20.257
Thanh lý	(1)	(41)	(42)
Tăng khác	-	3.207	3.207
Phân loại lại	-	(1.860)	(1.860)
Số dư cuối năm	90.710	180.074	270.784
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	877	71.505	72.382
Khấu hao trong năm	-	23.964	23.964
Thanh lý	-	(31)	(31)
Giảm khác	(9)	(1.042)	(1.051)
Phân loại lại	-	(11)	(11)
Số dư cuối năm	868	94.385	95.253
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	89.834	87.006	176.840
Số dư cuối năm	89.842	85.689	175.531

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

15. Bất động sản đầu tư

Năm 2014	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	20.075	9.890	29.965
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.074	1.074
Khấu hao trong năm	-	716	716
Số dư cuối năm	-	1.790	1.790
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	20.075	8.816	28.891
Số dư cuối năm	20.075	8.100	28.175

Năm 2013	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.075	9.841	29.916
Tăng trong năm	-	63	63
Thanh lý	-	(14)	(14)
Số dư cuối năm	20.075	9.890	29.965
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	359	359
Khấu hao trong năm	-	717	717
Thanh lý	-	(2)	(2)
Số dư cuối năm	-	1.074	1.074
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	20.075	9.482	29.557
Số dư cuối năm	20.075	8.816	28.891

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

16. Tài sản có khác

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ		
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	49.794	120.409
Tạm ứng tiền lương, công tác phí	75	11.243
Các khoản phải thu khác	853	10.836
Các khoản phải thu bên ngoài		
Phải thu từ các nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.374.558	1.659.713
Tạm ứng cho Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 35)	5.852	5.426
Các khoản phải thu khác (đặt cọc mua văn phòng, mua bán nợ ...)	5.629.333	8.928.101
Xây dựng cơ bản dở dang	251	129.843
	7.060.716	10.865.571

(b) Các khoản lãi và phí phải thu

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	32.527	508.252
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	2.098.055	1.227.316
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.650.332	1.078.001
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	331.602	141.079
Phí phải thu	1.889	74
	4.114.405	2.954.722

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(c) Tài sản có khác

	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	(Phân loại lại) Triệu VND
Vật liệu	10.782	10.735
Chi phí trả trước	602.781	502.851
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho VPBank đang chờ xử lý	1.606.192	1.579.368
Phải thu các hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	887.150	750.150
Lợi thế thương mại (ii)	62.421	-
Tài sản có khác	4.958	14.226
	3.174.284	2.857.330

(i) Đây là các khoản ủy thác đầu tư với kỳ hạn hợp đồng là từ 62 tháng đến 10 năm và hưởng lợi tức theo kết quả kinh doanh thực tế hoặc lãi suất thả nổi và không có tài sản đảm bảo (31/12/2013: thời hạn hợp đồng 62 tháng và hưởng lợi tức theo kết quả kinh doanh thực tế).

(ii) Lợi thế thương mại

	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND
Tổng giá trị lợi thế thương mại	74.905	-
Thời gian phân bổ (năm)	3 năm	-
Giá trị lợi thế thương mại đã phân bổ lũy kế đầu năm	-	-
Giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ đầu năm	-	-
Lợi thế thương mại tăng trong năm	74.905	-
- Lợi thế thương mại phát sinh trong năm (Thuyết minh 38)	74.905	-
Lợi thế thương mại giảm trong năm	(12.484)	-
- Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm	(12.484)	-
Tổng giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	62.421	-

(d) Dự phòng rủi ro các tài sản có khác

	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	606.560	92.398
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	(351.163)	514.274
Sử dụng dự phòng	-	(112)
Số dư cuối năm	255.397	606.560

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

17. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đây là khoản vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá tại NHNNVN và được đảm bảo bởi khoản trái phiếu Chính phủ có giá trị 800.000 triệu VND (31/12/2013: 1.820.649 triệu VND) (Thuyết minh 11). Các khoản vay này có kỳ hạn gốc 7 ngày và chịu lãi suất 5%/năm (31/12/2013: kỳ hạn gốc 7 ngày và chịu lãi suất 5,5%/năm).

18. Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	51.943	94.966
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	47.458	65.035
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.485	29.931
Tiền gửi có kỳ hạn	14.643.034	7.986.669
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	8.568.000	5.734.429
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.075.034	2.252.240
Tiền vay	11.533.272	5.052.417
Tiền vay bằng VND	1.304.147	2.675.999
Tiền vay bằng ngoại tệ	4.715.540	2.169.864
Vay chiết khấu giấy tờ có giá bằng VND (*)	5.513.585	206.554
	26.228.249	13.134.052

(*) Các khoản vay này được đảm bảo bởi khoản trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh có giá trị lần lượt là 4.592.000 triệu VND và 1.767.000 triệu VND (31/12/2013: trái phiếu Chính phủ có giá trị 200.000 triệu VND, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh: không có) (Thuyết minh 11).

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi thanh toán bằng VND	0,50%	1,20%
Tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ	0,25%	0,25%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3%-5,4%	2,5% - 6,4%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,5%-1,2%	0,5% - 1,4%
Tiền vay bằng VND	3,2%-7,1%	3,5% - 10%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,7%-2,8%	0,5% - 3,5%
Vay chiết khấu giấy tờ có giá	3,5%-4,7%	4,9%

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	7.869.933	5.662.433
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	7.056.913	5.314.409
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	813.020	348.024
Tiền gửi có kỳ hạn	98.689.035	77.847.950
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	89.831.886	71.106.552
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	8.857.149	6.741.398
Tiền gửi vốn chuyên dùng	1.439.197	44.626
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	1.430.685	44.544
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	8.512	82
Tiền ký quỹ	355.500	288.771
Tiền ký quỹ bằng VND	257.428	223.969
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	98.072	64.802
	108.353.665	83.843.780

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tổ chức kinh tế	40.116.628	25.168.793
Cá nhân	63.371.776	54.446.288
Đối tượng khác	4.865.261	4.228.699
	108.353.665	83.843.780

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,50%	1,20%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,25%	0,25%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1% - 9%	1,2% - 9%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,2% - 2%	0,05% - 2%

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

20. Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực HĐ) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		
		Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	43.226.798	11.191.967	(11.407.300)	(215.333)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	25.178.021	7.549.617	(7.748.089)	(198.472)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	18.048.777	3.642.350	(3.659.211)	(16.861)
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	27.504.838	4.574.951	(4.625.802)	(50.851)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.340.612	2.657.629	(2.760.747)	(103.118)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	15.164.226	1.917.322	(1.865.055)	52.267

21. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Từ 12 tháng đến 5 năm	9.909.544	5.100.755
Trên 5 năm	2.500.000	2.500.000
	12.409.544	7.600.755

Giấy tờ có giá của VPBank bao gồm các loại chứng chỉ tiền gửi bằng VND có lãi suất từ 7,08% đến 8,5%/năm, lãi trả hàng quý hoặc cuối kỳ (31/12/2013: không có) và trái phiếu bằng VND có lãi suất từ 8% đến 11,2%/năm, lãi trả hàng năm (31/12/2013: từ 10% đến 10,6%/năm).

22. Các khoản nợ khác

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Lãi phải trả cho tiền gửi	1.541.447	1.562.912
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	295.510	314.002
Lãi phải trả các công cụ tài chính phái sinh	176.626	76.384
Lãi phải trả cho tiền vay	23.270	52.919
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư và cho vay	57	47
Phí phải trả	1.580	234
	2.038.490	2.006.498

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Dự phòng cho vay các tổ chức kinh tế khác	264	-

(c) Các khoản phải trả và nợ khác

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ		
Phải trả nhân viên	306.867	158.681
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	284
Các khoản phải trả bên ngoài		
Dự phòng thuế phải nộp (Thuyết minh 35)	118.035	266.922
Lãi trái phiếu chờ phân bổ	31.246	161.046
Các khoản phải trả khác (i)	3.601.589	4.322.041
	4.057.737	4.908.974

(i) Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản phải trả nhà đầu tư chứng khoán, chuyển tiền phải trả và các hợp đồng mua bán nợ.

(d) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Biến động dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng trong năm như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	43.569	14.238
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 38)	157	-
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	(43.726)	29.331
Số dư cuối năm	-	43.569

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

23. Vốn và các quỹ

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông thiểu số	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	5.770.000	1.369	20.036	212.960	35	-	704.704	6.709.104
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.017.620	1.017.620
Trích lập các quỹ	-	-	33.908	61.383	-	-	(95.291)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(27)	-	-	-	(27)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	5.770.000	1.369	53.944	274.316	35	-	1.627.033	7.726.697
Phát hành cổ phiếu thưởng	27.526	-	(27.526)	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	549.884	-	-	-	-	-	(549.884)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.253.593	1.253.593
Trích lập các quỹ	-	-	81.046	159.552	-	-	(240.598)	-
Biến động khác	-	-	7	7	-	-	(14)	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	5	-	5
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.347.410	1.369	107.471	433.875	35	5	2.090.130	8.980.295

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(b) Vốn cổ phần

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	634.741.000	6.347.410	577.000.000	5.770.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	634.741.000	6.347.410	577.000.000	5.770.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	634.741.000	6.347.410	577.000.000	5.770.000

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của VPBank là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của VPBank. Các cổ đông được nhận cổ tức mà VPBank công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của VPBank.

24. Thu nhập lãi thuần

	2014 Triệu VND	2013 (Phân loại lại) Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
Thu nhập lãi tiền gửi	199.763	790.353
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	8.399.420	7.331.922
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	3.338.733	2.888.357
Thu từ dịch vụ bảo lãnh	89.004	69.078
Thu nhập khác	377.298	114.545
	12.404.218	11.194.255
Chi phí lãi và các chi phí tương tự		
Trả lãi tiền gửi	(5.637.244)	(5.877.783)
Trả lãi tiền vay	(561.334)	(782.687)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(750.923)	(364.459)
Chi phí khác	(163.630)	(17.661)
	(7.113.131)	(7.042.590)
	5.291.087	4.151.665

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

25. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2014 Triệu VND	2013 (Phân loại lại) Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	120.027	110.793
Dịch vụ ủy thác và đại lý	83.464	197.191
Dịch vụ tư vấn	80.772	100.479
Dịch vụ đại lý bảo hiểm	454.910	198.073
Dịch vụ khác	220.679	204.595
	959.852	811.131
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Hoa hồng môi giới	(144.857)	(128.977)
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(68.529)	(56.918)
Chi phí bưu điện và mạng viễn thông	(3.742)	(9.068)
Dịch vụ ủy thác và đại lý	(14.869)	(12.672)
Dịch vụ tư vấn	(33.045)	(1.282)
Dịch vụ khác	(87.658)	(67.468)
	(352.700)	(276.385)
	607.152	534.746

26. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	85.177	151.134
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(90.008)	(52.367)
Hoàn nhập dự phòng cụ thể chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	224	19.232
	(4.607)	117.999

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

27. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	526.684	482.012
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	(61.111)	(305.110)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	-	9.000
	465.573	185.902

28. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND (Phân loại lại)
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	171.171	55.705
Thu hồi nợ đã xóa sổ	69.993	25.116
Thu nhập khác	5.244	43.950
	246.408	124.771
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(10.435)	(6.394)
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng và vi phạm hành chính	-	(6.892)
Lỗ thanh lý hợp đồng mua tài sản	(189.494)	-
Chi phí khác	(53.434)	(7.458)
	(253.363)	(20.744)
	(6.955)	104.027

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

29. Chi phí hoạt động

	2014	2013
	Triệu VND	(Phân loại lại) Triệu VND
Thuế, lệ phí và phí	5.125	5.378
Luơng và các chi phí liên quan	1.925.033	1.152.994
Trong đó:		
(a) Luơng và các khoản trợ cấp (nhân viên chính thức, cộng tác viên)	1.713.532	998.475
(b) Các khoản chi đóng góp theo luơng	116.658	76.120
(c) Trợ cấp	2.852	4.054
(d) Trợ cấp ăn ca	58.612	51.956
(e) Chi phí khác	33.379	22.389
Chi phí tài sản	291.891	204.569
Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	107.832	82.731
Chi phí hoạt động quản lý công vụ	530.730	642.490
Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng	75.234	61.734
Chi phí thuê văn phòng	326.714	251.628
Chi phí hoạt động khác	528.257	385.533
	3.682.984	2.704.326

30. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2014	2013
		Triệu VND	Triệu VND
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	(54.967)	308
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	731	5.720
Trích lập dự phòng chung chứng khoán kinh doanh	8	14.979	-
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	10	181.541	129.718
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	1.001.858	346.631
Trích lập dự phòng chung chứng khoán đầu tư	11	70.007	-
Trích lập dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư	11	32.875	-
Trích lập dự phòng trái phiếu VAMC	11	127.339	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	16(d)	(351.163)	514.274
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng	22(d)	(43.726)	29.331
		979.474	1.025.982

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành	355.102	331.592
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(92)	5.634
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	355.010	337.226

(b) Đối chiếu thuế thu nhập doanh nghiệp

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	1.608.603	1.354.846
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(8.716)	(11.628)
Chi phí không được khấu trừ	13.669	5.283
Điều chỉnh thu nhập tính thuế năm nay theo biên bản quyết toán thuế các năm trước	15	(588)
Thu nhập tính thuế	1.613.571	1.347.913
Thuế theo thuế suất của VPBank (22%)	354.986	336.978
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước	24	248
Tổng chi phí thuế thu nhập	355.010	337.226

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của VPBank là 22% theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được rà soát và phê duyệt bởi cơ quan thuế.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên lợi nhuận sau thuế là 1.253.593 triệu VND (31/12/2013: 1.017.620 triệu VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 634.741.000 cổ phiếu (2013: 634.741.000 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế

	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.253.593	1.017.620

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014	2013	2013
		(Điều chỉnh lại)	(Theo báo cáo trước đây)
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	577.000.000	577.000.000	577.000.000
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	57.741.000	57.741.000	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	634.741.000	634.741.000	577.000.000

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2014	2013	2013
	VND	(Điều chỉnh lại) VND	(Theo báo cáo trước đây) VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.975	1.603	1.764

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2013 được điều chỉnh lại để phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành thêm 57.741.000 cổ phiếu, tương ứng với 577.410 triệu đồng mệnh giá: từ lợi nhuận chưa phân phối (trả cổ tức bằng cổ phiếu) là 549.884 triệu đồng và từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 27.526 triệu đồng.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

33. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	1.358.034	1.549.351
Tiền gửi tại NHNNVN	3.701.393	1.523.596
Tiền gửi không kì hạn tại các tổ chức tín dụng khác	1.057.896	1.168.103
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	639.043	745.360
Chứng khoán có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	2.535.659	481.624
	9.292.025	5.468.034

34. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2014	2013
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	8.148	5.561
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương (Triệu VND)	1.614.377	958.011
2. Các khoản phụ cấp (Triệu VND)	58.222	55.085
	1.672.599	1.013.096
Tiền lương bình quân năm (Triệu VND)	198	172
Thu nhập bình quân năm (Triệu VND)	205	182

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

35. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Năm kết thúc 31/12/2014	31/12/2013 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Phát sinh từ hợp nhất kinh doanh Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	23.921	61.256	3	73.828	11.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.926	355.102	1.054	502.603	73.479
Các loại thuế khác	17.649	126.971	-	117.268	27.352
	261.496	543.329	1.057	693.699	112.183

Năm kết thúc 31/12/2013	31/12/2012 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	6.782	54.565	37.426	23.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.078	331.592	188.744	219.926
Các loại thuế khác	19.745	97.467	99.563	17.649
	103.605	483.624	325.733	261.496

Số thuế phải nộp trong năm nay bao gồm 118.035 triệu VND phải trả cho Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 22(c)) và 5.852 VND phải thu do nộp thừa Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 16(a)) (31/12/2013: 266.922 triệu VND phải trả cho Ngân sách Nhà nước và 5.426 triệu VND phải thu do nộp thừa Ngân sách Nhà nước).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

36. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

VPBank theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính tại Việt Nam như sau:

Tại ngày 31/12/2014	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Cấn trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	123.044.000	3.508.512	43.677.320	(6.988.454)	163.241.378
Nợ phải trả	115.057.394	3.528.950	40.587.519	(4.912.780)	154.261.083
Tài sản cố định	398.350	37.167	167.430	-	602.947

Năm 2014	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Cấn trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Doanh thu	21.308.559	909.753	8.413.071	(10.799.214)	19.832.169
Chi phí	21.239.598	942.577	6.766.904	(10.725.513)	18.223.566
Lợi nhuận trước thuế	68.961	(32.824)	1.646.167	(73.701)	1.608.603

Tại ngày 31/12/2013	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Cấn trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	94.040.148	1.073.507	28.100.319	(1.949.604)	121.264.370
Nợ phải trả	83.097.691	3.347.691	28.126.895	(1.034.604)	113.537.673
Tài sản cố định	274.890	41.257	131.259	-	447.406

Năm 2013	Miền Bắc Triệu VND (Điều chỉnh lại)	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Cấn trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Doanh thu	17.628.017	1.488.502	6.019.376	(11.048.265)	14.087.630
Chi phí	16.879.112	1.582.767	5.237.237	(10.966.332)	12.732.784
Lợi nhuận trước thuế	748.905	(94.265)	782.139	(81.933)	1.354.846

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh

VPBank hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, quản lý tài sản và kinh doanh chứng khoán.

Tại ngày 31/12/2014	Ngân hàng Triệu VND	Quản lý tài sản Triệu VND	Kinh doanh chứng khoán Triệu VND	Cần trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	164.481.820	2.657.794	3.090.218	(6.988.454)	163.241.378
Nợ phải trả	154.574.283	2.497.484	2.102.096	(4.912.780)	154.261.083
Tài sản cố định	594.440	900	7.607	-	602.947

Năm 2014	Ngân hàng Triệu VND	Quản lý tài sản Triệu VND	Kinh doanh chứng khoán Triệu VND	Cần trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Doanh thu	29.963.468	260.823	407.092	(10.799.214)	19.832.169
Chi phí	28.334.888	259.077	355.114	(10.725.513)	18.223.566
Lợi nhuận trước thuế	1.628.580	1.746	51.978	(73.701)	1.608.603

Tại ngày 31/12/2013	Ngân hàng Triệu VND	Quản lý tài sản Triệu VND	Kinh doanh chứng khoán Triệu VND	Cần trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	114.816.169	5.541.716	2.856.089	(1.949.604)	121.264.370
Nợ phải trả	107.342.619	5.320.454	1.909.204	(1.034.604)	113.537.673
Tài sản cố định	405.198	30.677	11.531	-	447.406

Năm 2013	Ngân hàng Triệu VND	Quản lý tài sản Triệu VND	Kinh doanh chứng khoán Triệu VND	Cần trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Doanh thu	24.193.791	414.762	527.342	(11.048.265)	14.087.630
Chi phí	22.928.752	411.488	358.876	(10.966.332)	12.732.784
Lợi nhuận trước thuế	1.265.039	3.274	168.466	(81.933)	1.354.846

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

37. Thuyết minh công cụ tài chính

(a) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

VPBank chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này trình bày những thông tin về những rủi ro mà VPBank có thể gặp phải đối với mỗi loại rủi ro, và mục tiêu, chính sách và quy trình của VPBank nhằm đánh giá và quản lý rủi ro, và việc quản lý nguồn vốn của VPBank.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất của VPBank. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng quản lý tài sản có/tài sản nợ (ALCO) và Ủy ban Quản lý Rủi ro (RCO), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên thường trực và không thường trực.

Khung quản lý rủi ro của VPBank được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động ngân hàng. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của VPBank được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà VPBank gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ VPBank cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, VPBank hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của VPBank hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

(b) Rủi ro tín dụng

VPBank chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư cũng như khi VPBank đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi VPBank cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà VPBank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của VPBank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra VPBank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoài bảng dưới dạng các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán, cam kết cho vay không hủy ngang.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của VPBank. VPBank xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng, theo các giới hạn đã xác định và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của VPBank. Về nguyên tắc, VPBank không tham gia vào các hoạt động, sản phẩm tín dụng khi chưa có đầy đủ hiểu biết và các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. Để quản lý rủi ro tín dụng, VPBank chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối quản trị rủi ro. Các báo cáo của Khối quản trị rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

VPBank thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNNVN.

Cách tiếp cận tổng thể của VPBank đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà VPBank đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Xây dựng, hoàn thiện và vận hành hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng;
- Xây dựng, hoàn thiện, vận hành hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ; và
- Ủy ban quản trị rủi ro thực hiện họp định kỳ nhằm giám sát chất lượng tín dụng của ngân hàng, theo dõi tình hình triển khai các chiến lược quan trọng và đưa ra các hành động kịp thời.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của VPBank không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và lập dự phòng đầy đủ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	13.924.632	165	6.451	13.931.248
Chứng khoán kinh doanh (<i>Chứng khoán nợ</i>) - gộp	4.026.941	-	-	4.026.941
Cho vay khách hàng - gộp	73.759.419	1.213.940	3.405.473	78.378.832
Chứng khoán đầu tư (<i>Chứng khoán nợ</i>) - gộp	44.189.329	-	4.022.686	48.212.015
Tài sản tài chính khác - gộp	10.634.617	-	1.305.217	11.939.834
	146.534.938	1.214.105	8.739.827	156.488.870

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và lập dự phòng đầy đủ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	12.110.388	-	5.720	12.116.108
Chứng khoán kinh doanh (<i>Chứng khoán nợ</i>) - gộp	8.241.473	-	-	8.241.473
Cho vay khách hàng - gộp	48.531.102	1.573.705	2.369.316	52.474.123
Chứng khoán đầu tư (<i>Chứng khoán nợ</i>) - gộp	29.069.089	-	-	29.069.089
Tài sản tài chính khác - gộp	13.696.269	-	581.813	14.278.082
	111.648.321	1.573.705	2.956.849	116.178.875

Giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo VPBank nắm giữ làm tài sản thế chấp như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Bất động sản	121.670.767	85.080.187
Động sản	14.422.896	14.034.117
Giấy tờ có giá	47.453.887	11.944.826
Các tài sản đảm bảo khác	51.033.278	49.586.638
	234.580.828	160.645.768

VPBank không nắm giữ tài sản thế chấp mà VPBank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi VPBank không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của VPBank; thậm chí có thể làm cho VPBank bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

VPBank luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng và trái phiếu Chính phủ để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của VPBank. Trong từng thời kỳ, dựa trên cơ cấu về Tài sản Nợ - Tài sản Có của VPBank mà VPBank sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

VPBank hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của VPBank. VPBank nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản có thể đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản VPBank. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của VPBank luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Phòng Hỗ trợ ALCO thuộc Khối Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các hạn mức, chỉ số thanh khoản của VPBank, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của VPBank trình ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của VPBank và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. VPBank áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, VPBank theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của VPBank trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNNVN và các quy định nội bộ của VPBank.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của VPBank trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. VPBank định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của VPBank trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP) theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả tài chính của VPBank theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phải thanh toán.

Tại ngày 31 / 12 / 2014 (Triệu VND)	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.358.034	-	-	-	-	1.358.034
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.701.393	-	-	-	-	3.701.393
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	6.451	-	3.754.401	3.219.831	6.839.378	111.187	-	13.931.248
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	4.260.016	-	-	-	-	4.260.016
Cho vay khách hàng - gộp	1.988.942	2.593.371	10.750.578	7.319.415	15.150.912	26.543.824	14.031.790	78.378.832
Chứng khoán đầu tư - gộp	66.589	-	3.487.141	1.846.994	13.808.171	23.294.276	5.708.844	48.212.015
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	72.304	72.304
Tài sản tài chính khác - gộp	44.087	-	5.647.568	180.589	5.195.583	859.107	12.900	11.939.834
	2.106.069	2.593.371	32.959.131	12.566.829	40.994.044	50.808.394	19.825.838	161.853.676
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	832.555	-	-	-	-	832.555
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	17.946.170	4.484.841	3.544.838	250.943	1.457	26.228.249
Tiền gửi của khách hàng	-	-	35.849.496	26.181.974	35.740.772	10.580.014	1.409	108.353.665
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	215.333	-	-	-	-	215.333
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	621	124.625	125.246
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	9.909.544	2.500.000	12.409.544
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	2.981.714	146.135	2.329.876	114.274	-	5.571.999
	-	-	57.825.268	30.812.950	41.615.486	20.855.396	2.627.491	153.736.591
Mức chênh lệch khoản ròng	2.106.069	2.593.371	(24.866.137)	(18.246.121)	(621.442)	29.952.998	17.198.347	8.117.085

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tại ngày 31 / 12 / 2013 (Triệu VND)	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.549.351	-	-	-	-	1.549.351
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.523.596	-	-	-	-	1.523.596
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	5.720	-	4.154.375	5.460.826	2.495.187	-	-	12.116.108
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	6.738.733	426.963	53.562	1.054.114	236.968	8.510.340
Cho vay khách hàng - gộp	1.474.296	2.468.725	9.482.535	5.854.499	10.894.527	14.014.632	8.284.909	52.474.123
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	303.345	678.769	10.299.764	15.051.646	2.833.965	29.167.489
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	72.304	72.304
Tài sản tài chính khác - gộp	581.813	-	12.946.119	-	-	750.150	-	14.278.082
	2.061.829	2.468.725	36.698.054	12.421.057	23.743.040	30.870.542	11.428.146	119.691.393
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.885.457	-	-	-	-	1.885.457
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	8.708.726	1.800.052	2.625.274	-	-	13.134.052
Tiền gửi của khách hàng	-	-	29.867.944	20.651.497	33.125.124	198.730	485	83.843.780
Công cụ tài chính phái sinh	-	-	50.851	-	-	-	-	50.851
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	63.737	-	63.737
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	5.100.755	2.500.000	7.600.755
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	2.648.192	-	3.680.347	-	-	6.328.539
	-	-	43.161.170	22.451.549	39.430.745	5.363.222	2.500.485	112.907.171
Mức chênh thanh khoản ròng	2.061.829	2.468.725	(6.463.116)	(10.030.492)	(15.687.705)	25.507.320	8.927.661	6.784.222

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của VPBank do những biến động bất lợi của các mức giá, giá trị có liên quan trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát các nguy cơ về rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được đồng thời tối đa hóa lợi ích thu được trên rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại phòng quản trị rủi ro thị trường thuộc Khối quản trị rủi ro. Phòng Quản trị rủi ro thị trường chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình, công cụ, hướng dẫn phương pháp đo lường rủi ro thị trường, đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của VPBank.

Từ năm 2012, Chính sách quản lý rủi ro thị trường ban hành đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản và hệ thống công cụ, giới hạn rủi ro thị trường kiểm soát hoạt động kinh doanh (trading book) và các trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (banking book). Với các công cụ sử dụng kiểm soát như hạn mức trạng thái ngoại tệ rỗng, hạn mức thay đổi của danh mục đầu tư trên một điểm cơ bản (Present value of a basis point - PV01), hạn mức chênh lệch dòng tiền, kỳ hạn và đo lường chênh lệch kỳ hạn (theo mô hình Repricing - Khe hở định giá lại).

Trong tương lai, khi các điều kiện về cơ sở hạ tầng và mức độ sẵn có của dữ liệu đã sẵn sàng, VPBank sẽ áp dụng các phương pháp ưu việt hơn như Value at Risk (VaR), Mô phỏng Monte Carlo... để đo lường chính xác mức độ rủi ro và xác định mức phân bổ vốn cần thiết để bù đắp rủi ro thị trường theo các chuẩn mực của Basel 2.

Công tác dự báo diễn biến thị trường có vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường. Bộ phận quản lý rủi ro thị trường phối hợp với các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu để đưa ra những dự báo nhận biết những thay đổi tiềm ẩn trên thị trường. Từ đó, VPBank có cơ sở đầy đủ để quyết định những biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả.

Trong thời gian tới, VPBank sẽ chủ động nghiên cứu các mô hình đo lường rủi ro đối với các công cụ phái sinh để đảm bảo sẵn sàng kiểm soát các loại rủi ro này khi VPBank quyết định cung ứng những sản phẩm này trên thị trường Việt Nam.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. VPBank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Trong khi đó cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của VPBank bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD...) do đó có phát sinh rủi ro tiền tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

VPBank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của VPBank và các quy định của NHNNVN. Đồng tiền giao dịch chính của VPBank cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của VPBank chủ yếu bằng VND và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của VPBank bằng ngoại tệ khác ngoài VND và Đô la Mỹ. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được VPBank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tại ngày 31 / 12 / 2014 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	709.463	250.305	199.858	92.745	105.663	1.358.034
Tiền gửi tại NHNNVN	1.628.244	2.073.149	-	-	-	3.701.393
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	9.117.355	4.716.141	55.306	-	42.446	13.931.248
Chứng khoán kinh doanh – gộp	2.372.912	1.887.104	-	-	-	4.260.016
Cho vay khách hàng - gộp	74.930.599	3.448.233	-	-	-	78.378.832
Chứng khoán đầu tư – gộp	48.212.015	-	-	-	-	48.212.015
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	72.304	-	-	-	-	72.304
Tài sản tài chính khác – gộp	11.835.384	104.405	3	-	42	11.939.834
	148.878.276	12.479.337	255.167	92.745	148.151	161.853.676
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	832.555	-	-	-	-	832.555
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	15.433.190	10.795.059	-	-	-	26.228.249
Tiền gửi của khách hàng	98.576.912	8.547.495	889.945	-	339.313	108.353.665
Công cụ tài chính phái sinh	8.295.768	(7.201.423)	(685.121)	-	(193.891)	215.333
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	125.246	-	-	-	-	125.246
Phát hành giấy tờ có giá	12.409.544	-	-	-	-	12.409.544
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	5.510.845	55.362	4.478	-	1.314	5.571.999
	141.184.060	12.196.493	209.302	-	146.736	153.736.591
Trạng thái tiền tệ	7.694.216	282.844	45.865	92.745	1.415	8.117.085

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tại ngày 31 / 12 / 2013 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	435.543	207.046	665.769	37.591	203.402	1.549.351
Tiền gửi tại NHNNVN	1.511.340	12.256	-	-	-	1.523.596
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	10.213.756	1.847.285	22.220	-	32.847	12.116.108
Chứng khoán kinh doanh – gộp	6.641.889	1.868.451	-	-	-	8.510.340
Cho vay khách hàng – gộp	48.846.641	3.627.482	-	-	-	52.474.123
Chứng khoán đầu tư – gộp	27.875.521	1.291.968	-	-	-	29.167.489
Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	72.304	-	-	-	-	72.304
Tài sản tài chính khác – gộp	14.087.068	133.776	6.368	50.550	320	14.278.082
	109.684.062	8.988.264	694.357	88.141	236.569	119.691.393
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.885.457	-	-	-	-	1.885.457
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	8.696.187	4.437.865	-	-	-	13.134.052
Tiền gửi của khách hàng	76.689.474	6.558.410	399.043	-	196.853	83.843.780
Công cụ tài chính phái sinh	827.901	(1.090.576)	267.725	-	45.801	50.851
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	62.184	1.553	-	-	-	63.737
Phát hành giấy tờ có giá	7.600.755	-	-	-	-	7.600.755
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	6.280.661	41.742	4.569	-	1.567	6.328.539
	102.042.619	9.948.994	671.337	-	244.221	112.907.171
Trạng thái tiền tệ	7.641.443	(960.730)	23.020	88.141	(7.652)	6.784.222

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của VPBank. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
USD (mạnh thêm 2%)	4.412	(14.411)

Biến động ngược lại của tỷ giá có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của VPBank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Rủi ro về giá chứng khoán

Rủi ro về giá chứng khoán phát sinh từ chứng khoán do VPBank nắm giữ. VPBank theo dõi các chứng khoán trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư của VPBank bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. VPBank quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá thị trường của các chứng khoán niêm yết của VPBank là 5.922 triệu VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 17% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của VPBank sẽ tăng 319 triệu VND hoặc giảm 741 triệu VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của VPBank do những biến động bất lợi của lãi suất. Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất được huy động tài trợ cho các tài sản có đó. Các hoạt động chính của VPBank tạo ra rủi ro lãi suất gồm: các hoạt động cho vay, huy động, đầu tư.

Quản lý rủi ro lãi suất

Việc đánh giá rủi ro lãi suất được đo lường dựa trên mô hình tái định giá (Repricing Model) để phân tích và xem xét thông qua 2 cách thức chính:

- Phân tích thay đổi về thu nhập lãi ròng: dựa trên phương pháp tính lãi cộng dồn do thay đổi về lãi suất theo các kịch bản khác nhau. Cách thức phân tích thay đổi về thu nhập lãi ròng được xem xét tác động trong ngắn hạn.
- Phân tích ảnh hưởng giá trị vốn kinh tế (EVE): giá trị này thể hiện tác động của các biến động về lãi suất lên giá trị kinh tế của tài sản có, tài sản nợ trong nội bảng và các tài sản trên bảng mục ngoại bảng. Cách thức phân tích ảnh hưởng giá trị vốn kinh tế được xem xét tác động trong dài hạn tới VPBank đối với những biến động của lãi suất.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả tài chính của VPBank được phân loại theo kỳ hạn tính từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày xác định lại lãi suất gần nhất hoặc theo ngày đáo hạn của hợp đồng.

Tại ngày 31 / 12 / 2014 (Triệu VND)	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	1.358.034	-	-	-	-	-	1.358.034
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.701.393	-	-	-	-	3.701.393
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	6.451	-	3.754.401	3.219.831	3.027.462	3.811.916	111.187	13.931.248
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	4.260.016	-	-	-	-	4.260.016
Cho vay khách hàng - gộp	4.582.313	-	30.998.334	16.355.905	4.333.690	8.139.342	13.969.248	78.378.832
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	4.022.686	3.487.141	1.846.994	2.745.555	11.062.616	25.047.023	48.212.015
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	72.304	-	-	-	-	-	72.304
Tài sản tài chính khác - gộp	44.087	9.483.189	1.400.024	153.427	-	-	859.107	11.939.834
	4.632.851	14.936.213	47.601.309	21.576.157	10.106.707	23.013.874	39.986.565	161.853.676
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	832.555	-	-	-	-	832.555
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	17.946.170	4.484.841	3.536.135	8.704	252.399	26.228.249
Tiền gửi của khách hàng	-	-	35.849.496	25.730.555	20.424.014	15.753.773	10.595.827	108.353.665
Công cụ tài chính phái sinh	-	215.333	-	-	-	-	-	215.333
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	125.246	-	-	-	-	125.246
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	12.409.544	12.409.544
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	4.913.652	396.736	146.135	-	1.290	114.186	5.571.999
	-	5.128.985	55.150.203	30.361.531	23.960.149	15.763.767	23.371.956	153.736.591
Mức chênh lệch cam với lãi suất	4.632.851	9.807.228	(7.548.894)	(8.785.374)	(13.853.442)	7.250.107	16.614.609	8.117.085

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tại ngày 31 / 12 / 2013 (Triệu VND)	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	1.549.351	-	-	-	-	-	1.549.351
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.523.596	-	-	-	-	1.523.596
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	5.720	-	4.154.375	5.460.826	2.495.187	-	-	12.116.108
Chứng khoán kinh doanh - gộp	33.407	8.476.933	-	175.300	-	-	-	8.510.340
Cho vay khách hàng - gộp	3.943.021	-	23.230.161	15.072.642	5.505.889	1.670.413	3.051.997	52.474.123
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	735.095	303.345	678.769	1.451.670	8.848.094	17.150.516	29.167.489
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	72.304	-	-	-	-	-	72.304
Tài sản tài chính khác - gộp	581.813	12.946.119	-	-	-	-	750.150	14.278.082
	4.563.961	23.779.802	29.211.477	21.212.237	9.452.746	10.518.507	20.952.663	119.691.393
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.885.457	-	-	-	-	1.885.457
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	8.708.726	1.800.052	1.536.914	1.088.360	-	13.134.052
Tiền gửi của khách hàng	-	-	29.867.943	20.651.497	19.289.491	13.835.633	199.216	83.843.780
Công cụ tài chính phái sinh	-	50.851	-	-	-	-	-	50.851
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	63.737	-	-	63.737
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	2.000.755	5.600.000	7.600.755
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	6.328.539	-	-	-	-	-	6.328.539
	-	6.379.390	40.462.126	22.451.549	20.890.142	16.924.748	5.799.216	112.907.171
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	4.563.961	17.400.412	(11.250.649)	(1.239.312)	(11.437.396)	(6.406.241)	15.153.447	6.784.222

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng dưới đây phân tích tính độ mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và vốn chủ sở hữu của VPBank trong vòng 1 năm với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng tại thời điểm ngày 31 tháng 12. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2014</i>	Mức tăng lãi suất giả định	Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế Triệu VND	Mức độ ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu Triệu VND
VND	3,0%	48.195	48.195
USD	1,5%	(84.771)	(84.771)

<i>Năm kết thúc ngày 31/12/2013</i>	Mức tăng lãi suất giả định	Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế Triệu VND	Mức độ ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu Triệu VND
VND	3,0%	(230.565)	(230.565)
USD	1,5%	(49.410)	(49.410)

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(e) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của VPBank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Tại ngày 31/12 / 2014 (Triệu VND)	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý Triệu VND
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VND	
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	1.358.034	-	-	1.358.034	1.358.034
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	3.701.393	-	-	3.701.393	*
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	13.924.797	-	-	13.924.797	*
Chứng khoán kinh doanh	4.243.718	-	-	-	-	4.243.718	*
Cho vay khách hàng	-	-	77.255.692	-	-	77.255.692	*
Chứng khoán đầu tư	-	3.771.454	-	44.189.329	-	47.960.783	*
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	71.831	-	71.831	*
Tài sản tài chính khác	-	-	11.684.437	-	-	11.684.437	*
	4.243.718	3.771.454	107.924.353	44.261.160	-	160.200.685	
Nợ phải trả tài chính							
Tiền gửi và vay từ NHNNVN	-	-	-	-	832.555	832.555	*
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	26.228.249	26.228.249	*
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	108.353.665	108.353.665	*
Các công cụ tài chính phái sinh	215.333	-	-	-	-	215.333	*
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	125.246	125.246	*
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	12.409.544	12.409.544	*
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	5.571.999	5.571.999	*
	215.333	-	-	-	153.521.258	153.736.591	

* VPBank chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tại ngày 31/12/2013 (Triệu VND)	Giá trị ghi số						Giá trị hợp lý Triệu VND
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi số Triệu VND	
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	1.549.351	-	-	1.549.351	1.549.351
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.523.596	-	-	1.523.596	*
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	12.055.421	-	-	12.055.421	*
Chứng khoán kinh doanh	8.508.797	-	-	-	-	8.508.797	*
Cho vay khách hàng	-	-	51.869.416	-	-	51.869.416	*
Chứng khoán đầu tư	-	636.695	-	28.530.794	-	29.167.489	*
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	71.831	-	71.831	*
Tài sản tài chính khác	-	-	13.671.522	-	-	13.671.522	*
	8.508.797	636.695	80.669.306	28.602.625	-	118.417.423	
Nợ phải trả tài chính							
Tiền gửi và vay từ NHNNVN	-	-	-	-	1.885.457	1.885.457	*
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	13.134.052	13.134.052	*
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	83.843.780	83.843.780	*
Các công cụ tài chính phải sinh	50.851	-	-	-	-	50.851	*
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	63.737	63.737	*
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	7.600.755	7.600.755	*
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	6.328.539	6.328.539	*
	50.851	-	-	-	112.856.320	112.907.171	

VPBank chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

38. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 1 tháng 7 năm 2014, VPBank mua lại 100% vốn chủ sở hữu của Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (“VPB FC”) trước đó có tên là Công ty TNHH MTV Tài chính Than - Khoáng sản Việt Nam và trả 1.224.035 triệu VND bằng tiền mặt. Các hoạt động chính của VPB FC bao gồm:

- Cấp các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cho các tổ chức và cá nhân và theo ủy thác của Chính phủ, các tổ chức, cá nhân theo Luật các Tổ chức Tín dụng;
- Chiết khấu, tái chiết khấu tín phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá với các tổ chức tài chính;
- Nhận tiền gửi của các tổ chức kinh tế;
- Phát hành tín phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác; vay vốn của các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế; và

Thực hiện hoạt động đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết đối với các doanh nghiệp, tổ chức; tham gia thị trường tiền tệ và một số hoạt động khác theo quy định của NHNNVN.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động kinh doanh của VPB FC đã đóng góp 116.320 triệu VND doanh thu và 71.545 triệu VND lợi nhuận sau thuế vào kết quả hoạt động kinh doanh của VPBank.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày bị mua lại, VPB FC có doanh thu là 75.947 triệu VND và lợi nhuận sau thuế là 28.910 triệu đồng.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của VPBank tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi số trước thời điểm mua Triệu VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.218	-	1.218
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	283.738	-	283.738
Cho vay khách hàng	760.027	-	760.027
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	44.449	-	44.449
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 14)	13.205	-	13.205
Tài sản có khác	152.546	-	152.546
Tiền gửi của khách hàng	(28.332)	-	(28.332)
Các khoản nợ khác	(77.721)	-	(77.721)
<i>Trong đó: Dự phòng cho cam kết ngoại bảng (Thuyết minh 22(d))</i>	<i>(157)</i>	-	<i>(157)</i>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	1.149.130	-	1.149.130
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 16(c))			74.905
Khoản thanh toán cho việc mua lại			1.224.035

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua lại hoạt động kinh doanh phát sinh chủ yếu từ sự tương đồng đạt được do hợp nhất hoạt động tài chính bán lẻ của VPB FC với hoạt động hiện tại của Ngân hàng. Lợi thế thương mại không được khấu trừ khi tính thuế.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

39. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

	31/12/2013 (Đã phân loại lại) Triệu VND	31/12/2013 (Theo báo cáo trước đây) Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Cam kết khác	-	23.363.837
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Các khoản phải thu	10.865.571	11.615.721
Tài sản có khác	2.857.330	2.107.180
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	11.194.255	11.125.177
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	811.131	880.209
Chi phí hoạt động khác	(20.744)	(17.227)
Chi phí hoạt động	(2.704.326)	(2.837.862)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.025.982)	(895.963)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	10.823.575	10.754.497
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	534.682	603.760
Thu nhập khác nhận được	99.946	103.463
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(2.570.241)	(2.573.758)

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015

Năm 2015, kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục hồi phục, dẫn đầu là nền kinh tế Hoa Kỳ. Khu vực EU tuy tăng trưởng chậm nhưng cũng sẽ khắc phục được vấn đề nợ công. Các thị trường Nhật Bản, Trung Quốc có thể chứng lại song ánh hưởng là không quá lớn. Đối với kinh tế trong nước, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm ở mức 6,2%. Một số chỉ số vĩ mô khác tiếp tục được dự báo ở mức tích cực như chỉ số CPI ước tăng 5%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 10%.

Đối với ngành ngân hàng, từ cuối tháng 12/2014, một số tổ chức xếp hạng tín nhiệm đã nâng triển vọng tín nhiệm ngành Ngân hàng Việt Nam từ mức "tiêu cực" lên mức "ổn định". Dự báo xu hướng sáp nhập ngân hàng sẽ diễn ra mạnh trong năm 2015. Ngoài ra việc Thông tư 36 (quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) chính thức có hiệu lực trong tháng 2/2015 sẽ là vấn đề lớn và quan trọng nhất ảnh hưởng tích cực đến thị trường ngân hàng xét trên khía cạnh minh bạch hóa và quản trị rủi ro. Nhìn chung, bức tranh của ngành ngân hàng trong năm 2015 được dự báo là sẽ tiếp tục ổn định và tích cực hơn.

Đối với VPBank, năm 2015 cũng là năm thứ ba trên chặng đường triển khai chiến lược 5 năm giai đoạn 2012-2017. Sau 2 năm (2013-2014) tập trung xây dựng và củng cố các hệ thống nền tảng để chuẩn bị cho phát triển quy mô lớn, năm 2015 sẽ là năm đầu tiên chuyển sang giai đoạn hai của chương trình chuyển đổi toàn diện, với nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy tăng trưởng quyết liệt để đạt được các mục tiêu về quy mô và mục tiêu tham vọng trở thành một trong những ngân hàng cổ phần hàng đầu vào năm 2017 theo đúng chiến lược đã đề ra. Tiếp nối những công việc đã triển khai trong năm 2014, trong năm 2015 VPBank tập trung vào hai mục tiêu cơ bản:

- **Thúc đẩy tăng trưởng quyết liệt tập trung vào các phân khúc khách hàng trọng tâm của chiến lược và các khu vực thị trường chọn lọc.** Cụ thể, tăng trưởng tín dụng, huy động và cơ sở khách hàng sẽ được đẩy mạnh tại hai phân khúc khách hàng chủ chốt là Khách hàng cá nhân và SME thông qua việc nâng cao năng suất bán hàng và chất lượng đội ngũ. Đối với các khối khách hàng tổ chức lớn CMB&CIB, tập trung vào việc tái cấu trúc danh mục cho vay, đẩy mạnh bán chéo và cung cấp các sản phẩm chuyên sâu. Các khối kinh doanh còn lại sẽ đẩy mạnh phát triển sản phẩm và tối ưu hóa bảng cân đối.

- **Tiếp tục củng cố các hệ thống nền tảng theo hướng tập trung hóa, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động ở mọi khâu mấu chốt.** Cụ thể VPBank sẽ tiếp tục đặt trọng tâm vào hệ thống quản trị rủi ro, củng cố hệ thống phê duyệt; củng cố hệ thống quản lý, xử lý và thu hồi nợ có vấn đề; triển khai và hoàn thiện hệ thống mô hình tổ chức, hệ thống bán hàng và dịch vụ; phát triển nhân sự; và tăng cường hệ thống công nghệ tiên tiến đảm bảo phục vụ tốt quá trình phát triển nhanh của các hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ.

Một số chỉ tiêu kinh doanh, tài chính hợp nhất trong năm 2015

STT	Chi tiêu (tỷ đồng,%)	Kế hoạch 2015
1	Tổng tài sản	204.000
2	Huy động khách hàng	140.000
3	Du nợ cấp tín dụng	118.996
	Trong đó: Cho vay khách hàng	101.892
4	Tỷ lệ nợ xấu	<3%
5	LN trước thuế	2.500

*Ghi chú: Kế hoạch tăng trưởng du nợ cấp tín dụng được xây dựng trên cơ sở dự kiến sẽ được NHNN phê duyệt hạn mức tăng trưởng như trên.

MẠNG LƯỚI VPBANK



209

ĐIỂM GIAO DỊCH CỦA VPBANK
TRÊN TOÀN QUỐC

AN GIANG	02	ĐỒNG THÁP	01	KIẾN GIANG	01	QUẢNG TRỊ	02
BẮC GIANG	04	GIA LAI	01	LONG AN	02	THANH HÓA	07
BẮC NINH	02	HÀ NỘI	63	NAM ĐỊNH	05	THÁI BÌNH	04
BÌNH ĐỊNH	02	HÀ TĨNH	05	NHA TRANG	02	THÁI NGUYÊN	02
BÌNH THUẬN	02	HẢI DƯƠNG	03	NGHỆ AN	06	VĨNH LONG	01
BÌNH DƯƠNG	01	HẢI PHÒNG	09	PHÚ THỌ	02	VĨNH PHÚC	03
CẦN THƠ	04	HÒA BÌNH	02	QUẢNG BÌNH	04	VŨNG TÀU	01
ĐỒNG NAI	03	HỒ CHÍ MINH	42	QUẢNG NAM	01		
ĐÀ NẴNG	10	HUẾ	06	QUẢNG NINH	04		



NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK)

Trụ sở: 72 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 043.9288869 / Fax: 043.9288867 / Website: www.vpbank.com.vn

Dịch vụ chăm sóc khách hàng: 043.9288880 hoặc 1900545415